



mục lục

- 2 Ban đọc và Diễn Đàn
- 3 Báo cáo tài chính (Diễn Đàn)
- 32 Cách gửi tiền mua báo

Thời sự

- 1 Giữa hai làn đạn, đối thoại (Phong Quang)
Việt Nam...đã qua...sắp tới
- 7 Còn vương tơ lòng (Nguyễn Trọng Nghĩa)
- 8 Ngày mai nhân bản (Đơn Hành)
- 10 Giữa băng hoại... (Bùi Mộng Hùng)
- 13 Tài nguyên chất xám (Nguyễn Lộc)
- 15 Từ một kỷ niệm xa (Cao Huy Thuần)
- 18 Tranh luận về "trí thức" (Lê văn Cường,
Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm)
- 20 Điện Biên Phủ (Đỗ Thống)
- 21 Le voyageur de Langevin (Z.T.)

Cộng Đồng

- 22 Thăm dò ý kiến của báo Nhân Bản (Kiến Văn)
Bonjour mon cousin (Phan Tam Khê)

Lá thư Paris

Giữa hai làn đạn, đối thoại...

Thân gửi hai anh P. và L.,

Tôi nợ hai anh mấy cái thư rồi, nay xin trả gộp nhân dịp anh P. sang Mỹ, mấy ngày nữa ghé qua "quận Cam" với anh L. Qua bưu điện, thư về Việt Nam còn diệu vời .. ít nhất trong chủ quan của tôi -- thư sang Mỹ cũng mất cả tuần, chưa viết đã ngại rồi. Hôm nay thắng được cái lười cũng vì biết rằng, qua hộp thư điện tử, chỉ *mấy phút* là thư này tới anh L. Sự tương phản giữa *tức khắc* và *diệu vợi* là một điều vẫn ám ảnh chúng ta trong thư từ và chuyện trò.

Phải thú thật, viết thư này còn có một lý do nữa : những câu hỏi mà tôi phải trả lời hai anh cũng là những vấn đề mà tôi hứa viết với ban biên tập. Cho nên viết thư này đúng là một công ...ba nợ : nợ hai anh và nợ báo Diễn Đàn. Cũng hợp lý thôi : câu hỏi của các anh xoay quanh tờ báo Diễn Đàn, cũng là câu hỏi của nhiều bạn đọc, và hai anh, một ở Hà Nội, một ở Cali, là hai mẫu bạn đọc khá tiêu biểu của tờ báo, xa mặt nhưng không cách lòng.

Diễn Đàn đã ra được 6 số, tóm lại là mới viết xong *ba chữ* : *khởi đầu nan*. Ban biên tập còn đủ *điên* để hì hục trong suốt week-end thứ ba mỗi tháng, lên khuôn cho báo ra kịp đầu tháng sau, và tự lượng còn đủ sức để *điên* dài dài như vậy. Số độc giả mua dài hạn chưa cao (đến hôm nay, chưa đạt con số 1 000) nhưng đủ bảo đảm cho sự tự túc và tồn tại của Diễn Đàn. Đó là điều đáng mừng, hè năm ngoái khi quyết định ra báo, ngay trong chúng tôi cũng ít người dám tin như vậy.

Nhưng câu hỏi lớn nhất vẫn nguyên vẹn, sau nửa năm báo ra đời : *Diễn Đàn, để làm gì?* Và liên quan đến nó, là một loạt câu hỏi : 6 tháng rồi, mà chỗ đứng của tờ báo vẫn chưa rõ nét, lập trường vẫn chưa rõ ràng, các anh có cương lĩnh gì sao không trình bày ra, báo này báo nọ réo tên các anh ra chụp mũ tùm lum mà các anh cứ tinh bợ, im lặng, thảng hoặc có lên tiếng thì viết

(xem tiếp trang 6)

Văn hoá Nghệ thuật

- 17 thơ Lê Đạt, Vũ Cận
- 24 Những người đi giữa hai làn đạn (Nhật Tiến)
- 26 Phạm Duy nói về Con đường cái quan
(Đặng Tiến phỏng vấn)
- 27 Thư gửi Phạm Duy (Trần Văn Khê)
- 29 Sang sông (truyện ngắn, Nguyễn Huy Thiệp)

Diễn Đàn chân thành cảm ơn thư và bài của các bạn :
Nguyễn Hoàng (California, Hoa Kỳ), Phạm Ngọc Lan (Athis-Mons), Nguyễn Khắc Xuyên (Le Perreux), Nguyễn Việt Bắc (Niederbronn), Lá Xanh (Canejan), Trương Pierre (Nouméa), Trần Ngọc Anh (Le Blanc-Mesnil), Bùi Mỹ (Canada), Lý Thành (Ba Lan).

Dưới đây, chúng tôi xin trích đăng một đôi đoạn trong các thư của Nguyễn Hoàng và Phạm Ngọc Lan. Bài không đăng trong hai số liền, và không có thư riêng của ban biên tập, xin các bạn tùy nghi sử dụng nơi khác.

Ngoài các tạp chí thường xuyên trao đổi với Diễn Đàn, đã kể trong các số trước, chúng tôi vừa nhận được ấn phẩm của các đồng nghiệp **Thế Kỷ 21** (Hoa Kỳ), **Terzo Mondo Informazioni** (Ý), **Giao Điểm** (Hoa Kỳ), **Người Việt** (Thụy Sĩ), **Hướng về Nguồn** (Anh), **Đất Nước** (Úc). Trân trọng cảm ơn tất cả. Diễn Đàn đang nghĩ tới một trang (thường xuyên ?), hoặc bài giới thiệu báo chí của cộng đồng người Việt ở nước ngoài, dù là báo chí có trao đổi với Diễn Đàn hay không, song công việc không dễ (vì có quá nhiều ấn phẩm, nội dung rất khác nhau).

Ác ngôn ?

Tôi đã đọc bài “ Đọc Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan ” của Đặng Tiến đăng trên Diễn Đàn số 6 một cách chăm chú – như tôi vẫn đọc tất cả các bài phê bình văn học của Đặng Tiến. Và cũng như mọi khi, tôi vừa thường thức lối viết độc đáo của nhà văn, vừa thích thú chia sẻ những nhận xét tế nhị và thẳng thắn của nhà phê bình, vừa học hỏi những kiến thức về văn học của nhà mô phạm – văn học vốn không phải là lãnh vực chuyên môn của tôi. Riêng trong bài về Nguyễn Ngọc Lan, tôi không đồng ý với hai chữ “ độc ác ” mà Đặng Tiến đã hai lần dùng để làm tính từ cho “ lối viết ” và “ lối chơi chữ ” của tác giả. Và toà soạn Diễn Đàn còn đóng sâu thêm cái đinh khi gán thêm chữ “ độc ác ” cho “ ngôn từ ” của Nguyễn Ngọc Lan, trong lời chú thích cuối bài. Dĩ nhiên, nhiều tính từ khác cũng đã được dùng như “ dí dỏm, tinh tế, sắc sảo ”, nhưng riêng đối với tôi, từ “ độc ác ” đã lấn át tất cả, và tôi nghĩ cũng sẽ gây ấn tượng đối với một số người đọc. Trong một tác phẩm mà cả “ lối viết, lối chơi chữ và ngôn từ ” đều độc ác thì tôi nghĩ đó là một phán xét quá nặng nề. Tôi đã đọc kỹ nhật ký Nguyễn Ngọc Lan, và tôi không cảm thấy cái “ độc ác ” toát ra trong tác phẩm này.

(Phạm Ngọc Lan, Athis-Mons)

[Chữ “ độc ác ” dùng theo nghĩa bút pháp có hiệu lực nhất định. Có thể dùng với Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Thiệp... Nguyễn Đình Thi dùng chữ “ tàn nhẫn ”, Nguyễn Mộng Giác dùng chữ “ rốt ráo ”, nghĩa dù có khác, đại ý cũng gần như vậy, như chữ style voltaireien của người Pháp. Tôi dùng chữ ấy là một cách quảng cáo kín đáo cho cuốn sách. Ngoài ra, phần đông độc giả trách tôi viết phê bình mà quá nhẹ tay, “ bao cấp ”. Bạn trách tôi “ phán xét quá nặng nề ” thì... tôi khoái.]

D.T.]

Thoáng hơn

Thực ra, gần như số Diễn Đàn nào cũng ít nhiều động đến vấn đề mục tiêu và chỗ đứng của DĐ. Từ số đầu, cho đến số 5, đặc biệt là hai bài của Đặng Tiến và Bùi Mộng Hùng

quanh vấn đề ghetto. Điều đó, theo tôi nghĩ cho người đọc thấy cái loay hoay tìm kiếm và nỗ lực tự xác định của DĐ. Với một số người gần gũi với Đoàn Kết - Diễn Đàn sự loay hoay là biểu hiện tất yếu của một chặng đường. Với một số người, không xa lạ với Đoàn Kết - Diễn Đàn, nhưng tự đặt ra một số kỳ vọng nào đó, có thể họ sẽ thất vọng, hoặc bắt đầu sốt ruột.

Bản thân tôi, thật khó để mà khách quan trong vấn đề này. Vì thật tình, tôi vừa muốn DĐ được phổ biến thật rộng, và có nhiều người đóng góp bài viết, vừa có một bản sắc và vị trí của nó (tránh nói là “ riêng ” vì không hẳn là riêng). Hai điều này thật ra không loại trừ nhau, chỉ rất khó “ hoà hợp ” trong giai đoạn này thôi.(...)

Vậy tôi hiểu (muốn) Diễn Đàn như thế nào ?

– Trong hoàn cảnh thông tin về các vấn đề trong nước chưa được thông suốt và chính xác, DĐ làm được việc này tốt chừng nào hay chừng đó. Nhưng nên là những nét lớn, vì là báo hàng tháng nên một số tin chi tiết đã mất tính thời gian. Cần làm rõ (trong điều kiện cho phép) các nỗ lực, suy nghĩ, và các giới hạn của những người đấu tranh cho một xã hội tốt đẹp hơn. Cái khó là khen, khen đúng và dám khen, nếu có cái để khen.

– Thái độ và phản ứng của người viết trên DĐ (đối với các vấn đề trong nước và trong cộng đồng) phải trực diện và xây dựng. Cái khó vẫn là những cái nhãn hiệu có thật và không có thật còn đeo đẳng như một ám ảnh (cả người viết lẫn người đọc) một cách vô ích. Tôi nói vô ích vì có những thứ vẫn cần lưu giữ và nhất quán.

– Tốt hơn hết vẫn là có nhiều người khác chịu viết cho DĐ. Được nhu thế không khí sẽ thoáng hơn. Và điều này tuy khó nhưng vẫn có thể nên cố đẩy thêm. Thí dụ : định ra chủ đề cho vài số, thông báo và mời thiêu hạ viết, mời trực tiếp những cá nhân mà ban biên tập nghĩ là nên (có gây ra tranh luận – controversial – càng hay).Thêm vào đó, một số cây viết quen biết của DĐ có thể nên gửi bài cho các báo khác, như anh Đặng Tiến đã làm.

– Một dạng tôi thấy rất thành công là ghi lại các buổi toạ đàm. Nó sẽ giúp mở ra, giới thiệu sự khác biệt và chấp nhận nhau.

Nói tóm lại, tôi có ý nghĩ là DĐ nên tham gia vào sinh hoạt báo chí trong cộng đồng ở hải ngoại một cách nào đó.

(Nguyễn Hoàng, Hoa Kỳ)

Bài tạm gác

Vì bài vở số này quá nhiều, chúng tôi buộc phải hoãn một số bài, trong đó có :

- Viết bạn Nguyễn Văn Cẩn, của Hoàng Xuân Hãn
- Mục Quyền trả lời : các bài của nhà văn Thế Uyên, nhà báo Thành Tín.

Xin các tác giả và bạn đọc thứ lỗi.

Sửa mà không sửa

Tuy có tham vọng là trở thành tờ báo Việt ngữ ít lỗi chính tả nhất thế giới, Diễn Đàn còn để sót khá nhiều lỗi, kể cả lỗi ngữ pháp của nghề in, mặc dầu cũng đã có tiến bộ “ trông thấy ”. Đỉnh cao của tội lỗi là bài của Vũ Quang Việt, Ngô Thanh Nhàn (số 6) : thay vì lên khuôn bản đã sửa lỗi, chúng tôi đã lén khuôn bản chưa sửa ! Xin chịu lỗi với bạn đọc và các tác giả.

(Xem tiếp trang 6)

Báo cáo tài chính

Như đã hứa trong Diễn Đàn số 5 (tháng 2.1992), dưới đây là một vài con số tóm tắt tình hình tài chính của Diễn Đàn sau nửa năm hoạt động.

Thu (tiền nhận được tính tới ngày 13.3.92):

Ủng hộ	48.900 F
Mua dài hạn	191.800 F
Tổng cộng	240.700 F

Chi (cho 6 số báo, tính tròn) :

In	51.300 F
Gửi	29.000 F
Vật dụng văn phòng (Phong bì, Nhãn ghi địa chỉ, Bộ chữ tiếng Việt...)	14.300 F
Tem thư	2.200 F
Linh tinh (sửa máy...)	5.000 F
Tổng cộng :	101.800 F

Trên đây chỉ là những con số tóm lược. Để bạn đọc biết rõ tình hình của tờ báo, chúng tôi xin kèm theo một vài nhận xét và chi tiết như sau :

1. Về tiền chi, những con số ghi trên chưa phản ánh một tình hình ổn định của tờ báo vì nhiều lý :

– Trước hết, tiền in trung bình của mỗi số Diễn Đàn, ở mức 1200 bản, 32 trang, là vào khoảng 7000 F. Số tiền 51.300 F cho 6 số đầu cao hơn mức trung bình nói trên ($6 \times 7000 F = 42.000 F$) vì : a/ trong hai số đầu chúng tôi đã phải in tới 2000 bản mỗi số để gửi tới những bạn đọc đã mua dài hạn của Đoàn Kết cũ ; b/ số 5 là số đặc biệt (bìa màu, 40 trang) ; c/ số 6 in thêm 400 bản trong một chương trình vận động thêm bạn mua báo (promotion).

Trong tương lai, chúng tôi dự định mỗi năm có hai số đặc biệt (Tết và hè), một hoặc hai lần in thêm để quảng cáo, tiền in trung bình của mỗi số báo sẽ vào khoảng 7.500 F.

Tiền gửi cũng sẽ có những điều chỉnh tương tự (mỗi tờ báo trên 32 trang, nặng quá 100 g, tiền gửi lên gần gấp đôi !), để đạt mức trung bình khoảng 4.000 F mỗi số (thấp hơn số đã chi, phần chính là do tờ báo đã được vào " commission paritaire " từ số 4).

– Cho tới khi số 6 ra đời, do chưa tính toán kỹ, chúng tôi hoàn toàn chưa đầu tư vào máy móc, phương tiện làm báo : cả máy vi điện tử để đánh và xử lý bài bản, máy in nhỏ (Laser printer) để in một bản mẫu cũng phải mỗi lần đi mượn ! Trước mắt, dựa theo báo cáo trên đây của ban quản lý, Diễn Đàn đã quyết định mua một máy in nhỏ cỡ Laser Printer cho ban kỹ thuật và một máy in loại " Jet d'Encre " cho ban quản lý.

– Bạn đọc hẳn đã nhận thấy, trong những mục chi ghi trên kia, hoàn toàn không có phí tổn nhân sự : nếu phải trả lương cho một người (dù chỉ một nửa lương tối thiểu), Diễn Đàn cũng không thể sống nổi ! Tuy nhiên, đối với những anh chị em làm

báo, Diễn Đàn vẫn chưa tính trả lại những chi tiêu của mỗi người trong khuôn khổ những hoạt động cho tờ báo (tư liệu, điện thoại, tiếp khách...). Mặt khác, **nhuận bút cho những tác giả ở Việt Nam** chưa tính. Trong một tương lai gần, sau khi có ý kiến của một nhà kế toán chuyên nghiệp, một số khoản chi tiêu " linh tinh " sẽ được ghi đầy đủ hơn vào ngân quỹ báo.

– Nói chung, chúng tôi dự tính ngân quỹ cho một số Diễn Đàn sẽ **không vượt quá 17.000 F**, như trung bình của 6 số đầu, song với những khoản chi phí điều chỉnh lại hơi khác (bớt được phần in, gửi, nhưng tính đủ hơn các chi tiêu khác như đã trình bày).

2. Ngân quỹ nói trên cũng xấp xỉ mức thu trung bình, nếu có 750 bạn mua dài hạn (mỗi người 250 F, chia cho 11 số báo mỗi năm, kể cả hai số đặc biệt).

Tuy nhiên, khi những đợt vận động bạn đọc mua dài hạn trở lại cho năm thứ hai (vào các tháng cuối năm nay) chưa diễn ra, một sự thận trọng tối thiểu vẫn là cần thiết.

– Chính vì thế mà số tiền ủng hộ của rất đông đảo bạn bè khi Diễn Đàn mới ra, ngoài tác dụng cho phép tờ báo chào đời – khi số bạn mua dài hạn chưa có bao nhiêu –, chúng tôi mới chỉ tự cho phép sử dụng trong hai quyết định đầu tư mới đây (như đã ghi ở trên).

– Cũng cần nói rõ rằng con số 750 bạn mua dài hạn đã đạt được khi chúng tôi lén khuông tờ báo này. Chính xác hơn, tới ngày 15.3.1993, có 752 bạn ở Pháp và các nước phương Tây đã đóng tiền mua báo. Diễn Đàn còn được gửi tới 275 địa chỉ ở Việt Nam và các nước Đông Âu. Tình hình kinh tế khó khăn của cộng đồng người Việt ở các nước nguyên " xã hội chủ nghĩa " này khiến chúng tôi vẫn chưa thể từ chối những yêu cầu gửi báo biểu của các bạn đang học tập, sinh sống ở đây (tuy rằng, tỉ lệ báo biểu đã đạt tới một mức khá cao). Đó cũng là lý do khiến giá thành của tờ báo " cao hơn thực tế " đối với bạn đọc ở Pháp hay các nước phương Tây (những dấu ngoặc kép chỉ để nhắc lại lần nữa rằng đây là giá thành của một tờ báo không tính công người làm báo !). Tuy nhiên, những chứng từ chúng tôi thu nhận được cho phép nghĩ rằng những bạn đọc có điều kiện kinh tế sẵn sàng chấp nhận phần giá cao đó để tiếng nói Diễn Đàn về tới quê hương và đến tay những bạn đọc ở Đông Âu.

Diễn Đàn một lần nữa xin bày tỏ nơi đây lòng biết ơn tri ngộ đối với những ủng hộ thịnh tình, từ tinh thần tới vật chất, của bè bạn bốn phương.

3. Tóm lại, kinh nghiệm của 6 tháng làm báo cho thấy, một tờ nguyệt san thông tin, nghị luận, độc lập với mọi tổ chức như Diễn Đàn, với số bạn đọc mua báo như hiện nay là **hoàn toàn sống được**. Dĩ nhiên, như vậy không có nghĩa là về phần mình, Diễn Đàn sẽ không tiếp tục cố gắng để có nhiều độc giả hơn – cũng tức là có chất lượng cao hơn, nhiều người viết đa dạng hơn, đáp ứng hơn những yêu cầu của cộng đồng –, và cả có nhiều quảng cáo hơn, để những vấn đề tài chính được giải quyết chắc chắn hơn, cho phép anh em biên tập tập trung hơn tâm trí của mình vào phần nội dung. Tất nhiên, cần bản hồn, có vấn đề hình thành một tập san chuyên nghiệp. Nhưng đó lại là một câu chuyện hoàn toàn khác, ra ngoài phạm vi của báo cáo nhỏ này...

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Việt - Mỹ : MIA

Trợ lý bộ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ đặc trách Đông Á - Thái Bình Dương Richard Solomon, dẫn đầu một phái đoàn cao cấp gồm 13 quan chức, đã tới Hà Nội ngày 4.3 để đàm phán với chính phủ Việt Nam về những vấn đề liên quan tới 2.267 quân nhân Mỹ mất tích hoặc bị bắt trong chiến tranh Việt Nam (MIA/POW). Đây là phái đoàn cao cấp nhất của Hoa Kỳ đã tới Việt Nam, kể từ chuyến đi năm 1986 của ông Paul Wolfowitz, người tiền nhiệm của ông Solomon.

Cùng đi với ông Solomon, còn có ông Alan Ptak, phó trợ lý bộ trưởng quốc phòng về các vấn đề MIA/POW, thiếu tướng Thomas Needham, phụ trách đơn vị đặc biệt " Full Accounting " (Thanh toán toàn bộ) và bà Ann Mills Griffiths, đứng đầu Liên đoàn quốc gia các gia đình MIA/POW. Ngoài ra, còn có các ông George Laudato phó trợ lý giám đốc Cơ quan Viện trợ Mỹ USAID, Frederick Downs, giám đốc chính hình của Cơ quan Cựu chiến binh Mỹ. Sự có mặt của hai quan chức này liên quan tới lời hứa năm ngoái của chính phủ Hoa Kỳ về việc viện trợ 1,3 triệu Mỹ kim cho một chương trình phẫu thuật chỉnh hình những thương binh Việt Nam. Tuy nhiên, những chi tiết về một khoản viện trợ như vậy chưa được công bố.

Ông Solomon đã làm việc với ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm và đã được thủ tướng Võ Văn Kiệt tiếp. Tuy chỉ tập trung trong vấn đề MIA, và một phần nào trong việc viện trợ nhân đạo cho Việt Nam, chuyến đi của ông Solomon được coi như một bước tiến mới trong quá trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Việt. Sau giải pháp hòa bình ở Campuchia, MIA là vấn đề tồn tại chính trong việc thiết lập lại bang giao giữa hai nước.

Sau Việt Nam, phái đoàn đã sang Lào và Campuchia, cũng để làm việc trong vấn đề MIA.

(AFP 4.3, Reuter 5.3.1992)

Thoả thuận ngân hàng Mỹ - Việt

Một thoả thuận cho phép người Việt Nam tại Mỹ chuyển tiền về giúp gia đình qua ngân hàng Mỹ đã được ký kết tại Hà Nội ngày 10.3, giữa các ông Hà Văn Sung, phó tổng giám đốc Vietcombank và Breenborg, phó thống đốc Ngân hàng Hoa Kỳ (Bank of America). Thoả thuận bảo đảm việc chuyển tiền được "trực tiếp, nhanh chóng và an toàn".

Trong 6 tháng đầu năm qua, người Việt ở nước ngoài đã gửi về nước số tiền tương đương với 25 triệu đô la Mỹ.

((AFP 12.3.1992)

Việt - Trung : nối lại giao thông

Báo chí Hà Nội đưa tin ngày thứ bảy 7.3, một đoàn đại biểu chính thức của đảng cộng sản Việt Nam, do ông Lê Phước Thọ, ủy viên Bộ Chính trị kiêm Bí thư trung ương phụ trách tổ chức dẫn đầu, đã đi thăm Trung Quốc do lời mời của Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Trung Quốc, từ ngày 6.3, song không nói rõ trong thời gian bao lâu. Ngày 9.3, đoàn đã được Tổng bí thư Giang Trạch Dân tiếp. Đây là đoàn đại biểu chính thức đầu tiên của đảng cộng sản Việt Nam sang thăm Trung Quốc kể từ

khi hai bên nối lại quan hệ.

Cùng trong thời gian này, hai nước đã ký kết 4 hiệp định nối lại các đường hàng không, hàng hải, đường sắt và bưu điện. Phía Trung Quốc thông báo rằng đường sắt đi Việt Nam đã được sửa chữa xong và sẵn sàng hoạt động khi bên Việt Nam cũng sửa xong phần của mình.

(AFP 6 - 8.3.1992)

4 năm đầu tư

Theo tổng kết của Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, sau 4 năm thực hiện luật đầu tư, Việt Nam đã cấp giấy phép cho 363 dự án đầu tư với tổng số vốn 2 tỷ 697 triệu đô la của các công ty thuộc 34 nước. Trong đó, riêng năm 1991 có 114 dự án với tổng số vốn 1,2 tỷ đô la.

Các nước dẫn đầu về vốn đầu tư là : Đài Loan (602 triệu đô la, 46 dự án), Hồng Kông (393 triệu đô la, 90 dự án), Úc (280 triệu đô la, 18 dự án), Pháp (216 triệu đô la, 27 dự án). Riêng Việt kiều có 27 dự án với tổng số vốn 49 triệu đô la. Hai lĩnh vực nhận đầu tư nhiều nhất là dầu khí (664 triệu đô la) và du lịch - dịch vụ (500 triệu đô la).

Được biết, 70% các xí nghiệp có vốn nước ngoài đã hoạt động nằm ở các tỉnh miền Nam. Ngoài ra, thành phố HCM đã cấp giấy phép cho 180 công ty nước ngoài mở văn phòng đại diện ở thành phố (và có khoảng 150 công ty đã mở văn phòng hoạt động mà chưa có giấy phép). Báo Thanh Niên (22.2.1992) cho biết, văn phòng có doanh số lớn nhất là Prima Comexindo của Indonêxia với hơn 17 triệu đô la.

Theo ông Lê Mai, phó chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, trong quá trình bốn năm qua, Việt Nam có mắc phải một số sai lầm như trong qui định tiền lương cho công nhân, tiền thuê nhà đất và các thủ tục di lại, giao nhận hồ sơ, cấp giấy phép... Ông cho rằng năm 1992 sẽ là năm chứng kiến nhiều dự án đầu tư lớn trong các lĩnh vực sản xuất xi-măng, lọc dầu và khai thác quặng sắt.

(Tuổi Trẻ 22.2.1992)

Thêm hai đặc khu kinh tế

Theo Hà Nội Mới ngày 24.2, ông Nguyễn Mai, phó chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư vừa thông báo quyết định mở trong năm nay hai đặc khu kinh tế ở Hải Phòng và Đà Nẵng, để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sản xuất những mặt hàng dành cho xuất khẩu. Khu "chế xuất" đầu tiên, được thiết kế tại Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, cũng vừa được bắt đầu khởi công xây dựng trong tuần lễ trước đó.

Theo ông Mai, những cơ sở công nghiệp hoạt động trong các đặc khu nói trên sẽ được miễn thuế lợi tức trong 4 năm đầu và sau đó chỉ chịu thuế 10% trên tiền lãi làm ra. Các cơ sở phi công nghiệp sẽ chịu tỷ suất thuế 15%.

(AFP 24.2.1992)

Dự thảo sửa đổi Hiến Pháp...

Từ ngày 24.3 đến ngày 12.4 này, Quốc hội sẽ họp để thông qua dự thảo sửa đổi Hiến Pháp, luật bầu cử quốc hội và những

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

luật tổ chức các cơ quan nhà nước. Trong dịp này, đoàn đại biểu thành phố Hồ Chí Minh có đề nghị quốc hội bỏ hình thức thảo luận ở tổ và tổ chức việc thảo luận ở hội trường để mỗi đại biểu có thể theo dõi đầy đủ các ý kiến tranh luận. Đồng thời, trên các vấn đề lớn (chủ tịch nước hay hội đồng nhà nước, quyền sở hữu hay quyền sử dụng đất đai...) phải có quyết định đa số bằng cách bỏ phiếu kín.

Tại thành phố HCM, theo “ Ban chỉ đạo lấy ý kiến sửa đổi Hiến pháp ”, xu hướng xây dựng quốc hội chuyên trách được đa số ý kiến coi là một trong những điểm mấu chốt để giảm tính hình thức của quốc hội. Song việc loại bỏ hoàn toàn sự kiêm nhiệm các chức vụ hành pháp hoặc tư pháp của đại biểu quốc hội chưa được nêu lên rõ ràng. Số đại biểu quốc hội cũng có thể giảm xuống tối đa còn 300 thay vì gần 500 như hiện nay.

Ý kiến đa số còn cho rằng việc lựa chọn ứng cử viên phải được “ tiêu chuẩn hoá ” thay vì chỉ dựa trên cơ cấu thành phần như hiện nay. Ngoài ra, cần qui định thêm quyền vận động bầu cử cho các ứng cử viên, và bảo đảm có chọn lựa cho cử tri (tối thiểu 5 người ứng cử cho một đơn vị 3 đại biểu).

Đa số ý kiến cũng đề nghị bỏ định chế Hội đồng nhà nước để thay bằng định chế Chủ tịch nước. Qui định như trong dự thảo thì Hội đồng nhà nước trở thành một siêu quốc hội, đứng trên quốc hội chứ không phải chỉ là cơ quan thường trực như tên gọi.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhiều ý kiến cho rằng cần có một chương thể chế hoá những quan hệ giữa đảng và nhà nước. Ghi như hiện nay trong điều 4 thì các cấp đảng dễ tự biến mình thành những cấp nhà nước.

(Tuổi Trẻ 20 và 27.2.1992)

Bắt bớ và xử án người chống đối

Theo tập san Pháp Luật, một quân nhân chế độ miền Nam cũ, ông Đỗ Văn Thạc và 5 người khác đã bị một tòa án ở Hà Tây xử tù vì những hoạt động chống đối chế độ. Ông Đỗ Văn Thạc bị buộc tội thành lập một tổ chức chống đối mang tên “ Tổ Hạch Tâm ”, và bị xử 14 năm tù. Năm người kia bị từ 3 đến 12 năm tù, đều là những cựu đảng viên đảng “ Đại Việt Duy Dân ” đã bị giải thể năm 1957 ở miền Bắc, trong đó có người con ông Phạm Đình Tiên, một lãnh tụ của Đại Việt Duy Dân. Tờ Pháp Luật không nói rõ vụ án đã được xử ngày nào.

Tờ Hà Nội Mới ra ngày 4.3 cũng đưa tin nhiều người bị bắt vì hoạt động thành lập đảng Đại Việt Dân Chủ. Tờ báo kể tên ông Phạm Văn Thục (Thúc ?) bị buộc tội đã “ gửi 6 bài cho đài BBC kêu gọi phương Tây can thiệp để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ”.

(AFP 4 và 5.3.1992)

Thuyền nhân : vượt biên và hồi hương

Theo số liệu của văn phòng Cao ủy tị nạn Liên hiệp quốc (HCR) ở Hà Nội, trong năm 1991 đã có 22.422 thuyền nhân vượt biên đến Hồng Kông (20.208 người) và các nước khác. Số thuyền nhân ra đi cao nhất là từ tháng giêng đến tháng sáu (13.930 người), sau đó giảm dần và trong tháng 12 chỉ có 43

người đến các trại tị nạn. HCR giải thích sự kiện đó bởi chủ trương không trợ cấp khi hồi hương cho những người vượt biên sau ngày 28.9.1991.

Đến ngày 19.2.1992, số thuyền nhân hồi hương đã lên đến 21.491 người trong đó số trở về từ Hồng Kông là 15.461 người. Việt Nam và Cộng đồng kinh tế châu Âu (CEE) đã thoả thuận về một chương trình giúp người hồi hương “ tái hoà nhập ”. Chương trình được thực hiện trong 30 tháng với một ngân sách 130 triệu đô la do CEE tài trợ.

(Tuổi Trẻ 22 và 29.2.1992)

Người Việt ở Đông Âu : định cư và hồi hương

Ngày 20.2, Việt Nam đã yêu cầu các đồng minh cũ ở Đông Âu cho phép những người lao động và sinh viên Việt Nam hiện ở các nước đó được phép tiếp tục ở lại, không bị cưỡng bức trở về. Ở Đức, hiện còn 30.000 người lao động Việt Nam trên số 60.000 đã sang đây trong những năm 80. Mười nghìn người đã nộp đơn xin tị nạn chính trị, còn lại 20.000 khác sống bất hợp pháp trong các bang của Cộng hoà Dân chủ Đức cũ (Đông Đức). Chính phủ Đức đã quyết định bỏ ra một ngân khoản 10 triệu Đức mã để giúp số người Việt Nam nói trên trở về nước, nhưng chưa đi đến được thoả thuận với chính phủ Việt Nam về việc này.

(AFP 20.2 và 13.3.1992)

Tin ngắn

► Bắt đầu từ tháng 5.1992, Air France sẽ mở đường bay hàng tuần, mỗi thứ sáu, từ Paris **đi** Hà Nội, có ghé lại thành phố Hồ Chí Minh.

► Theo báo Thanh Niên (16.2.1992), Tết năm nay đã có **45.000** Việt kiều về nước ăn Tết.

► Trong 11 năm qua, 350.000 công dân Việt Nam đã **đi định cư ở nước ngoài** một cách hợp pháp. Trên phân nửa số người này hiện sống ở Hoa Kỳ.

► Khách sạn **Thống nhất - Métropole** ở Hà Nội đã mở lại cuối tháng 2 sau hơn một năm sửa chữa, tân trang. Một công ty liên doanh Việt Pháp (phía Pháp là Feal, Accor and Elysee Investments, với vốn của 4 ngân hàng Pháp) đã đứng ra đầu tư sửa chữa và kinh doanh khách sạn 4 sao này, với số vốn 9 triệu đô la.

► Cán cân thương mại của Việt Nam trong năm 1991 là : **xuất** 2 tỷ 81 triệu đô la ; **nhập** 2 tỉ 198 triệu đô la.Bạn hàng chính là Xinggapo.

► Từ đầu năm nay, từ Pháp có thể **gọi điện thoại trực tiếp** về Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Cách gọi : làm mã số “ quốc tế ” (19), đợi đường dây thông suốt, rồi mã số Việt Nam (84), số vùng (Hà Nội : 4, Thành phố : 8), rồi tới số của người nhận điện thoại. Giá một phút nói chuyện : 16,09 F chưa kể thuế TVA.

► Từ ngày 10.2, chương trình tiếng Việt của **đài RFI** có thể nghe được trong vùng Paris, trên làn sóng vừa 738 kHz, mỗi ngày từ 17 đến 18 giờ (giờ mùa hè).

Bạn Đọc và Diễn Đàn

(tiếp theo trang 2)

Giúp Thăng Long : Version Française là AUFV

Vì quen tay, chúng tôi đã đánh máy tên viết tắt của hội Amitié Universitaire France-Vietnam (bài **Đã 3 năm**, của Colette Andrieu và Bùi Trọng Liễu, số 6) là AUVF, khiến cho chị Colette nhận được một số ngân phiếu ủng hộ đề sai tên hội. Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và hội AUFV ; và xin nhắc lại : ngân phiếu ủng hộ Trường Thăng Long, xin đề A.U.F.V., 16 rue du Petit-Musc, 75004 Paris.

Ý nhảm

Diễn Đàn số 5, trong bài thơ Gửi VĐ của Đặng Tiến, có một câu hơi lạ :

Khởi đọc văn chương nhảm ý mất giờ

Xin bạn đọc sửa lại cho đúng :

Khởi đọc văn chương nhảm — mất giờ

Tại sao lại lọt chữ " ý " nhảm nhí đó ? Vì chương trình chữ Việt thiếu gạch dài (—), mỗi lần dùng phải đổi sang chương trình tiếng Pháp, đổi đi đổi lại mà quên, thì dấu "—" trở thành " ý " cũng như các dấu ngoặc kép ("") và ("") thì trở thành Ơ và Â. Xin có đôi lời giải thích dài dòng như vậy, để khi gặp phải những hạt sạn Ơ, Â, ý... (mà chúng tôi cố tránh nhưng vẫn còn sót) bạn đọc có thể giải mã và sửa lại cho đúng.

Vô lẽ với cổ nhân

Diễn Đàn số 6, bài Lời toà soạn cho cái gọi là " thư Pari ", tên nhà thơ Ba Tư thay vì Omar KHÉMAN xin đọc là KHEYAM. Đây cũng là người mà Kim Dung nói đến trong " Cô gái Đồ Long " dưới tên Nga Mạc.

Nhấn tin

Bà Trương thị Ngọc Bàng, trước 1975 làm thư ký ở thương cảng Đà Nẵng và ông Ngô Bá Niên, trước 1975 là thượng sĩ nhất, hải quân ở Duyên phòng Cam Ranh, nay ở đâu xin thư về cho ông Bùi Văn Khiển, 10.600 Brunswick Road, # 304, Bloomington, MN 55438, USA.

Lá thư Paris

(tiếp theo trang 1)

lách dãm dẵn và bí hiểm đến mức bạn đọc thiện chí cũng ngờ là cách anh kiêu căng, hoặc co cụm. Tóm lại : sao Diễn Đàn chưa dứt khoát, mà cứ lẩn cẩn trong cái *thế gân gà* của thời Đoàn Kết ?

Trong một trang thư, tôi không thể kê khai tất cả những lý do, cái nào cũng xác đáng như cái nào, để giải thích cái vẻ gân gà của tờ báo : biên tập viên Diễn Đàn đều thuộc tạng hùng giã viết nẩy, chỉ viết khi có hứng, lại chủ quan nghĩ rằng lập trường của mình đã thể hiện từng bước, nhưng khá nhất quán, trong nhiều năm qua, cho nên tờ báo không cần thiết phải công bố cương lĩnh như một đoàn thể chính trị mới xuất hiện nơi đấu trường.

Nếu bạn đọc hiểu cho rằng đó là cách làm báo amateur, thì cũng dễ tha thứ cho Diễn Đàn, mà không qui tội là thiếu rõ ràng, chưa dứt khoát.

Nhưng thảng thắn mà nói, chúng tôi bị trách cũng không oan : Diễn Đàn đúng là tờ báo ở trong *thế gân gà*. Hơn nữa, đó không phải là thế bị động, mà phần nào là do anh chị em chủ

động chọn cái thế đó.

Để các anh rõ, xin nêu hai điểm :

1. Khi nói Diễn Đàn chọn thế đứng độc lập, chúng tôi muốn nói : độc lập đối với mọi chính quyền (hiện nay và sau này) và độc lập với mọi tổ chức chính trị, kể cả (và nhất là) với những tổ chức mà mỗi người chúng tôi có thể (và có quyền) tham gia. Sự chọn lựa này không phải là một sách lược giai đoạn, mà xuất phát từ một nhận xét, và một niềm tin. Nhận xét : quá trình dân chủ hoá xã hội Việt Nam đòi hỏi xây dựng một xã hội công dân (société civile) tự lập với các định chế (Nhà nước) và cơ chế chính trị (đảng phái), trong đó giới trí thức phải đóng góp với tư cách là trí thức và công dân, độc lập với tư cách người phát ngôn, hay người phục vụ cho một chính quyền, một thế lực chính trị. Niềm tin : chức năng độc lập ấy — độc lập có khi phải đối lập nhưng không nhất thiết — xét cho cùng bổ sung các chức năng quyền lực (chính trị, kinh tế, xã hội), các chức năng ấy không thể thay thế cho nhau, và khi chúng tìm cách áp chế nhau, triệt tiêu nhau (như trong các chế độ độc tài, và nhất là trong các chế độ toàn trị theo ý thức hệ hay tôn giáo), thì xã hội sẽ ngừng phát triển, thụt lùi, và dẫn tới sụp đổ chế độ. Vừa là nhận xét vừa là niềm tin : do mức phát triển hiện nay của xã hội loài người, lao động trí óc trở thành quyết định trong qui trình sản xuất, sự tự do của (mọi) người lao động trở thành một điều kiện tiên quyết cho năng suất và năng lực, dân chủ không chỉ là lý tưởng nên thực hiện, mà trở thành điều kiện của mọi sự phát triển xã hội.

Trong tình hình trí thức Việt Nam ở trong nước chưa có điều kiện tự do phát biểu ý kiến và tự do tìm tòi, tranh luận về các vấn đề chung và lâu dài của xã hội, và ở ngoài nước, tương đối tự do hơn, nhưng do trọng trường của quá khứ, sinh hoạt dân chủ chưa thành nền nếp, Diễn Đàn là một trong những sáng kiến khiêm tốn, nhưng cần thiết, để góp một phần nhỏ vào cao vọng ấy. Nói khiêm tốn, là nói khoa học, và không mặc cảm, tự ti hay/và tự tôn.

2. Hệ luận của sự chọn lựa ấy là tất nhiên, Diễn Đàn sẽ làm thất vọng một phần độc giả và trở thành đối tượng của những trận đòn từ nhiều phía. Sự thật, không phải sẽ, mà là đã, đang, sẽ còn.

Bạn đọc sẽ thất vọng nếu chờ đợi ở Diễn Đàn một cơ quan ngôn luận của một đoàn thể chính trị. Lại càng thất vọng nếu chờ đợi ở chúng tôi một sự chiêu hồi vô duyên vô nghĩa. Câu này tôi " ám chỉ " từ phía : các nhà " quốc gia " đòi bọn này phải dứt khoát thì mới " chấp nhận " vào " hàng ngũ " hoặc ít nhất mới chịu chơi với, các nhà " cộng sản " không đòi nhưng muốn như vậy để có thể trấn an quần chúng hay tự trấn an rằng biết ngay mà, đúng là cái bọn trí thức tách tách sè, trở cờ là bản chất.

Sự biến chuyển khá mạnh và cực nhanh của tình hình thế giới mấy năm qua đã dẫn tới sự chuyển biến trong cộng đồng người Việt. Nghi kỵ, dè dặt từng bước nhường chỗ cho gắp gỡ, đối thoại. Một sự phân tuyển mới, không dựa vào vị thế quá khứ, mà căn cứ vào nỗi trạng (đối thoại, hay khư khư với quá khứ). Cũng không ngạc nhiên, trong sự phân tuyển đang hình thành, các nhà bảo thủ hai phía tỏ ra giống nhau như đúc. Và chúng ta, nói như Dương Thu Hương, phải chung nhau số phận của những người đi giữa hai làn đạn. Chỉ một mõi nỗi, ngồi đối thoại với nhau mà bên tai còn véo von tiếng gươm đạn, thì cũng hơi diếc tai, phải không các anh ?

Phong Quang

Xuân phân 20.3.1992

Còn vương tơ lòng

hay

Xây dựng một nhà nước pháp quyền

Nguyễn Trọng Nghĩa

Dựa trên điều 2 của “ Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1980 ”, (“ *Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân* ”), tôi đã đi đến kết luận là Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ chuyên chính vô sản. Với nỗi vui mừng xen lẫn hồ nghi. Vui mừng vì nghĩ rằng đó là điều kiện không có không được (condition sine qua non) để dân chủ hóa đời sống chính trị ở Việt Nam : dân chủ và chuyên chính (dictature) cũng như ngày và đêm không thể đi đôi với nhau được. Còn hồ nghi là vì nhận thấy các nhà viết dự thảo đã không đi đến tận cùng lô gích của mình khi vẫn duy trì vai trò “ *lãnh đạo nhà nước và xã hội* ” của Đảng Cộng sản Việt Nam mặc dù đây chỉ là hệ luận của quan niệm chuyên chính vô sản. Ngay trong hiến pháp 1977 của Liên Xô được ban hành dưới thời cố Tổng bí thư Brejnev, Đảng Cộng sản Liên Xô lần đầu tiên được đưa vào luật cơ bản, cũng chỉ tự khẳng định mình như là “ lực lượng lãnh đạo và định hướng xã hội xô viết ” (điều 6) chứ không phải nhà nước. Dĩ nhiên về thực chất thì cũng thế mà thôi, nhưng sự thận trọng trong cách viết nói lên được đôi chút ý muốn tránh lẩn lộn đảng và nhà nước.

Cách đây vài ngày, một anh bạn có cho tôi bản chụp bài nói của Tổng bí thư Đỗ Mười trước hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương khoá VII (29.11.1991) mang tựa đề “ *Cải cách một bước bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của đảng đối với nhà nước* ”. Sau khi đọc kỹ văn kiện này, trình bày rõ quan niệm và chủ trương của đảng về việc sửa đổi hiến pháp, sự hồ nghi của tôi đã biến thành sự hoang mang : theo Tổng bí thư Đỗ Mười, “ *sửa đổi hiến pháp, cải cách bộ máy nhà nước không phải là thay đổi bản chất của hệ thống chính trị của nhà nước ta* ”.

Tôi hoang mang vì không biết nên tin theo điều 2 của bản dự thảo hay câu nói của Tổng bí thư Đỗ Mười. Mà cả hai đều bất cập cả.

Tin theo “ dự thảo ” thì hoá ra không quan tâm đúng mức đến “ bài nói ”.

Nhưng tin theo “ bài nói ” thì lại phạm lỗi coi thường hiến pháp, luật cơ bản của nhà nước.

Có lẽ tôi sẽ bớt hoang mang nếu Tổng bí thư Đỗ Mười nói rõ ra rằng đảng vẫn kiên quyết duy trì bản chất của nhà nước Việt Nam là chuyên chính vô sản.

Phải chăng câu nói trên, có phần mâu thuẫn với điều 2 của dự thảo, phản ánh những cuộc tranh luận trong nội bộ đảng – nếu nói một cách khá giản đơn –, giữa những người bảo thủ muốn duy trì nguyên trạng (statu quo) và những người tiến bộ

muốn bỏ chuyên chính vô sản cho phù hợp với tình hình thế giới và nhất là với thực tế đất nước (một xã hội không thuần nhất (homogène) nhưng cũng không có đối kháng giai cấp gay gắt, với “ *nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường* ” có khả năng tồn tại lâu dài (điều 15 của dự thảo)) ?

Cũng có thể là hiện nay trong Đảng Cộng sản Việt Nam có cái tâm trạng gần giống như của nàng Kiều khi nghĩ đến chàng Kim sau hơn 15 năm gian truân ba chìm bảy nổi :

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng

Dẫu lìa ngõ ý còn vương tơ lòng.

Tóm lại nên xem việc từ bỏ chuyên chính vô sản như là một vấn đề tồn nghi, chờ hạ hồi phân giải mà càng sớm thì càng hay cho sự khai thông đời sống chính trị ở Việt Nam.

Nhưng điều quan trọng hơn cả trong “ *bài nói* ” của Tổng bí thư Đỗ Mười là ông đã gióng lên những tiếng chuông báo động xót xa về “ *tình trạng vô tổ chức, vô chính phủ, thiếu trật tự, kỷ cương, không chấp hành đầy đủ các đạo luật đã ban hành* ”.

Theo ông, “ *chính sự quản lý yếu kém của nhà nước đã tạo cơ hội phát triển nhiều hiện tượng tiêu cực như buôn lậu, đầu cơ, tham nhũng, xâm phạm tài sản và vốn của nhà nước và của nhân dân, làm rối loạn hoạt động kinh tế xã hội* ”. Ông nhấn mạnh đến hiện tượng “ *thả nổi thị trường, buông trôi quản lý nhà nước* ”.

Trong bài báo cáo trước Quốc hội mang tựa đề “ *Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 1995* ”, chủ tịch Võ Văn Kiệt đưa ra những nhận xét còn bi quan hơn nữa : “ *ai cũng thấy rõ tình trạng mất trật tự, kỷ cương, coi thường phép nước trong mọi lãnh vực của đời sống xã hội đã nghiêm trọng đến mức nguy hiểm* ”, “ *tệ quan liêu, cửa quyền gắn với tệ tham nhũng rất phổ biến và nghiêm trọng trong các cơ quan nhà nước hiện nay* ”.

Theo ước tính của Tổng thanh tra nhà nước Việt Nam, chỉ riêng nạn tham nhũng đã làm thất thoát tài sản của nhà nước đến hơn 25.000 tỷ đồng tức gấp 3 lần dự thu cho ngân sách nhà nước 1991 (8.630 tỷ). (Tuổi Trẻ 28.9 và 8.10.1991) !

Nhưng do đâu mà nhà nước Việt Nam lại rệu rã đến mức bao động như vậy ?

Tổng bí thư Đỗ Mười đã nêu ra một loạt nguyên nhân mà cái nào cũng xác đáng cả.

Trước hết đó là sự thiếu dân chủ : “ *nhược điểm lớn nhất là bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân chưa thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân* ”.

Tiếp theo là “ *sự lẩn lộn chức năng của đảng và chức năng của nhà nước* ” : “ *đảng bao biện làm thay công việc nhà nước, thậm chí có nơi, có lúc có cả hiện tượng độc đoán, chuyên quyền, làm cho cơ quan nhà nước mang tính hình thức* ”.

Ngoài ra ông còn kể đến “ *chế độ trách nhiệm không rõ ràng, tổ chức rất cồng kềnh, cách làm việc thủ công, thiếu trật tự, kỷ cương và kém hiệu quả* ”.

(Xem tiếp trang 9)

Đơn Hành

YÊU CẦU TỐI THIỂU

của

NGÀY MAI NHÂN BẢN

Chế độ hiện hành ở Việt Nam còn được duy trì nhờ sự sợ hãi, nhờ sự giả dối của con người với chính mình : bản thân nó là một sự giả dối. Vì thế hai chính sách cơ bản của nó là đàn áp và ngư dân, ít nhất trong lãnh vực văn hoá và chính trị. Đàn áp và ngư dân nuôi sự sợ hãi, sự sợ hãi nuôi sự giả dối với chính mình, sự giả dối với chính mình lại gia tăng sự sợ hãi. Đó là bản chất của chế độ. Đó là nguồn gốc của thái độ của nhiều người Việt Nam trước thời cuộc. Đó là nguy cơ kìm hãm Việt Nam trong vòng chật hẹp và lệ thuộc.

Trong lịch sử cận đại, nhiều người Việt Nam đã chấp nhận và trả giá cho ba sự giả dối lớn, có lúc vì yêu nước, có lúc vì sợ, có lúc vì không hiểu.

Sự giả dối thứ nhất : để giành độc lập, không có con đường nào khác ngoài sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và học thuyết Mac-Lênin. Về mặt lý trí, đây là một sự giả dối. Ấn Độ đã giành được độc lập, không cần những thứ đó, mà ít tốn xương máu hơn. Nhiều nước khác cũng giành được độc lập, không cần những thứ đó, có khi chống lại những thứ đó. Dù sao lịch sử là lịch sử. Mỗi thế hệ trả lời và trả giá cho thời đại của mình. Chẳng ai sống thay ai được. Chẳng ai sống ngược dòng thời gian được. Từ 1930 đến 1975, Đảng cộng sản đã nắm ngọn cờ dân tộc, đã chiến thắng, đã nắm chính quyền trên toàn quốc. Điều đó không có nghĩa là luận điểm nói trên là đúng. Nó có nghĩa là trong suốt thời gian đó, trong dân tộc Việt Nam không có người nào, đảng nào đã có đủ bản lĩnh thực hiện một cuộc giải phóng dân tộc theo đường lối nào khác, như Gandhi chẳng hạn. Sự giả dối ở đây là biến một khả năng đã hiện thực thành một sự tất yếu lịch sử, thành nền tảng của tương lai.

Sự giả dối thứ hai kéo dài tới 1986 : một mặt Đảng lãnh đạo được độc quyền tổ chức, quản lý toàn bộ sinh hoạt xã hội trong tất cả các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, thậm chí cả đời sống và tình cảm cá nhân, mặt khác cơ sở kỹ thuật, hệ thống thông tin và trình độ quản lý không cho phép Đảng làm chủ được giá thành của một hạt gạo. Dĩ nhiên những người bảo vệ, duy trì chế độ phải tự dối mình : ăn nói, hô hào, diễn văn rất đúng lập trường, nhưng để sống, phải làm ngược lập trường, hoặc chẳng làm gì, hoặc dựa vào nó mà thủ lợi riêng. Dĩ nhiên, những người phải tồn tại dưới chế độ đó phải giả dối với chính mình : mặt ngoài tôn trọng nó, bên trong, ngày ngày, hoặc uất hận, nhục nhã, đói khổ, hoặc luôn lách qua những kẻ hổ tát yếu của nó mà tồn tại. Hình ảnh những nhân viên hàng tuần đảm bảo vài giờ canh gác điện thoại cơ quan rồi đi kiểm ăn hay làm việc khác khá điển hình cho nếp sống đó.

Sự giả dối thứ ba bắt đầu từ năm 1986. Một mặt đi vào kinh tế thị trường, chấp nhận quyền tư hữu, kêu gọi đầu tư của tư bản quốc tế, mặt khác duy trì một chế độ chính trị theo kiểu xã hội chủ nghĩa xưa !

Người cầm quyền nói một dằng, làm một nẻo. Nói : xã hội chủ nghĩa tới cùng, chuyên chính vô sản muôn năm. Làm : mời các ngài có khả năng khai thác theo kiểu tư bản chủ nghĩa nhào vô, miễn sao chia lời (cho tư bản quốc tế, tư bản bản xứ, và con em các ngài). Giải thích : lăm đĩ điểm, ăn mày, tham nhũng, buôn lậu... thật, nhưng, dù sao, dân cũng bớt khổ ! Than ôi, đánh thực dân để quốc làm gì ? Cứ để kệ cung tới đó : một nước chậm tiến, lệ thuộc kinh tế bình thường. Tất cả chỉ để thay mấy tay mại bản cũ bằng mấy tay mại bản mang huân chương cộng sản ?

Quần chúng lao động cũng giả dối, nhưng sự giả dối ở đây có tính chất nụ cười của cuộc sống : anh muốn làm xếp, tôi để anh làm xếp vì anh có súng, nhưng lời nói của anh như nước đổ lá khoai, tôi cứ làm như tôi cần làm để tồn tại, tôi né anh, nếu cần, tôi mua anh là xong.

Đau khổ nhất là người trí thức há miệng mắc quai và do đó cứ phải tự biện minh. Có người biện minh theo ngắn hạn : trước mắt không có phương án thiết thực nào khác, phải can trường khuyên can, dâng sớ. Họ vẫn suy luận như trong thế kỷ 19. Tiếc thay, ngày nay, cả dân tộc huy động trí tuệ và khả năng của mình chưa chắc đã thoát được cảnh chật hẹp, huống hồ một minh quân, một đảng ! Có người biện minh theo lối dài hạn : dân tộc Việt Nam còn ở trình độ thời Trung cổ, phải im lìm cố gắng nâng nó lên trình độ của thời đại thì mọi chuyện sẽ tự giải quyết, cứ cặm cụi dạy nó toán, khoa học, văn chương, nghệ thuật... sẽ có ngày. Nhưng có ai chấp nhận sống theo sự sợ hãi và giả dối mà đạt được đỉnh cao của trí tuệ hay nghệ thuật ?

Vấn đề lớn nhất của Việt Nam hôm nay là thoát cảnh chật hẹp. Con đường xã hội chủ nghĩa theo kiểu Liên Xô hay Trung Quốc đã phá sản. Hiện nay có vẻ như có ba con đường :

1. Sự phát triển của kinh tế thị trường sẽ dẫn tới sự xung đột . có thể đẫm máu giữa giai cấp nắm kinh tế và một nhà nước lối thời. Sự xung đột này có thể kết thúc bằng một bước lùi về ngõ cụt trước thời 1986 hay bằng một chế độ độc tài của giai cấp tư sản mới, gắn liền với các lực lượng tư bản quốc tế để khai thác Việt Nam. Mô hình Thái Lan, Nam Triều Tiên, Đài Loan.

2. Chính guồng máy đảng biến thành cái cầu cho tư bản quốc tế khai thác Việt Nam, thành lập một chế độ độc tài quân phiệt gắn liền với các lực lượng kinh tế tư bản. Vẫn mô hình Thái Lan, Nam Triều Tiên, Đài Loan... Đó cũng là giấc mộng của các nhà cầm quyền hiện nay. Trong hướng đó, Đảng và Nhà nước vẫn là một, dù phải nhỏ đi vì kinh tế Việt Nam và kinh tế các nước sẽ đầu tư vào Việt Nam không thể nuôi cái guồng máy khổng lồ hôm nay. Lúc đó Đảng chỉ còn là cây cành cho một tập đoàn nửa tư sản dân tộc nửa tư sản mại bản. Lúc đó 50 năm kháng chiến chỉ để thực hiện giấc mộng của Thiệu Ký. Đây là khả năng lớn nhất : guồng máy Đảng cộng sản Việt Nam đang thực hiện nó với sự đồng tình của thế giới tư bản và, bất kể họ nghĩ gì, các lãnh đạo lịch sử của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đã và đang bất lực trước guồng máy đó.

3. Dân tộc Việt Nam tự mình xây dựng một Nhà nước hiện đại. Một Nhà nước hiện đại là một Nhà nước huy động được tối đa lý trí, tài năng, sinh lực của toàn bộ xã hội vì nó giải quyết được một cách hoà bình và ổn thoả, trong điều kiện của thời đại, những mâu thuẫn nội tại của xã hội. Dĩ nhiên, đó là một Nhà nước dân chủ, pháp quyền. Ai có thể xây dựng một Nhà

nước như vậy ? Chắc chắn không phải Đảng. Một mặt, hiện nay Đảng và Nhà nước là một. Quá trình hình thành của Nhà nước Việt Nam hôm nay cũng là quá trình phát triển của Đảng : Đảng lập chi bộ đến đâu, Nhà nước lập cơ quan đến đó. Mặt khác, cả hai đều là con đẻ của chiến tranh. Quyền lực của chúng là quyền lực của chiến tranh : quyền sinh sát ! Cuối cùng, Nhà nước thực của một xã hội gắn liền với ý thức chính trị của người dân.

Xem lịch sử Việt Nam từ nhiều thế kỷ nay, những cuộc vùng dậy của nhân dân đều là những cuộc vùng dậy của nông dân. Mục đích của chúng vẫn là : thay một ông vua, một ông chúa bạo tàn bằng một vị minh quân, minh chúa, hay đánh đuổi ngoại xâm để lập một triều đình mới dù triều đình ấy mang tính chất tập thể. "Ý dân là ý trời" đúng trong hai nghĩa : 1/ không chế độ nào mất lòng dân mà không sụp, 2/ khi một chế độ còn tồn tại được, ấy là vì dân chẳng biết muốn gì hơn. Chỉ có ngày nào ý dân không còn là ý trời nữa, chỉ là ý dân và, với tư cách ấy, bắt thực tế thay đổi, bắt lịch sử xoay chiều, thì Việt Nam mới có cơ ra khỏi thời Trung cổ. Muốn có một chế độ dân chủ pháp quyền, điều tiên quyết là phải xây dựng được ý thức công dân trong xã hội. Ai có thể làm chuyện ấy ? Không có gì ngăn cản Đảng cộng sản làm chuyện ấy. Và cũng không có gì cho phép ta mơ hồ nó muốn làm : điều đầu tiên phải làm là huỷ bỏ chuyên chính vô sản của nó, giải thể cái Nhà nước toàn quyền sinh sát của nó. Điều đó, có thể có nhiều người cộng sản tán thành, nhưng không bao giờ cái bộ máy cầm quyền kia hưởng ứng. Như thế, người duy nhất có thể làm chuyện ấy chính là người dân. Muốn thế, điều đầu tiên là thoát ly khỏi sự giả dối : chế độ này không tất yếu, nó tồn tại vì ta chấp nhận nó tồn tại. Để thoát ly sự giả dối ấy, tất nhiên phải chế ngự được sự sợ hãi. Đó là chuyện lương tâm của mỗi người, vì sự sợ hãi ấy muôn mặt : cơm áo, tương lai con cái, sự an nhàn của lương tâm... Đây là ý nghĩa cơ bản của con người, cuộc sống, lời nói và hành động của Dương Thu Hương : đừng sợ, đừng giả dối với chính mình.

Một chế độ dân chủ, pháp quyền có khả năng đưa một dân tộc thoát khỏi sự chậm tiến không ? Câu hỏi này cách đây vài năm chẳng ai thèm đặt. Công nghiệp của Liên Xô xây dựng dưới Stalin. Bốn con rồng Đông Nam Á tuy ít dẫm máu hơn cũng chẳng tự do dân chủ gì. Không kể tới các boom kinh tế của Brazil và vài nước châu Mỹ Latinh mà người ta tán tụng cách đây vài năm khi chưa phá sản. Không kể các nước Arap và châu Phi. Cái giấc mộng xây dựng một nền kinh tế hùng cường bằng một kỷ luật thép, bằng một chế độ độc tài ngày càng tan biến. Lý do khá đơn giản. Ngày nay rồng vàng biển bạc và lao động rẻ không còn là yếu tố quyết định trong cuộc cạnh tranh không thương tiếc của thị trường quốc tế. Dầu hỏa, halmi mỏ, nhân công rẻ của biết bao nhiêu nước được ưu đãi hơn Việt Nam nào có cho phép họ thoát cảnh chậm tiến. Còn như Nhật, tài nguyên có gì mà chinh phục cả thế giới về kinh tế ? Trong kinh tế ngày nay, trí tuệ là yếu tố quyết định. Phải có nó mới vận dụng hữu hiệu được mọi yếu tố thuận lợi khác và hạn chế được các yếu tố bất lợi. Dân tộc Việt Nam vận dụng tột độ trí tuệ của mình chưa chắc đã tìm được con đường bước vào thế kỷ 21 một cách bình đẳng với các nước phát triển trên thế giới huống hồ một minh quân, một minh đảng hay một nhúm người ! Nhưng cũng không gì chứng minh rằng sáu, bảy mươi triệu người Việt Nam tự do lại ngu muội và bất lực hơn một dân tộc khác trên thế giới ngày nay. Con đường thoát sự chậm tiến, lẽ thuộc là con đường nhân loại còn phải sáng tạo. Ai có thể sáng tạo trong sự sợ hãi, trong sự giả dối với chính mình ?

Đơn Hành

Còn vương tử lòng

(tiếp theo trang 7)

Rõ ràng là Tổng bí thư Đỗ Mười đã chẩn đúng các căn bệnh trầm kha của nhà nước và hệ thống chính trị Việt Nam !

Lieu thàn được mà ông cũng như chủ tịch Võ Văn Kiệt đề nghị là phải xây dựng một nhà nước pháp quyền (Etat de droit).

Với đề nghị đúng đắn và sáng suốt này, tư duy chính trị ở Việt Nam đã tiến một bước khổng lồ !

Thật vậy, vấn đề hàng đầu hiện nay của đất nước là sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường giữa khi nhà nước và xã hội có nhiều dấu hiệu rệu rã. Sự bùng nổ kinh hoàng của tham nhũng, buôn lậu, hiện tượng vô chính phủ, mất trật tự, kỷ cương... đều bắt nguồn từ tình trạng đó.

Nếu không cấp tốc xây dựng một nhà nước vững mạnh dựa trên một hệ thống pháp luật được mọi người tôn trọng thì những cơ chế thị trường, tự chúng vốn vô hại, sẽ tạo ra những quan hệ xã hội mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé..., phi nhân.

Cùng với dân chủ và phát triển, nhà nước pháp quyền cần trở thành một mục tiêu chính yếu trong sinh hoạt chính trị ở Việt Nam.

Tất cả vấn đề là liệu chủ trương nhà nước pháp quyền có thể đi đôi với một quan niệm độc đoán, chuyên chính về nhà nước !

Nguyễn Trọng Nghĩa

28.2.1992

(1) Câu này có lẽ lấy ý từ nguyên tắc "gouvernement du peuple, par le peuple et pour le peuple" ghi trong điều 2 của các Hiến pháp 1946 và 1958 của Pháp, mà nhiều người thường dịch là "chính quyền của dân, do dân và vì dân". Nếu tôi không lầm thì từ "gouvernement" ở đây có nghĩa là hành động cai trị (action de gouvernement) chứ không phải là chính quyền (pouvoir politique) hay "chính phủ" như là định chế (institution).

Trần Văn Khê gửi Phạm Duy

(tiếp theo trang 28)

Alors tu reviendras, mais je serai parti !

Des cierges bruleront tendrement comme l'espoir

Pour toi, rien que pour toi, mes yeux seront ouverts

N'aie pas peur de mes yeux s'ils ne peuvent te voir

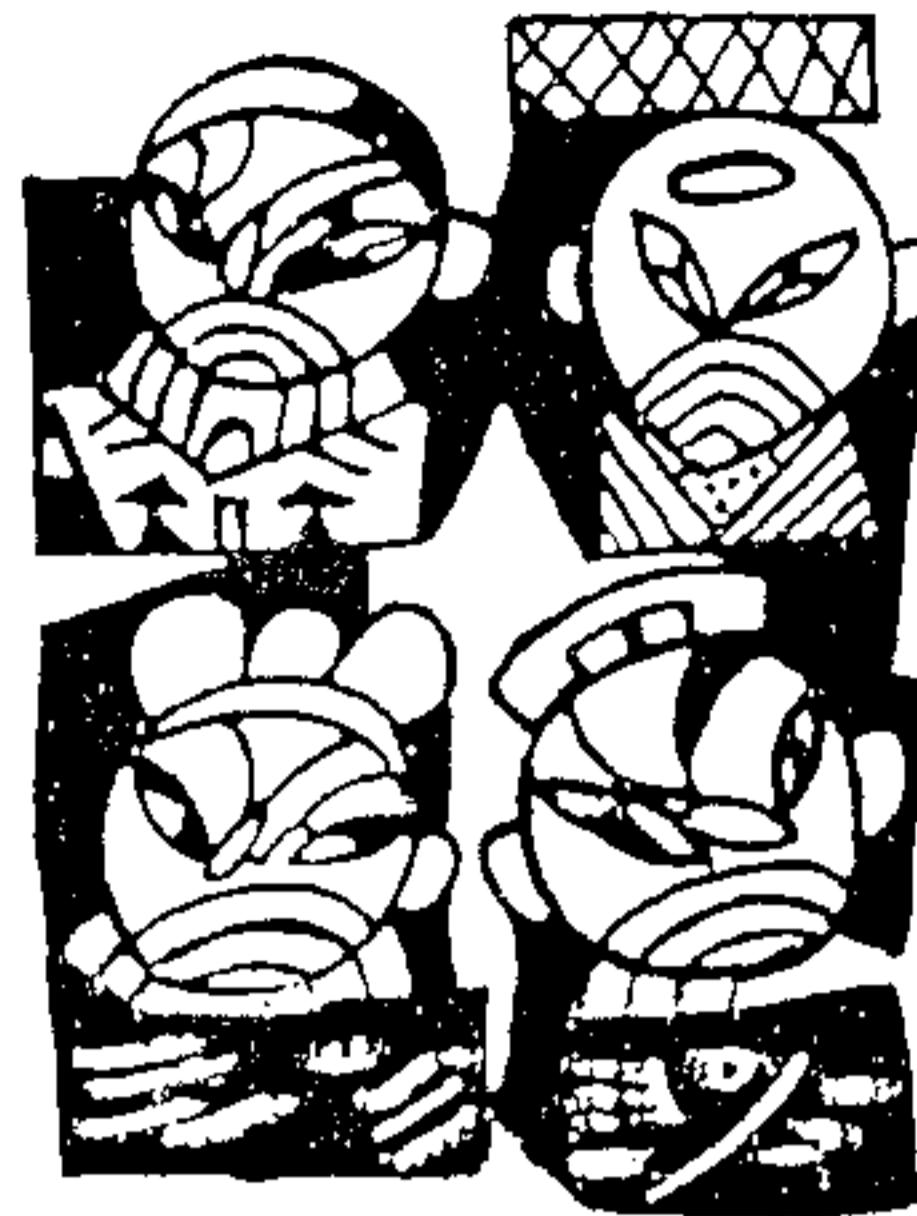
Ils te diront que je t'aimais plus que ma vie

Sombre Dimanche !

Ghi lại cho Duy vài cảm tưởng của tôi khi đọc xong quyển Hồi ký thứ ba của Duy. Chờ đợi quyển thứ tư. Và xin thật tình hoan nghênh Duy đã viết những thiên hồi ký đầy đủ, súc tích, chân thật, bổ ích cho nhiều người trong xã hội Việt Nam, không phải chỉ kể những chuyện có liên quan tới bản thân của tác giả, mà nhò trí nhớ phi thường của Duy, đã ghi lại những chi tiết chẳng những bổ ích cho lịch sử âm nhạc Việt Nam, mà cho lịch sử của đất nước Việt Nam về nhiều mặt khác, chính trị, xã hội và kinh tế nữa. Hoan nghênh nhứt là Duy đã thoát ra ngoài mọi sự phân chia tranh chấp. Nhắc đến các nhạc sĩ Việt Nam ở hải ngoại, mà cũng nhắc đến Văn Cao, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước. Không có một câu chửi mắng, không có một nét hận thù. Tìm hiểu, giải thích không phải cố chỉ đến "hoà hợp, hoà giải dân tộc" mà, như Duy đã nói với tôi, để "hoá giải oan khiên" cho nhau. ■

Giữa băng hoại, mầm sống vươn lên từ xã hội công dân ?

Bùi Mộng Hùng



Dân ca, sân khấu... Là hoa là lá, là trò giải trí, thật bình dân. Và cũng là những mảng văn hóa bắt nguồn từ tiếng ạ dì mẹ ru, từ nhạc tâm tình của chị di cầy, của anh di cày, từ nỗi buồn vạn cổ âm lên thành tiếng nam ai, thành câu vọng cổ hoài lang, là nhạc lòng dân tộc thăm thì truyền dời truyền kiếp, sống trong dân gian mộc mạc tự nhiên như hoa đồng cỏ nội. Nay đứng thế nào, rồi sẽ ra sao trước cơn lốc nhạc thời thượng, trước vũ bão băng nhạc, video tràn ngập thị trường ? Những điều nhận xét được, cho có cục bộ, giới hạn đến đâu đi nữa, chính là những biểu hiện cụ thể của sức chịu đựng, lối phản ứng của văn hóa ta, của xã hội ta, là những sự kiện thực tại, có thể làm cơ sở để suy tầm lối thoát cho nền văn hóa dân tộc trước thử thách ngặt nghèo hiện nay.

Nhìn dưới góc cạnh nào đó, điện ảnh có thể xem như là cực đối lập với dân ca, với sân khấu cổ truyền : là nghệ thuật nhưng nó chính là một công nghiệp, phải đầu tư nặng, vốn liếng, kỹ thuật... Ngành điện ảnh còn trúng nước của ta có đúng nổi hay chặng, vấn đề không phải không hệ trọng cho văn hóa dân tộc. Nghệ thuật thứ bảy là đất dụng võ cho các nghệ thuật khác, là một kênh văn hóa đại chúng thật thuận lợi trong cái thời đại hình ảnh làm bá chủ này. Nếu mai kia, trên màn ảnh lớn, màn ảnh nhỏ...

Mai kia ra sao, ta đã được nếm mùi từ 1988-89. Băng caxét, băng video các loại từ ngoài tràn vào như nước lũ. So với năm 89, trong năm 90 lượng băng video xin nhập tăng 110 %, băng caxét và đĩa tăng 652 %. Đây là đường chính thức, còn nhập lậu nữa. Có 1400 cửa hàng dịch vụ video tại thành phố Hồ Chí Minh mỗi ngày cho thuê ít nhất 28 000 băng, trong số ấy có trên 50 % là phim ngoài danh mục. Phim nhập lậu theo đường hàng không, đường biển, đường bộ, dở về thành phố Hồ Chí Minh, tấp vào chợ Huỳnh Thúc Kháng quận I, từ đó làm "tổng đại lý" phát hành đi khắp nơi. Có lúc cơ quan phát hành phim của nhà nước cũng mua lại phim lậu để khai thác. Phim lậu nếu được hội đồng duyệt phim thông qua thì gọi là phim "trong luồng". Có 500 điểm cà phê video tại thành phố Hồ Chí Minh. Xem "phim tư nhân" gởi xe trước cửa không tốn tiền, vào xem một bộ phim kèm nước uống chỉ mất độ 1.000 đồng và phim thường là "ngoài luồng", các rạp chiếu phim khó mà cạnh tranh nổi ! Gần đây xuất hiện hình thức cho thuê phim tận nhà. Có người xách túi đựng băng đi "chào hàng" từ đầu đường đến

cuối hẻm, phim gì cũng có, bạo lực, sex nhẹ, sex nặng... thuê một băng chỉ tốn 500 đồng, xem xong người cho thuê đến tận nhà thu lại. Thật khó ngăn chặn phim nhập lậu, khó quản lý dịch vụ mua bán, cho thuê, in sang phim vì kẽ hở quá nhiều. Ở mọi khâu, vì lẽ này hay lẽ khác (nể nang, tình cảm bạn bè, ăn tiền...), khâu hải quan cửa khẩu, khâu cơ quan văn hóa giám định, chưa kể việc chính cán bộ văn hóa, cơ quan văn hóa và một số cơ quan khác cũng mở các điểm cho thuê phim video ngoài danh mục ⁽¹⁾.

Trước làn sóng tràn ngập đó, chẳng riêng gì điện ảnh điêu đứng "thập tử nhất sinh" mà cả sân khấu, nhạc nhẹ, dân ca cũng ngắc ngoải !

Đạo diễn điện ảnh đang hồi thắt nghiệp, nghệ sĩ nhân dân Hồng Sển, sau Chiến trường chia nửa vàng trăng nhàn du từ hai năm nay, lâu lâu ghé häng phim như người đi thăm bệnh. Đạo diễn nghệ sĩ ưu tú Huy Thành từ giữa năm 90 trở thành ủy viên thường... họp, Lê Văn Duy, kết thúc Đồng Sông Hát đã gác máy suốt ba năm nay, Đào Bá Sơn sau phim Người Tìm Vàng phải làm hàng lô việc khác để kiếm tiền, may nhờ Nguyễn Vinh Sơn được cử đi tu nghiệp mới thay bạn làm phim Rồi Ily sê chết. Hồ Nhân sau những phút vinh quang Chân dung màu đỏ, rơi vào số phận bị cắt lương của nhân viên Xí nghiệp phim thành phố, phải bán dần đồ dạc để sống, đang nằm nhà sau khi đã trao tay cho kẻ khác chiếc xe nhò trúng số mới mua nổi. Lê Dân, Lê Mộng Hoàng, Việt Linh cũng trong tình trạng ít việc làm, chỉ có Lê Hoàng Hoa, đạo diễn bộ phim dài chín tập Ván bài lật ngửa, là được đặt cọc liên tục, trước mắt còn ít nhất hai kịch bản chuẩn bị thực hiện ⁽²⁾.

Hẳn không ít người nghĩ "dân Nam bộ vắng cải lương sao nổi", "người Quảng Nam - Đà Nẵng quên tuồng sao dang !". Nhưng sự thật hiển nhiên, tuồng đã chết, ngay cả trên đất Quảng, và vài năm trở lại đây sân khấu cải lương các tỉnh phía Nam rất vắng khách, có không ít dấu hiệu báo động sự tan rã của nhiều đoàn sân khấu chuyên nghiệp ⁽³⁾. Tại thành phố Hồ Chí Minh, từ cuối 90 đầu 91, trên dưới hai mươi đoàn chuyên nghiệp thường phải phiêu bạt đến những vùng xa. Phóng viên Tuổi Trẻ, đi một vòng quanh các rạp cải lương toàn gấp cảnh chợ chiều ế ẩm, mở màn tối nay mà vé mới bán được khoảng 50 chục tấm. Anh chị em hậu dài than vãn : "Khổ quá chị ơi, bữa nào diễn có khách tụi em mỗi đứa được lĩnh 2.000 đến 3.000

đồng, ẽ như vầy chắc khói có đồng cắc nào ! Nghề này cũng chẳng vui sướng gì, cứ khuân cánh ra vào liên tục mà tiền lương buổi tối nhiều khi không đủ tó hủ tiêu.” ⁽⁴⁾.

Về ca nhạc nhẹ, số đoàn còn sống được rất ít. Đoàn nghệ thuật Quảng Nam - Đà Nẵng, một đoàn mạnh cũng không còn ai kể cả nhạc công, ở thành phố Hồ Chí Minh đoàn Tháng Tám thì chết đi sống lại, còn Đoàn ca nhạc nhẹ phải ghép nối đủ thứ mới sống được ⁽⁵⁾. Khá đồng ca sĩ dân ca trở nên “ thành thời ”, các nhóm ca nhạc dân ca nổi tiếng như Phù Đổng, Trúc Đào, Phù Sa, Hải Vân, Bách Việt sống lây lắt, thăng trầm, nguy cơ tan rã. Hiện nay chỉ còn vài điểm du lịch (khách sạn Bến Thành, Hải Vân...) và một ít tụ điểm ca nhạc (126 Cách mạng Tháng Tám, Phú Thọ, Trống Đồng, Bạch Tùng Diệp...) là còn có chương trình biểu diễn ca nhạc dân tộc. Những ca sĩ dân ca như Ngọc Yến canh cánh bên lòng nỗi lo : “ *Dân ca đã chết ở nhiều tụ điểm ca nhạc, liệu dân ca có tồn tại lâu dài được không ?* ” ⁽⁶⁾.

Đã chấp nhận cơ chế thị trường thì phải chấp nhận qui luật cạnh tranh, dù có khắc nghiệt đến đâu. Vấn đề đặt ra là nhà nước đã và đang làm gì để cứu lấy các ngành nghệ thuật trình diễn Việt Nam đang lâm vào tình trạng nguy kịch.

Rất ít số liệu để đánh giá mức đầu tư của nhà nước vào văn hóa, văn nghệ. Tuy nhiên qua cuộc tọa đàm “ *Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về văn hóa, văn nghệ* ” do báo Sài Gòn Giải Phóng tổ chức ngày 9.08.1991, những con số do ông Võ Ngọc An phó giám đốc Sở văn hóa thông tin thông báo làm cho ta băn khoăn tự hỏi phải chăng văn hóa, văn nghệ đã được xem như một vú sữa ch้าง : trong năm 1990 số tiền 7,4 tỷ thành phố Hồ Chí Minh đầu tư lại cho ngành Văn Hóa Thông Tin chưa bằng nửa số tiền 19,9 tỷ mà ngành đã nộp cho ngân sách thành phố. **Phó trưởng ban Tuyên huấn thành ủy thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Sơn** cho rằng nhà nước chỉ đầu tư khoảng 0,5 % ngân sách cho văn hóa thông tin ⁽⁷⁾. Và trong năm 1991 các đoàn trung ương được Bộ văn hóa bảo trợ là Dàn nhạc giao hưởng, Nhà hát ca vũ kịch, Đoàn nhạc dân gian Việt Bắc, Đoàn ca múa nhạc Việt Nam cùng với bốn đơn vị nghệ thuật dân tộc (Đoàn quan họ Bắc Ninh, Đoàn nghệ thuật ca múa cung đình Huế, đoàn Hoàng Liên sơn và đoàn Khmer Cửu Long). Mỗi đoàn được 15 triệu đồng một năm ⁽⁵⁾ trong khi giá hợp đồng một đêm trình diễn cùng thời buổi đó của một đoàn kịch là khoảng 2 triệu đồng, và có những ca sĩ danh tiếng đòi riêng cho mình 1 triệu đồng ⁽⁸⁾.

“ *Bộ máy* ” quản lý cái ngân quỹ eo hẹp ấy ra sao ?

Trong năm 1990, nhà nước tài trợ cho Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam (LHDAVN), cơ quan quản lý các hãng sản xuất và kinh doanh toàn ngành điện ảnh, 5 tỷ 900 triệu đồng để phát triển điện ảnh. Nhưng *xứ lý những tài sản tồn đọng* sót ngay mất 2 tỷ 838 triệu đồng. Từ ngữ bí hiểm đó diễn nôm ra là bù lỗ : riêng bù lỗ cho hoạt động kinh doanh của hai công ty phát hành trung ương Fafim đã hết 1 tỷ 700 triệu. Hai công ty này không chịu nhận bản phim Việt Nam vì cho là không ăn khách để di nhập lậu ở. Phim Mỹ phim Hồng Kông chiếm tới 70 % tiết mục phát hành. Tiền nộp lại dù là tượng trưng cho nhà nước không thấy đâu, chỉ có tiền của nhân dân là chi ra như nước đúng theo khẩu hiệu mà Tuổi Trẻ cười đã đặt cho những hoạt động này : “ *Vì sự nghiệp thương mại chủ nghĩa, vì sự phát*

triển của điện ảnh ngoại tộc ”. Trong khoản trợ cấp cho hoạt động sản xuất, có những số tiền như 100 triệu đồng chỉ cho Hãng phim truyện Việt Nam để làm phim về Bác Hồ ; tiền ra thì có thật, có điều là trong năm 1990 hãng phim nói trên không làm một bộ phim nào về Bác cả ! Trong khi đó các cơ sở sản xuất phim như Hãng phim Giải phóng, Hãng phim truyện,... thì lại phải dựa vào số vốn ít ỏi của mình, vào tiền vay ngân hàng, tất nhiên là phải chịu lãi, để làm phim ⁽⁹⁾.

Mở cửa kinh tế, người nước ngoài vào làm phim tại Việt Nam, hợp tác và cung cấp dịch vụ có thể là một hộp dưỡng khí cho các hãng phim trong nước chưa kể những nhà làm phim Việt Nam có dịp quan hệ hữu nghị, trao đổi với đồng nghiệp nước ngoài, tiếp cận phong cách làm việc của họ. **Hộp dưỡng khí** trong lúc ngặt nghèo ấy bị ngay những người, những bộ phận lợi dụng chức quyền sot ngang để “ *kiếm tiền* ”, để gây uy thế cho mình và cho bè phái : trong khi Hãng phim truyện Việt Nam đang lúng túng về ngân quỹ đến mức có nguy cơ giải thể thì LHDAVN lập ngay một công ty mới, công ty SECOFILM để nắn tay trên dịch vụ cho phim Pháp “ *Điện Biên Phủ* ” ; ở thành phố Hồ Chí Minh Liên hiệp các xí nghiệp điện ảnh và băng từ đoạt mất một loạt phim dịch vụ đáng ra phải dành cho Xí nghiệp phim thành phố và Hãng phim Giải phóng ⁽¹⁰⁾.

Trong tình thế lưỡng đầu thọ địch ấy, các ngành nghệ trình diễn phản ứng theo nhiều hướng khác nhau. Trước hết là tăng sản xuất video, caxét, trong năm 90 video xin xuất khẩu tăng 110 %, caxét và đĩa tăng 201 % so với 89 ⁽¹¹⁾. Sex hóa cũng có. Phim sex tа ra chen chán với các loại sex Mỹ, Pháp, Nhật, Thái, có ca múa nhạc sex và cả cải lương sex khai trương với vở “ *Nữ chúa Phù Nam* ” của đoàn Châu Long-An Giang và vở “ *Động ảo tình* ” được dàn dựng ở Sân khấu tài năng Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang ⁽¹¹⁾. Các đoàn cải lương thi nhau ra kịch bản mới để hút khán giả, mỗi năm có đoàn ra ba bốn vở mới song hầu hết là không hay, nhiều vở cũ như là bốn cũ sao lại. Có vài vở như “ *Tình yêu và tương cướp* ”, “ *Giữ bụi đời* ”, “ *Cha con người hát rong* ” viết về cuộc sống hôm nay, đặt vấn đề nghiêm túc đạt được chỉ số khán giả cao. Nhưng rõ ràng là hiện nay đang thiếu hụt kịch bản vì đội ngũ tác giả tâm huyết bỏ nghề do cung cách làm ăn, quản lý ăn xổi ở thì của lãnh đạo văn hóa, lãnh đạo các đoàn. Bên cạnh loại vở để kiếm sống bắt buộc phải có loại vở “ *cứng cựa* ”, chưa nói đến một số sản phẩm chính trị “ *chay* ” dùng tô điểm tên tuổi cho một ai đó. Tác giả kịch bản còn bị nạn chia chác giựt tiền bản quyền...^(4, 12).

Trong tình trạng bát nháo đến tối như vậy, những bước dọ dẫm của kịch nói mở ra được một hướng mới. Trên dài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh những vở hay như *Sợi dây day*, *Không chỉ là ước mơ*, *Văn xanh màu áo*, *Giải độc đặc*, *Nhật xuất*... đã lôi kéo được khán giả. Và không thể không nói tới *Sân khấu nhỏ*, một sân khấu thử nghiệm ở thành phố Hồ Chí Minh ra mắt được ba năm nay. Địa điểm biểu diễn ở số 5B Võ Văn Tân, một sân khấu bỏ túi, có khoảng 200 chỗ ngồi thôi, đã nuôi dưỡng một lực lượng sáng tạo trẻ cố giữ một khuynh hướng nghệ thuật đúng đắn. Trong mấy năm qua sân khấu này đã giới thiệu 30 vở diễn đa dạng và đã chinh phục được khán giả vì hay, vì mới lạ, vì đáp ứng được tâm lý thưởng thức của quần chúng thích gần gũi với diễn viên, thích xem nét diễn trên từng khuôn mặt. Lành mạnh và tiến bộ, đồng thời cũng tạo ra được một lớp công chúng mới *Sân khấu nhỏ* đã gây ảnh hưởng trên

cả nước. Không khí này gây lại nguồn hứng cho các tác giả kịch bản^(13,14). Điều đáng nói thêm, sáng kiến Sân khấu nhỏ là của một hội đoàn : Hội sân khấu thành phố, điểm này có tầm quan trọng của nó, xin đề cập tới sau.

Về ca nhạc dân tộc chưa thấy có chiều hướng nuôi nột người nghệ sĩ chuyên nghiệp, nhưng sức sống tiềm tàng, mầm sống còn ấp ú trong lòng dân gian. Cạnh những trường nghệ thuật công, còn các “ lò ” đào tạo ca cổ với phương thức truyền nghề, còn trường đào tạo Nhà hát Trần Hữu Trang kết hợp phương thức truyền nghề với phương pháp dạy dỗ hiện đại cho người diễn viên. Ngoài những nhóm chuyên nghiệp như Phù Đổng, còn những nhóm nghệ sĩ nghiệp dư như Câu lạc bộ Tiếng hát quê hương, như nhóm nhạc Đức Minh trình độ nghệ thuật gây được ấn tượng đẹp nơi giới mộ điệu.

Vì bị Công ty phát hành trung ương ép giá (trả thấp hơn giá thành), Hằng phim Giải phóng bắt buộc phải tự phát hành lấy tập I của phim Tây Sơn hiệp khách, chấp nhận nguy cơ phá sản trong trường hợp thất bại. Bất ngờ thích thú, mới chỉ riêng tại khu vực thành phố và vài tỉnh (Thuận Hải, Nha Trang) hằng phim đã thu về đủ số vốn 200 triệu đồng. Tiếp theo đó, doanh thu khá lớn của phim võ hiệp Thăng Long đệ nhất kiếm, phim tâm lý xã hội Ngọc trong đá, Vị đắng tình yêu, phim tình báo Tình không biên giới... là những tín hiệu cho thấy phim Việt Nam có khả năng giành được thị trường, giành được khán giả. Nghề làm phim bị bắt buộc phải tính toán, cân nhắc, tìm cách làm cho phim được độc đáo. Đoàn làm phim Ngọc trản thân công (tức Tây Sơn hiệp khách, tập hai) chọn phố cổ Hội An, rừng Đà Lạt để tạo thêm hấp dẫn. Các đoàn làm phim võ hiệp hiện nay phải chịu tổn kinh phí dàn dựng cảnh trí, phải huy động hàng trăm người biết võ nghệ, phải thuê cascadeur với giá 100.000 đồng một ngày quay ; diễn viên trẻ, ăn khách được mời vào đóng vai chính phải tập tành võ nghệ...⁽¹⁵⁾. Và rõ là phim sản xuất trong nước có chỗ đứng, có khả năng đáp ứng được thị hiếu của người xem.

Trong bối cảnh cả nền văn hóa, văn nghệ nước ta đang lẩn hụp giữa sóng to gió lớn, ngóng ngóng trông mong được một kế hoạch sáng suốt, một chương trình vững chắc, đầu tư hữu hiệu, quản lý yến khéo tiếp hơi tiếp sức, nhưng mịt mù nào thấy tăm hơi...một chút hy vọng loé lên : vài mầm sống mong manh như lén, từ những sáng kiến của hội đoàn, của câu lạc bộ nghiệp dư, của cá nhân. Toàn là từ xã hội công dân, một xã hội công dân bị chèn ép, bị đẩy ra rìa !

Để bảo vệ nền văn hóa từ bao nghìn năm các thế hệ nối tiếp nhau bồi đắp cho dân tộc tồn tại đến ngày nay, và để có khả năng hấp thu cái mới hầu mong hội nhập vào thế giới hiện tại, vai trò quyết định của xã hội công dân là cần thiết. Nhưng không đủ. Còn cần sự hỗ trợ của một Nhà nước với đầy đủ quyền lực và chức năng của nó.

Nguy cơ dân tộc bại hoại sẽ mãi treo lơ lửng đó, khi nào nhà nước vẫn chỉ có tiếng mà không có thực chất⁽¹⁶⁾, khi nào vẫn đề xã hội công dân và quan hệ của nó với nhà nước chưa được đặt ra và giải quyết cho thật nghiêm túc.

Tháng 2. 1992.

B. M. H.

(1) Nhóm phóng viên văn hóa : *Những lỗ rò rỉ trong quản lý và hoạt động phân phối ngầm như thế nào ?* ; Sài Gòn Giải Phóng 06.06. 1991.

Xuân Dung : *Vấn đề quản lý xuất và nhập văn hóa phẩm* ; Tuổi Trẻ 13.08. 1991.

(2) Cát Vũ : *Các đạo diễn điện ảnh hiện đang làm gì ?* ; Tuổi Trẻ Chủ Nhật 21. 07. 1991.

(3) V.A.T. : *Quy hoạch, sắp xếp lại sân khấu Thành Phố - Một yêu cầu cần thiết* ; Sài Gòn Giải Phóng 25. 08. 1991.

(4) Ngọc Mai : *Một vòng quanh các rạp cải lương* ; Tuổi Trẻ 05. 10. 1991.

(5) Trần Nhật Vy : *Phỏng vấn ông Nguyễn Trung Kiên, cục trưởng Cục âm nhạc và múa thuộc Bộ văn hóa thông tin - thể thao và du lịch. Sẽ chính thức cho phép sử dụng lại một số ca khúc cũ* ; Tuổi Trẻ 03. 08. 1991.

(6) Trần Hữu Lực : *Tâm tình của người hát dân ca* ; Tuổi Trẻ Chủ Nhật 28. 07. 1991.

(7) V.N. : *Quản lý văn hóa, văn nghệ trong cơ chế kinh tế thị trường* ; Sài Gòn Giải Phóng 13.08.1991.

(8) Hà Thu : “ *Bệnh nghệ sĩ ngôi sao* ” ; Sài Gòn Giải Phóng 02.06. 1991.

(9) Nguyễn Trung Nghĩa : *Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam đã sử dụng 5 tỷ 775 triệu đồng nhà nước tài trợ như thế nào ?* ; Đại Đoàn Kết 10/16. 07. 1991.

Vũ Quang Chính : *Hưởng ứng bài báo “ Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam đã sử dụng ... ”* ; Đại Đoàn Kết 27. 07.1991.

Nguyễn Trung Nghĩa : *Lại bàn về chuyện chi tiêu của Liên hiệp Điện ảnh VN* ; Thanh Niên 20-27.10.1991.

(10) Lưu Xá : *Để việc hợp tác và cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài tốt hơn* ; Sài Gòn Giải Phóng 21. 07. 1991.

(11) Dạ Sinh : *Sản phẩm văn hóa nghệ thuật và thông tin đang bị... sex hoá !* ; Sài Gòn Giải Phóng 20. 07. 1991.

(12) Huỳnh Thanh Diệu : *Cuộc ra đi được báo trước* ; Tuổi Trẻ Chủ Nhật 13. 10. 1991.

(13) Lê Nhược Thủy : *Kịch nói đi vè đâu* ; Thanh Niên 8/15. 12. 1991.

(14) Kiều Ly : *Vì sân khấu lớn cần đầu tư cho Sân khấu nhỏ* ; Sài Gòn Giải Phóng 22. 12. 1991.

(15) Như Nguyên : *Phim võ hiệp Việt Nam, tốn kém và hiệu quả ?* ; Tuổi Trẻ Chủ Nhật 18. 08. 1991.

Thanh Quyên : *Làm phim trước cơ chế thị trường* ; Thanh Niên 20-27. 10. 1991.

(16) Hải Văn : *Ngôn từ và thực chất* ; Diễn Đàn số 5, 1.02. 1992,

Cao Huy Thuần : *Cấu trúc chính trị trung ương trong dự án sửa đổi hiến pháp* ; Diễn Đàn số 5 1.02.1992.



Vài suy nghĩ quanh vấn đề

“ tài nguyên chất xám ”

Nguyễn Lộc

“ *Đi làm về khuya trên đường Xô viết Nghệ Tĩnh, tôi thường thấy một thanh niên ngồi chờ ai dưới cột đèn đường lù mù, tai đeo headphone, miệng thì thầm. Tôi tự giải thích, anh chàng học sinh ngủ. Ngẫu nhiên sau đó tôi được biết ông thầy Anh văn của anh lại là bạn tôi. Mỗi đêm anh ngồi đó chờ ông thầy trẻ đi dạy “cua” về để học từ 9 giờ đến 11 giờ. Là một giáo viên trẻ ở đại học, 29 tuổi, anh đang quyết liệt, hối hả học sinh ngữ vì yêu cầu nghiên cứu. Theo sáng kiến của anh, khoa đồng ý phân công anh liên lạc với các đại học lớn trên thế giới để trao đổi, tiếp nhận thông tin mới về chuyên khoa mà anh đang phục vụ...* ”

Tôi đọc lại nhiều lần đoạn viết trên đây trong bài “ *Bông hồng vàng* ” của nhà báo Kim Hạnh (*Tuổi Trẻ*, số Xuân Nhâm Thân). Không phải vì ngạc nhiên mà cũng không phải vì một xúc cảm chợt đến. Mà vì nó gợi mở lại một số vấn đề vẫn đeo đẳng tôi sau chuyến đi Việt Nam vừa rồi.

Nổi bật hơn cả là tình trạng thiếu thốn thông tin mà hầu như ai có dịp trao đổi với các anh chị làm chuyên môn trong nước đều phải quan tâm. Và cũng do đó, nhiều người đến từ nước ngoài đã phải trầm trồ trước mức độ nghiêm chỉnh của các anh chị ấy trong việc tiếp thu và xử lý những thông tin hiếm hoi lọt được vào trong nước và đến được tay họ... Chính sự nghiêm ngặt, tận dụng những thông tin từ ngoài vào của các anh chị đã làm tôi băn khoăn không ít. (Xin mở ngoặc, ở đây tôi nhầm vào các thông tin ngành nghề, tương đối chuyên môn. Còn nhìn chung, tình trạng phổ biến các loại truyền thông, báo chí đại chúng, kể cả các tạp chí nước ngoài như *Newsweek*, *Time*, *Far Eastern & Economic Review*, *The Economist*, *Bangkok Post*... đã có những cải thiện tương đối ; một số ấn phẩm dù còn rất hiếm nhưng không phải là không tìm ra).

Một phần, do yêu cầu bản năng nhằm để kháng lại tình trạng bị tràn ngập thông tin – một chứng bệnh xã hội mới của thời đại thông tin (*information age*) –, phần khác, do phương pháp tiếp thu có chọn lựa, vô tình hay cố ý, của nếp sinh hoạt nghề nghiệp vốn ngày càng chuyên môn hoá, thói quen lơ là hoặc để một lượng lớn thông tin trôi tuột qua tay đã thành tự nhiên đối với tôi. Nếu nhìn tình trạng này trong hoàn cảnh những đồng nghiệp còn quá thiếu thốn thông tin trong nước, đây là một thứ lãng phí. Chỉ với những loại kiến thức phổ biến trong lãnh vực công cộng (*public domain*) không thôi, tôi đã phải tự hỏi : nếu tôi thu thập một cách có hệ thống và tìm cách chuyển giao các thông tin ấy về Việt Nam, đến đúng người, đúng lúc thì có lợi biết bao ? Còn nói gì nếu thật đồng người trong chúng ta làm được như vậy ? Khó là làm sao thiết lập

những quan hệ, có thể riêng lẻ, để người bên ngoài giúp đỡ cho người trong nước những thông tin có ích.

Cũng cần để ý, thông tin chuyên ngành được lọt vào Việt Nam nhiều khi không hẳn là ngẫu nhiên. Nếu chúng qua một sự gạn lọc cố ý nào đó từ bất kỳ ai, tất nhiên trong một chừng mực nhất định chúng sẽ bị thiên lệch theo chiều hướng định sẵn của quá trình chọn lọc ấy. Trong hiền lành nhất, đôi khi còn ngon mắt nữa, có lẽ là các thông tin vận dụng trong ngành quảng cáo, chào hàng, mặt trận tuyên truyền chính của thời đại. Các “ *trade magazine* ” là loại ấn phẩm trong đó lẩn ranh giới giữa thông tin trung thực và các hậu ý cạnh tranh thương mại rất khó tách rời. Và đây là loại thông tin dễ được chú trọng để thâm nhập vào Việt Nam. Những thông tin này không hẳn là xấu, nhưng thường là phiến diện.

Tôi lại chạnh nhớ tới một trường hợp “ thông tin ” được luật gia Nguyễn Huy Thức, ủy viên thường trực Ban biên tập sửa đổi Hiến pháp, sử dụng trong bài phỏng vấn dành cho báo Tuổi Trẻ số ngày 11.01.92. Nhân bài bác yêu cầu kiến lập một Nhà nước tam quyền phân lập, ông nói : “ ... Nhưng đi vào cụ thể thì phó Tổng thống Mỹ lại là Chủ tịch Thượng viện vậy thì lập pháp và hành pháp đâu phải đã phân lập ”. Khi một nhà làm hiến pháp của một nước tự gọi là XHCN đã phải viện dẫn một chi tiết trong cơ cấu quyền lực Nhà nước của Hoa Kỳ ra để minh chứng cho một mẫu mực về sự dính chùm của ba quyền thì đó nhất định là chuyện nghiêm chỉnh, và thật. Có điều, đó là toàn bộ hay một nửa sự thật lại là chuyện khác.¹

Trở lại vấn đề đang bàn, tôi không hề hàm ý lo lắng, hoặc ám chỉ rằng anh chị em trong nước không có sức để phán đoán đúng sai. Với lực lượng trí thức chuyên viên đông đảo trong nước, khả năng xử lý thông tin nhất định không phải là vấn đề. Nhưng làm so sánh đối chiếu chỉ có ý nghĩa khi lượng thông tin đầu vào có đủ tính đa dạng, nhiều chiều cần thiết cho sự đổi chiếu. Nói khác hơn, người trong nước cần những nguồn thông tin vừa có đủ chiều rộng và chiều sâu, không thiên lệch, méo mó hoặc phiến diện do sự gạn lọc trước qua một thứ bộ lọc nào đó. Trong tin học có một định luật dễ hiểu, dễ nhớ như sau : “ *Rác rưởi vào, rác rưởi ra* ” (*GIGO – Garbage in, garbage out*). Ở đây tôi không có ý nói tới những rác rưởi được chuyển về quê nhà không nhằm vào đối tượng là những người có trình độ cần thiết để phán đoán giá trị các thông tin họ nhận được. Và đó lại là một vấn đề lớn hơn, vấn đề dân trí của người Việt, trong và ngoài nước.

Dĩ nhiên, khi đặt vấn đề góp phần gia tăng chất và lượng thông tin cho Việt Nam, tôi đã giả thiết rằng ở phía đầu nhận, trong nước, đã sẵn sàng những người như anh giáo viên trẻ trong mẫu chuyện ở đầu bài. Tôi mạnh dạn giả thiết như thế vì nhận xét riêng – dĩ nhiên là chủ quan – cho phép tôi tin như vậy. Và hi vọng rằng, chính những con người như thế, “ tài nguyên chất xám ” tại chỗ, nếu được nhân lên, được cung cấp với nhiều thông tin và tri thức hơn, sẽ góp phần tìm được lối ra và đi lên, trước hết là cho bản thân họ, sau nữa là cho xã hội. May ra, họ sẽ kéo theo được những bạn bè, trang lứa của họ, những người sau khi tốt nghiệp chuyên khoa hoặc đại học, đang bán quán, buồng phở, bán chợ trời, hoặc làm đủ thứ nghề để kiếm sống...². Những người ở cái lứa tuổi hoạt động, đóng góp, khai phá, nhưng lại bị vùi dập trong cái thảm trạng đau đớn của Việt Nam hiện nay : nạn thất nghiệp.

Ở đầu bài viết tôi có dùng cụm từ “ *tài nguyên chất xám* ”,

một cụm từ thật ra khá mơ hồ. Cũng như tôi đã cố ý không xác định rõ cái gọi là thông tin chuyên ngành. Bởi lẽ, trong giới hạn thật nhỏ hẹp của một bài viết như vậy tôi nghĩ mình không nên đặt vấn đề trong cái khung chi tiết của kinh tế, giáo dục, hoặc khoa học, hoặc công nghệ gì đó. Nhu cầu thông tin chuyên ngành ở Việt Nam, ở thời điểm này, vừa đa dạng, vừa chưa “định hình”. Nói nôm na, hầu như thông tin gì cũng cần, đàng khác lầm khi người có nhu cầu cũng chưa chắc có thể mô tả, xác định được mình cần gì. Vì vậy việc đánh giá về phía người chuyển giao thông tin thật rất khó khăn. Ai dám nói là các thông tin về máy tính điện tử là “quý báu” hơn kinh nghiệm của một người quản lý thành công một xưởng thủ công nghiệp gia đình ? Xin hãy cứ nghĩ tới một vùng đất hán đang cần những hạt nước mưa, và xin chỉ dừng gieo xuống đó những giọt mưa acid là đủ...

Đã coi chất xám là một thứ tài nguyên, thì tất nhiên để có thể phát huy được tiềm năng của tài nguyên ấy, cần có những ước tính về trữ lượng, đánh giá trữ lượng, và triển khai sách lược khai thác và tận dụng trữ lượng ấy. Đó là những công tác lớn, dài hơi, và liên tục vì đối tượng khảo sát sẽ luôn thay đổi với thời gian và tình thế. Bài viết này không có tham vọng động đến các việc lớn ấy, chỉ xin thêm vài ý nhỏ quanh cái “vỉa tài nguyên chất xám ở Mỹ”.

Đã trở thành một thói quen của nhiều người – trong và ngoài nước, thuộc nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau – ưa nhắc tới số vốn tri thức khoa học kỹ thuật, và đôi lúc, ngay cả tài sản vật chất trong cộng đồng người Việt ở Mỹ như một thành tố quan trọng trong việc phát triển Việt Nam (hoặc là hôm nay, hoặc là “hậu cộng sản” (!)). Một cách khái quát, sự nhắc nhở này có cơ sở của nó. Nhìn chung, chắc cũng dễ đồng ý với nhau là con số người Việt ở Mỹ tham dự vào sinh hoạt kinh tế (sản xuất và dịch vụ), văn hóa, khoa học kỹ thuật ngày càng đông, vốn liếng tích lũy có lẽ cũng đáng kể.

Thế nhưng, đó là cách nhìn và ước đoán trong bối cảnh xã hội sở tại, nằm trong cơ chế riêng của xã hội sở tại, mà về cơ bản rất khác điều kiện của Việt Nam. Dùng các con số ấy, những phỏng đoán ấy để nối kết với hoàn cảnh và vận mệnh Việt Nam tôi lại e rằng sẽ có nhiều điều cần điều tra và suy nghĩ “kỹ lưỡng” hơn. Xin đơn cử một vấn đề tương đối giới hạn : tay nghề chuyên môn của một người kỹ sư Mỹ gốc Việt là sản phẩm đào tạo và phát triển của nền công nghiệp Mỹ, nhằm sử dụng ngay trong guồng máy quản lý và sản xuất của Mỹ, tương thích với trình độ tiến bộ (cũng như các giới hạn, bệnh tật) của chính nền công nghiệp Mỹ. Nếu đặt vấn đề kỳ vọng sử dụng được cái vốn kỹ năng của một chuyên viên như thế vào hoàn cảnh Việt Nam, liệu những người làm chiến lược còn bao nhiêu là chặng nghiên cứu, khảo sát, hoạch định và tổ chức phải đi qua ? Ở đây tôi không hề hàm ý đưa ra cái khó khăn, hoặc thuận lợi một cách vội vã, vì thú thật, bản thân tôi chưa nhìn thấy hết. Tôi chỉ đặt vấn đề cần thiết phải hiểu và thấy các yếu tố phức tạp bên trong của một ước vọng vốn có cơ sở lớn về mặt tình cảm. Sự tham dự hữu hiệu của một người kỹ sư, ở một cấp nào đó, đòi hỏi những yếu tố nhất định về môi trường, hoàn cảnh, nhiệm vụ và quyền hạn, những chuẩn bị tương đối phức tạp, mà ngay ở xã hội sở tại, sau hàng bao nhiêu năm công nghiệp hóa người ta đã coi là tất yếu, không còn bận tâm để đặt ra.

Theo kỹ sư Phạm Văn Bảy, Phó chủ tịch Liên hiệp các

hiệp hội KHKT thành phố HCM, “*Bồi dưỡng và sử dụng chất xám trí thức nói chung, trí thức Việt kiều nói riêng, thuộc phạm trù quản lý cao cấp mà một nguyên tắc hàng đầu là chủ thể quản lý phải ngang tầm nhiệm vụ quản lý. Còn nhiều cán bộ lãnh đạo chưa thật thấm với sự yếu kém về trình độ KHKT và quản lý vĩ mô và vi mô*”³. Có lẽ ý này cũng đáng cho những người lưu tâm đến vấn đề “tài nguyên chất xám” ở hải ngoại suy ngẫm. Vì quan trọng hơn cả, đằng sau cụm từ “tài nguyên chất xám” – thực chất chỉ là một cách nói – lại là vấn đề liên quan đến hàng ngàn, hàng vạn con người, mà lại là những con người tương đối có nguồn gốc giáo dục, đào tạo và sinh hoạt đa dạng, phức tạp. Và, trong tất cả các yếu tố hệ trọng, có một yếu tố vừa có tính quyết định, vừa không đo lường được : đó là tấm lòng.

Đã đặt vấn đề ra như vậy, thiết tưởng những người làm hoạch định, cả trong và ngoài nước, phải hiểu khá sâu sắc đặc tính và điều kiện sinh hoạt của xã hội Việt Nam và Hoa Kỳ. Trộm nghĩ, đấy là những việc đòi hỏi nhiều nỗ lực nghiêm chỉnh và rộng lớn. Chưa có những điều tra, khảo sát có qui củ, thì rất khó để mà nói rằng cái trữ năng chất xám ở hải ngoại được là bao nhiêu, và các dự đoán về khả năng thu hút và vận dụng cái trữ năng ấy vào sự nghiệp khôi phục lại đất nước là khả thi đến chừng nào. Cách đặt vấn đề ở trên đồng thời cũng bao hàm nhu cầu thông tin hai chiều : người ngoài nước phải được chia sẻ các dữ kiện và phân tích về nhu cầu, giới hạn, khó khăn của trong nước, trong từng ngành, từng nghề. Phải có hoàn cảnh, phương tiện, và thông tin để người bên ngoài hiểu sâu sát đối tượng hợp tác và phục vụ của mình.

Phía những người có trách nhiệm về đường lối cũng như quản lý nhân sự ở Việt Nam cũng cần có nhiều thay đổi. Thái độ thập thò, mở rồi lại đóng, đóng rồi lại mở, kèm theo những toan tính nặng phần lợi riêng, lợi gần, hoặc chí ít, quan tâm thái quá đến yêu cầu “phòng gian bảo mật”, nhìn đâu cũng thấy “CIA”, “âm mưu đế quốc” chỉ tổ làm cho tình hình tối mù thêm. Từ đó, ngay cả những nỗ lực riêng lẻ, ở tầm cỡ thật nhỏ, cũng chưa phát huy được mục tiêu khiêm tốn của chúng. Nói gì đến chuyện lớn.

Và nói cho cùng, có nắm được thực tế, may ra các bên trong sự hợp tác mới có thể có được những định nghĩa khá căn bản như : thu hút và vận dụng cái trữ năng chất xám của trí thức gốc người Việt Nam thực ra nghĩa là gì ? Một điều thoát nói tới, cứ tưởng là đã được xác định.

Nguyễn Lộc
(Hoa Kỳ, tháng 2.1992)

(1) Hiến pháp Hoa Kỳ ghi :

“*President of the Senate : The Vice-President of the United States shall be President of the Senate, but shall have no vote, unless they be equally divided.*”

Và dĩ nhiên, nếu đã muốn bàn cho ra lẽ về vấn đề này với người đọc, thiết tưởng các thông tin liên quan đến vai trò của President of the Senate và của chức vụ Phó Tổng thống Mỹ còn phải được trình bày cặn kẽ hơn nữa.

(2) Về đâu chất xám miễn Tây ?, Huỳnh Kim (Tuổi Trẻ Xuân Nhâm Thân)

(3) Quốc sách về chất xám Việt kiều : trăn trở của những người đã về nước, Hữu Khánh (báo đã dẫn).

Từ một kỷ niệm xa...

Dược uống rượu đầu năm và bàn gẫu câu chuyện cũ rich là chuyện trí thức, tôi có vui miệng kể lại cho bạn bè hoàn cảnh đặc biệt, trong đó, lần đầu tiên, tôi đã hiểu và đã cảm nhận một cách thầm thía hai chữ trí thức. Chuyện cũ đã mấy mươi năm, tưởng kể để mua vui trong chốc lát, ai ngờ chủ nhà ép viết ra thành chữ nghĩa. *Văn tự hà tầng vi ngã dụng*¹...

T háng 5 năm 1963, tôi có việc riêng phải vào Sài Gòn. Xong việc, tôi ghé Nha Trang vài hôm thăm người quen trước khi ra lại Huế. Tôi đang tắm biển ở Nha Trang thì nghe tin lựu đạn nổ trước đài phát thanh Huế, đêm mồng 8, khi dân chúng tập trung trước đài để yêu cầu nghe lại cuốn băng ghi âm buổi lễ Phật-dản. Lựu đạn nổ, máu của chín em bé áo lam thảm vào trang đầu của một giai đoạn lịch sử vừa bặt mờ, và tôi đang tắm biển ở Nha Trang...

Khi tôi trở lại Huế, mắt tôi không thấy những xôn xao, như tôi nghĩ, trong thành phố và giữa trường đại học, vốn muôn thuở hiền lành ; nhưng tai tôi đón nhận không biết bao nhiêu là tin tức từ mọi nơi, từ mọi giới, thăm thầm thì thỉ, rồi giục giã, thôi thúc. Tin tức từ tai này chuyền qua tai khác, từ miệng nọ lan đến miệng kia, như một hơi gió bị ép, có ai ngờ cơn bão cũng chỉ là triệu triệu hơi gió bị ép mà thôi.

Tôi về Huế chưa kịp ráo mồ hôi thì phải chuẩn bị vào lại Sài Gòn cùng với một số nhân viên giảng huấn khác của trường đại học. Chúng tôi, cũng giống như hàng trăm giáo chức khác ở đại học Sài Gòn, Đà Lạt, phải tập trung học tập chủ nghĩa nhân vị trong ba ngày tại một trung tâm dựng lên giữa đường Sài Gòn - Biên Hòa, gọi tắt cho tiện là "Trại Lô Ó", bởi vì nó nằm gần suối Lô Ó. Tổ chức cho đại học, đầu não của trí tuệ, Trại vận dụng tất cả trí tuệ của các chuyên viên nhân vị chủ nghĩa và trang hoàng bằng tất cả hình thức uy nghi trong buổi khai mạc, với sự hiện diện của các nhân vật cao cấp trong chính phủ. Lần đầu tiên tôi được đi học cùng lớp, cùng thầy, với các vị giáo sư cũ khả kính của tôi, ăn cùng một món canh, ngủ cùng một thứ màn, rửa chân cùng một gáo nước, tẩy não cùng một chân lý sáng ngời. Tôi không biết quý vị đã thông hiểu chủ nghĩa như thế nào sau mấy ngày học tập ; riêng tôi, tôi chỉ giữ lại trong đầu mỗi một câu chuyện đùa của thiêng tướng Tám, chỉ huy Trại. Ông thiêng tướng kể câu chuyện tếu này để nhập đề cho một bài giảng về cái quái gì đó trong nhân vị chủ nghĩa hoặc trong quốc sách Ấp chiến lược : trong một buổi học tiếng Anh, bà giáo Mỹ chấm một dấu chấm (*) giữa một tờ giấy trắng mènh mông và yêu cầu mọi người cho biết "bức tranh" đó gởi lên hình ảnh gì trong đầu. Một người trả lời : *catastrophic*, và thản nhiên cất nghĩa : đó là cái bụng của vợ tôi khi mang bầu. Mọi người cười tán thưởng. Có lẽ tôi sẽ cười to hơn nếu ông thiêng tướng nói : đó là cái bụng của cô bồ của tôi...

Tôi nhớ câu chuyện tếu không mấy nhân vị đó bởi vì ông thiêng tướng sắp được học chữ *catastrophic* mà không cần phải nhìn một cái bụng mènh mông. Ông học chữ đó trong ngày bế mạc Trại. Vinh dự tối cao, Trại bế mạc với sự hiện diện của chính ông Ngô Đình Nhu. Từ sáng sớm, học viên chúng tôi đã đứng chào đón ông Nhu từ trực thăng bước xuống, theo sau cả một đoàn tùy tùng cao cấp, sĩ quan, bộ trưởng. Ông Nhu ban huấn từ, dĩ nhiên là về chủ nghĩa nhân vị. Tôi nghe mơ màng, nhưng sự tinh ở đoạn cuối, khi ông bước qua chuyện mấy trái lựu đạn trước đài phát thanh. Tất cả đều là Việt Cộng, Việt Cộng khoác áo thầy tu, Việt Cộng ném lựu đạn. Chúng tôi, đầu não trí thức, có nhiệm vụ tố cáo hành động dã man của Việt Cộng trước dư luận thế giới đang bị tuyên truyền nhiễm độc.

Xong bài huấn từ bế mạc, ông Nhu bước lên trực thăng. Ông Nhu không cao, nhưng hình như ai cũng thấp hơn ông một cái đầu.

Chúng tôi lại tập trung vào lớp, và bây giờ không phải để học nhân vị nữa, mà để biểu quyết một kiến nghị tố cáo Việt Cộng dã man ném lựu đạn trước đài phát thanh Huế. Quyết nghị của giáo chức đại học tất nhiên phải do chính giáo chức đề xướng, luận bàn, viết ra thành văn, và biểu quyết. Do đó, các chuyên viên nhân vị chủ nghĩa rút lui, kể cả thiêng tướng Tám, nhường quyền điều khiển cho chính quý vị giáo sư. Ba bốn vị trí thức cao cấp hăng hái động viên, cổ vũ chúng tôi suốt cả buổi sáng, nhiệt thành nhất lại là ông thầy cũ của tôi ở trường Luật Sài Gòn, mà tôi vốn kính trọng từ ngày đọc những bài viết về kinh tế của ông trong báo **Phổ Thông** xuất bản ở Hà Nội trước 1954. Dưới sự điều khiển của một giáo sư có uy tín, đồng thời lại là một nhân vật cao cấp trong chính quyền, chuyện biểu quyết là chuyện tất nhiên. Chúng tôi ăn trưa, và tiếp tục thảo luận về văn bản quyết nghị trong buổi chiều.

B uổi chiều, sự việc xảy ra một cách bất ngờ. Sau khi các vị đại trí thức đề nghị bản văn biểu quyết, một chàng thanh niên trong phái đoàn Huế ra trước hội trường phát biểu, và chàng ta đặt câu hỏi một cách ngây thơ, nhưng bất ngờ : quý vị đoán chắc rằng Việt Cộng ném lựu đạn ở Huế, nhưng quý vị ở tận Sài Gòn, Đà Lạt ; vậy tại sao quý vị không hỏi chúng tôi là những người ở Huế ? Ai ném lựu đạn ?

Cả hội trường nín lặng. Nín lặng như khi nhìn một bàn tay đang thấp diêm, châm nến. Thành khẩn, tha thiết, nóng hổi, chàng thanh niên kể rõ mọi chuyện từ đầu đến đuôi, từ gốc đến ngọn, từ khi xe quân đội bao vây quần chúng đến quang cảnh súng nổ trước đài phát thanh. Cả hội trường nín lặng, kinh ngạc. Khi vị thầy khả kính của tôi tiếp tục lại nhiệm vụ điều khiển công việc biểu quyết, sự nhiệt thành của ông không làm tan nổi nhiều ngượng ngùng trong không khí. Bây giờ thì chuyện biểu quyết không còn là đương nhiên nữa, mà phải thúc ép. Sức ép đang lên thì một chàng thanh niên khác, cũng từ phái đoàn Huế, ra giữa hội trường nêu lên vấn đề trí thức và sự thật. Quý thầy thường dạy học trò phải yêu sự thật, xin quý thầy tiếp tục dạy cho chúng tôi bài học đó.

Thảo luận kéo dài từ chiều đến tối, và từ sau buổi ăn tối đến khuya. Tố cáo Việt Cộng thì tố cáo, nhưng nhét vào bản văn biểu quyết mấy chữ Việt Cộng ném lựu đạn thì không đủ cánh tay giờ lên. *Catastrophic* ! Buổi họp tan, và Trại bế mạc khi ban chỉ huy biết có đánh nữa cũng không thắng. Chín năm nhân vị : thách thức đầu tiên trong đại học. Buổi tối đi ngủ, Hoàng Văn Giàu và Ngô Văn Bằng khoái phủi chân

chui vào màn : hai chàng diếc không biết sợ trực thăng. Năm 1964, tờ **Lập Trường** đăng “ *Nhật ký Lồ Ồ* ” của Hoàng Văn Giàu ; tôi muốn được xem lại quá.

Về lại Huế, không khí khác hẳn. Nhẫn nhục đã chuyển qua tranh đấu, và tranh đấu công khai. Trong tháng 7, và nửa tháng 8, sinh viên Phật tử đóng đô ở hai chùa Từ Đàm và Diệu Đế, tổ chức phát thanh, dân chúng đi nghe càng ngày càng đông. Từ Đàm ở bên này sông, Diệu Đế ở bên kia sông, những cuộc biểu tình im lặng đi từ chùa này qua chùa kia, dài suốt cả những con đường dài, đi suốt cả lòng thành phố, im lặng, trang nghiêm, đạo hạnh, làm chảy nước mắt những người không dám đi theo trong đó có tôi. Cả thành phố xôn xao với những buổi phát thanh ở Diệu Đế, người đi nghe xôn xao, người ở nhà nghe lại cũng xôn xao, đại học bắt đầu xôn xao, sinh viên nôn nóng.

Tất nhiên các loa phát thanh ở Diệu Đế nhắm về phía đại học, và chĩa thẳng vào lương tâm của các người trí thức. Trong một thành phố nhỏ, có văn hóa cao, trọng trí thức, trọng bằng cấp, trọng chữ nghĩa, trọng đạo đức, một tiếng nói của giáo sư đại học có giá trị như tiếng sấm đầu tiên của cơn giông mùa hạ. Trời đất vẫn vũ từ đầu mùa hè 1963, cây cối rung chuyển, đâu tia chớp đầu tiên ? Sợ, dĩ nhiên là sợ, ai mà không sợ chế độ đàn áp ? Mấy ai bắt chước được chị tiểu thương Đông Ba phơi thây giữa chiến địa, ung dung như con thiên nga trắng muốt đạo bơi giữa hồ ? Nhưng, mặt khác, phần nộ trước bắt công, áp bức, đối trả, miệt thị dâng tràn lên cổ, và tình cảm liên đới với sinh viên thúc giục chân phải bước đi.

Đến một giây phút nào đó, kỳ lạ thật, những chuyện khó khăn nhất bỗng trở nên giản dị, chín núi Thái Sơn cũng nhẹ như lông hồng. Không biết ai đã rót vào ai lời nói đầu, anh Bùi Tường Huân nói với tôi ? anh Lê Tuyên nói với anh Bùi Tường Huân ? Hay là chỉ ánh mắt này nháy ánh mắt kia, nghẹn ngào này gặp nghẹn ngào khác, không ai nuốt tủi nhục trước sinh viên lâu hơn được nữa ? Thoắt một cái, một buổi họp giáo chức đại học được tổ chức, giữa mùa hè, trong lúc mỗi người phân tán mỗi nơi. Con chim đầu đàn bay, các con khác cũng bay theo, khó khăn là ở cái vẩy cánh đầu tiên. Anh Lê Tuyên lúc đó là giám đốc văn khoa của đại học sư phạm, anh có đôi cánh dài. Anh Bùi Tường Huân... Tôi thân với anh Huân vì tôi dạy ở trường Luật và anh là khoa trưởng, chỉ có thể thôi, tôi không biết gì hơn về anh Huân, và cũng chẳng hề muốn biết. Anh Huân có người bạn thân là giáo sư Wulff, người Đức, dạy ở trường Y, sau này là một nhân chứng quý báu của vụ đàn áp ở Huế. Anh có một người bạn ngoại quốc khác nữa, ông Rose, người Mỹ, mà tôi chưa hề gặp. Sau này, đọc quyển truyện *Gặp gỡ cuối năm* của Nguyễn Khải, tôi mới nghe nói ông Rose là C.I.A. Cũng chẳng có gì lạ. Các trường đại học danh tiếng nhất của Mỹ có lần đã la làng phản đối, bởi vì C.I.A. tuyển chọn nhân viên trong hàng ngũ ưu tú nhất ở các đại học để phái đi làm giáo sư ở khắp nơi. Anh Huân quen ông Rose là chuyện của anh Huân ; chuyện đó chẳng ăn nhậu gì với buổi họp đầu tiên của một số giáo chức đại học Huế giữa đe dọa, khùng bố của mùa hè 1963. Chẳng lẽ tất cả mọi chuyện lớn nhỏ vui buồn của giang sơn này đều toàn là chuyện Việt Cộng ném lựu đạn với chuyện C.I.A. xúi dại xúi khôn ? Lúc đó anh Huân là khoa trưởng, và sự việc một khoa trưởng chọn thái độ đứng về phía sinh viên đang tranh đấu ở Từ Đàm, Diệu Đế là một hành động can đảm mà mọi người đang chờ đợi. Hành

dộng can đảm này lôi cuốn hành động can đảm khác, và kết quả là chúng tôi cùng phơi thây giữa chiến địa, không ung dung bằng ai, nhưng thanh thản lương tâm. Mà đâu có phải để làm cái gì ghê gớm ! Chỉ để ra một tuyên ngôn.

Chiều hôm đó, các loa truyền thanh ở Diệu Đế phát đi khắp thành phố bản tuyên ngôn của giáo chức đại học Huế. Tin bay vào Sài Gòn. Và bay qua bên kia Thái Bình Dương. Phong trào tranh đấu trong đại học bùng lên.

Anh Tuyên, anh Huân và toàn bộ sinh viên tranh đấu đều bị bắt vào đêm 20.8, đêm quân đội tổng tấn công vào chùa chiền, và bị giam giữ lâu nhất, cho đến ngày ông Diệm bị lật đổ. Ra khỏi tù khi “ cách mạng ” thành công, anh Tuyên cười bảo tôi : “ *Chúng nó tra hỏi tôi ai viết bản tuyên ngôn, tôi không khai cho cậu* ” . Tôi tìm được hướng đi và lẽ sống. Từ ấy.

Sau đảo chính 1.11.1963, hai sự việc làm tôi suy nghĩ về vấn đề trí thức. Sự việc thứ nhất là nhiều nhà văn tên tuổi, nhiều trí thức có tiếng ở Sài Gòn viết trên báo nhiều bài tự bạch trong đó các anh tự trách mình, tự trách trí thức đã “ đánh đũ lương tâm ” , “ đánh đũ ngòi bút ” , “ dính máu ăn phèn ” . Mấy chữ này bây giờ nghe đã quá quen tai. Năm 1963, đó là những lời sám hối đầu mùa. Ý thức về sự dễ khiếp nhược, dễ a dua của trí thức trước một chế độ độc tài có tầm cỡ lớn khiến các anh đặt vấn đề cảnh giác của trí thức trước chính trị : cảnh giác ngay từ đầu, đừng để chế độ bước từng bước vào tội lỗi, đừng vui chân đi đêm với chế độ, đừng nghe cò kè trả giá, và đừng sáng mắt trước “ vàng ngoài bốn trăm ” . Không phải tất cả - bởi vì trí thức không phải chỉ là bằng cấp, chữ nghĩa, hoặc chuyên môn - nhưng ít ra phải có một số trí thức nào đó tự lấy nhiệm vụ lau chùi hằng ngày tấm gương trí thức chung để trí thức cùng nhau soi lương tâm của mình, để giữ cho nhau chiếc lưng đứng thẳng, không thua bất cứ ai một cái đầu. Các trí thức đó, với sự góp sức chung của mọi người có lương tâm, giữ gìn và phát huy một chức năng vô cùng quan trọng trong các nước chậm tiến, vốn là con mồi của bao nhiêu hình thức độc tài, một chức năng vốn sẵn thích hợp với truyền thống trọng đức, trọng tài, trọng hiền trong xã hội Việt Nam : *chức năng trí thức*. Đây không phải là chức năng đổi lập, mà là *độc lập* với chức năng chính trị. Trí thức là người tinh táo, bởi vì chính trị và quyền lực nếu không là roi vọt thì là đường mật. Roi vọt như Ưng Khuyển, hoặc đường mật như Sở Khanh thì cũng đều dẫn tới lầu xanh.

Sự việc thứ hai làm tôi suy nghĩ là câu nói của một vị lãnh đạo Phật giáo, cảnh cáo khuynh hướng đắc thắng bắt đầu manh nha nơi một nhúm người vừa thoát khỏi áp bức ngày hôm qua : “ *Coi chừng, chúng ta đã không chết đói mà sẽ chết no* ” . Khiếp ! chính trị là cái nhan sắc gì mà ai cũng dễ si mê đến thế. Và quyền lực, “ *tấu lạy Bà, Bà có nhiều phép lạ* ” . Bà là Thượng Đế ! Hôm qua tôi từ một gông. Hôm nay tôi gông cả và thiên hạ. May quá, thời cuộc 1963-64 chẳng hề cho phép lực lượng nào thiết lập trật tự mới, cho nên những kẻ ngồi tù hôm qua chưa quên chiếc gông của mình. Nhưng câu cảnh cáo đậm đà mùi vị ẩm thực của vị lãnh đạo giữ nguyên giá trị thiêng thu của tiếng chim vỗ cánh báo mùa biển động. Bởi vì, nếu “ *người quân tử ăn chẳng cầu no* ” như đức Khổng dạy, là vì người quân tử ăn cơm với rau má, chứ nếu người quân tử được ăn quyền lực thì người quân tử ăn vỡ bụng cũng chẳng biết no.

Cho nên người trí thức, đứng trước chính trị và quyền lực, có cái trách nhiệm tự cảnh giác mình và cảnh giác người ngay

cả trong trường hợp chính phe của họ lên cầm quyền. Ngay cả trong trường hợp đó, *chức năng trí thức* mà họ giữ vẫn phải độc lập, tinh túc đối với *chức năng chính trị* mà chính bạn của họ đảm đương. Họ càng phải lau chùi lương tâm của họ kỹ hơn nữa, bởi vì họ không muốn bạn của họ rơi vào vết xe đỗ lăn xuống hố. Trí thức không phải là người không biết uống rượu nhưng là người nhầm chán say sưa trong chốn cung đình. Dù là với bạn.

Chúng tôi chưa có ai say trong thời 63-64, tuy có người dự vào bàn tiệc của chính trị, hoặc tự ý hoặc “ bị ” đề cử. Một số ít vào Sài Gòn làm xe pháo mã trong một ván cờ chưa biết ai là tướng. Hầu hết ở lại Huế làm báo. Làm nhiệm vụ gìn vàng giữ ngọc cho lương tâm. Tờ **Lập Trường** ra đời.

Mãi đến sau này, khi đọc Weber, tôi mới thấy thẩm thía tên tờ báo cũ của chúng tôi. Tôi thấy tội cho anh Tôn Thất Hanh khi bị đề cử tham gia Thượng Hội Đồng Quốc Gia cùng với bác sĩ Lê Khắc Quyết, cũng bị đề cử. Anh Hanh là người khoa học, đâu có ưa gì chính trị. Ra đi, anh chết trong lòng rất nhiều, bởi vì anh thừa biết chính trị là nhan sắc. Nhưng anh phải đi, bởi vì nếu không thì không trả lời được câu chỉ trích : “ *Bộ trí thức các anh chỉ có cái mồm biết nói mà thôi hay sao ?* ” . Anh Hanh và anh Quyết lúc đó phải tham gia vào cái nhiệm vụ đạo đức mà Weber gọi là *đạo đức trách nhiệm* (*éthique de la responsabilité*). Đây là đạo đức của những người hành động, nghĩa là những người luôn luôn phải nhìn vấn đề dưới tương quan giữa phương tiện và cứu cánh, đôi khi vì hiệu năng mà phải dùng những biện pháp trái với chính lương tâm của mình. Tờ báo của chúng tôi nhằm đến một đạo đức khác mà Weber gọi là *đạo đức của niềm tin* (*éthique de la conviction*). Đây là đạo đức khiến con người hành động theo lương tâm mà không cần phải để ý đến hậu quả. Tận cùng của đạo đức này là thái độ của người theo thuyết bất bạo động tuyệt đối : thà tôi chết chứ không cầm súng giết người. Anh chàng này ngu chăng ? Khùng chăng ? Không, anh ta tin như vậy, và anh ta chỉ muốn chung thủy với lòng tin của anh, với *lập trường* của anh, mặc ai nghĩ gì thì nghĩ, và cho dù mặt trời có nở ra muôn mảnh trên đầu anh ta, anh ta vẫn tin như thế và hành động như thế.

Tất nhiên, trên thực tế, hai thứ đạo đức vừa nói không mấy khi nằm ở trạng thái nguyên chất, trạng thái ròng : trách nhiệm nào lại chẳng dựa trên lòng tin, và lòng tin nào lại chẳng có ý thức về trách nhiệm ? Thế nhưng sự phân biệt hai thứ đạo đức trên lĩnh vực lý thuyết làm sáng tỏ hai thái độ khác nhau, một bên là của người cầm quyền, một bên là của người trí thức, hai thứ đạo đức khác nhau nhưng cần nhau và bổ túc cho nhau, như ngày với đêm, như ngủ với thức. Cho nên tôi không thể thiếu anh, tôi cần anh, tôi trọng anh ; nhưng anh phải hiểu là anh cũng không thể thiếu tôi, anh cần tôi, anh trọng tôi, anh trọng sự độc lập của tôi dù cho điều đó có làm phiền anh. Để ngọn hải đăng vẫn sáng khi con tàu lạc hướng. Để quyền lực không phải là bạo lực.

C.H.T.

(1) Chữ nghĩa nào đã dùng được việc gì cho ta (thơ Nguyễn Du)

Lê Đạt

chi...chành

<i>Chi chi chành chành</i>	<i>Ta vào biển Đông</i>
<i>chữ đánh thôi lửa</i>	<i>Chín gác Lãnh Ông¹</i>
<i>Cấp kế đi tìm</i>	<i>Tượng xanh xuân chờ</i>
<i>ta vẫn đi tìm</i>	<i>Gió mùa xổ cửa</i>
<i>Ta đi mỏi chân</i>	<i>Tim đèn rong khuya</i>
<i>Em ơi cho anh</i>	<i>Mai sau ta chết</i>
<i>Mượn con ngựa gỗ</i>	<i>Ai dùng có quên</i>
<i>Gió ú dẫu ga</i>	<i>Đưa ta dãm đồng</i>
<i>Mưa oà thiên hà</i>	<i>Để ta ăn đường</i>
<i>Bóng chim sơn tiêu</i>	<i>Để ta sang sông</i>
<i>Chiếc lồng ráng chiều</i>	<i>Để ta đi tìm</i>
<i>Ta ra biển cạn</i>	<i>Chi chi chành chành</i>

(1967)

(1) nhà Lê Đạt ở số 9, phố Lãnh Ông, Hà Nội.

Vũ Cận

nhầm địa chỉ

tặng bác sĩ Nguyễn Khắc Viện
con người và nhà thức giả

<i>Bắc thang lên hỏi ông Trời</i>
<i>Cớ sao vẫn lầm cuộc đời đắng cay</i>
<i>Bay về bay hỏi chúng bay</i>
<i>Lần sau không được lên đây hỏi Trời</i>

Bệnh viện Việt Xô, thu 91

rượu và xuân

<i>Cạn chén cho quên đời</i>
<i>Nhưng đời có quên người</i>
<i>Vì người đào lại nở</i>
<i>Người quên người đó thôi</i>

Láng, 07.02.1989 (mồng một Tết Kỷ Tỵ)
[trích từ tập thơ *Gọi bình minh*, Văn hoá, 1991]

Lại chuyện “trí thức”....

Tiếp theo cuộc thảo luận “trí tuệ và phát triển” (xem lược thuật của Hàn Thuỷ, Diễn Đàn số 6), chúng tôi đăng trong số này : bài TỪ MỘT KỶ NIỆM XA của Cao Huy Thuần (trang 15), và hai đóng góp của Lê Văn Cường và Tôn thất Nguyễn Khắc Thiêm.

Lê Văn Cường

TRÍ THỨC LÀ GÌ ?

Nếu, hiện nay, “*chất xám, trí tuệ, trí thức... là những từ thời thượng*”¹, người trí thức, hoặc/và giới trí thức, đã xuất hiện từ lâu. Người trí thức nảy sinh từ đâu ? để đáp ứng nhu cầu gì của nhân loại ? và như vậy, có vai trò nào trong xã hội ?

Trong quá trình lịch sử, người và việc luôn luôn thay đổi. Không thay đổi chăng là đôi điều hiển nhiên : con người, ít nhất cho đến nay, không trường sinh ; và muốn trường tồn. Từ đó nảy sinh ra nhu cầu : tìm hiểu sự sống (vũ trụ, xã hội, con người, và chính bản thân mình). Tìm hiểu để kéo dài cuộc sống. Cái bất hạnh, cũng là cái may, của con người, là cái chết. Chết về thể xác, cũng như về trí tuệ. Bất hạnh, vì biết sự hiểu biết của mình có giới hạn vì một ngày nào đó sẽ ngưng hẳn ; cái may, là từ đó đã nảy sinh ra khoa học — tự nhiên và xã hội — để giúp loài người kéo dài cuộc sống, tìm cách sống một cách êm ấm, hạnh phúc vì không biết tương lai xa, sau khi chết, sẽ ra sao ? Bớt đau khổ vì bệnh tật, tự do hơn, dân chủ hơn... ? cũng chỉ là những hình thái tốt hơn của cuộc sống.

Từ nhu cầu *tìm hiểu sự sống để kéo dài cuộc sống* đã xuất hiện con người trí thức. Như vậy thử tạm định nghĩa *người trí thức* là người có nhu cầu *tìm hiểu sự sống*, và *tham gia* vào quá trình khai hoang mảnh đất mênh mông của sự *không biết* (*inconnu*).

Khai hoang không bắt buộc tham gia trực tiếp như một chuyên viên kỹ thuật, hay một nhà nghiên cứu ; ta có thể khai hoang bằng suy nghĩ ; nhưng khai hoang bắt buộc phải sắp xếp lại những khám phá, những hiểu biết, phải cọ xát ý kiến để tạo ra những suy nghĩ, những tìm kiếm mới. Và vì cuộc sống có nhiều mặt, muốn tìm hiểu sự sống cần phải có một cái nhìn tương đối tổng hợp. Do đó nảy sinh ra *giới trí thức*. Giới trí thức giúp xã hội trả lời những câu hỏi : xã hội, vạn vật là như thế nào ? sống như thế nào ? (Ta có thể tiên đoán là giới trí thức sẽ vĩnh cửu vì những trả lời sẽ không thể nào dứt khoát).

Nếu trí thức xuất phát từ “*tìm hiểu để kéo dài cuộc sống*”, làm người trí thức theo đúng nghĩa của nó không phải dễ. Trước hết phải có sự *chặt chẽ* (*rigueur*) trong suy luận, trong sự tìm kiếm ; hệ luận của nó là *khiêm tốn và hoài nghi*. Không phải vì đạo đức mà vì đó là phương pháp tiến hành. Vì vậy không thể giới hạn vai trò của người/giới trí thức vào công việc phê phán (biết bao chế độ muốn có một giới trí thức phê phán nhưng chấp nhận chế độ). Người trí thức phải độc lập, về tư tưởng, với tất cả, sẵn sàng đặt lại (nếu có lý do) tất cả, từ các lý thuyết đến chế độ xã hội.

Định nghĩa người trí thức và giới trí thức từ nhu cầu tìm hiểu nói trên sẽ không thỏa mãn rất nhiều người. Một “chuyên gia kỹ

► (xem tiếp trang bên, cột hai)

Tôn thất Nguyễn Khắc Thiêm

GIỚI TRÍ THỨC

Nhìn từ tổng thể xã hội, “tìm hiểu sự sống để kéo dài cuộc sống” — vốn là một nhu cầu thiết yếu của nhân loại như Lê Văn Cường đã nhận định — , được thể hiện trong **quy trình sản xuất và tái sản xuất xã hội** (*production et reproduction sociales*). Có lẽ thông qua qui trình này mà việc thủ định nghĩa vai trò xã hội của giới trí thức sẽ được rõ thêm chăng ?

Trong một xã hội được định hình và đang vận hành, việc **tái sản xuất xã hội** bao gồm hai khâu : **tái sản xuất giản đơn** (*simple*) và **tái sản xuất mở rộng** (*élargie*). *Gắn đơn* vì xã hội được kéo dài trong những hình thái đã có. *Mở rộng* vì xã hội được tái tạo trong thể dạng mới thông qua việc hoà nhập những hình thái mà xã hội chưa có với những hình thái mà nó đã có. Do đó có thể nói rằng **tái sản xuất mở rộng** bao gồm trong vận hành của nó khâu **sản xuất xã hội** nghĩa là việc tìm kiếm và ứng dụng những hình thái chưa có (chưa có ở xã hội đó không có nghĩa chưa có ở xã hội khác).

Toàn bộ qui trình trên đòi hỏi đến *trí thức*. Do tính chất ngày càng phức tạp của xã hội cũng như sự phát triển ngày càng sâu rộng của khoa học, tri thức ngày càng được chuyên môn hoá. Từ đó mà phát sinh việc đào tạo những *trí thức chuyên ngành* gọi là *chuyên gia*.

Dựa vào việc phân định hai khâu như đã nói trên trong qui trình **tái sản xuất xã hội** hãy tạm xem có hai bộ phận chuyên gia với hai chức năng chính : **chuyên gia bảo quản** và **chuyên gia tái tạo**. Vai trò của chuyên gia rạch ròi vì chức năng rõ ràng hữu dụng và cần thiết thấy ngay được.

Vấn đề nảy sinh cho xã hội khi những trí thức chuyên ngành đòi hỏi vượt quá vị thế và chức năng được đặt định hầu trỏ thành người trí thức có tính tổng hợp và có khuynh hướng hợp thành *giới trí thức*. Đứng về mặt nhân sinh, đòi hỏi này hoàn toàn chính đáng vì con người không phải chỉ mong “kéo dài cuộc sống” mà còn muốn làm sao cho *cuộc sống tốt hơn*, phong phú hơn, đầy đủ ý nghĩa hơn.

Đòi hỏi này thúc đẩy các trí thức chuyên ngành lấy khoảng cách với công việc mà xã hội đã đặt định cho mình để nhìn trở lại, thẩm định và tìm hiểu ý nghĩa của những giá trị và mục đích của bản thân mình nói riêng và của xã hội mà mình đang sống (hoặc gắn bó) nói chung. Lấy khoảng cách là một *thái độ trí thức*, thẩm định lại những giá trị và mục đích là một *hành động trí thức*. Từ việc hoàn thành thái độ và hành động này, các chuyên gia có thêm một chức năng mới : **chức năng trí thức**. Nói cách khác, sự hình thành con người trí thức đòi hỏi

hai điều kiện cần thiết : *quyền được lấy khoảng cách và quyền thẩm định trở lại*.

Do tính chất phức tạp của cuộc sống và do quá trình đào tạo bản thân được chuyên môn hoá, không một trí thức nào có khả năng tự mình thẩm định đầy đủ mọi mặt của các vấn đề. Việc tìm kiếm những ý nghĩa chỉ phong phú và kiến hiệu trong những cái nhìn tổng hợp có được thông qua trao đổi, cọ xát, đấu tranh giữa những người trí thức đến từ nhiều ngành nghề, từ nhiều chân trời nhân sinh quan, xã hội quan, vạn vật quan khác nhau, trong tinh thần, thái độ và phương pháp cố gắng trung thực với bản chất của việc trí tri. Từ đó mà dần dần hình thành giới trí thức.

Khi giới trí thức được hình thành thì hai quyền căn bản của người trí thức (*quyền được lấy khoảng cách và quyền thẩm định trở lại*) vô hình trung được thể chế hoá. Trên cơ sở thể chế này, giới trí thức sẽ đạt đến một quyền căn bản khác : *quyền độc lập với những trung tâm quyền lực hiện hành của xã hội*. Toàn bộ qui trình này, nhìn từ tổng thể xã hội, cuối cùng biến giới trí thức thành một trung tâm quyền lực mới của xã hội. Nói cách khác, quá trình hình thành giới trí thức là *quá trình phân bố và uỷ nhiệm quyền lực của xã hội*. Quá trình này cuối cùng cũng cố tính năng động của khâu tái sản xuất xã hội mở rộng.

Cố gắng nói rõ thêm : khởi đầu của khâu tái sản xuất xã hội mở rộng, các quyền tổng hợp, thẩm định và quyết định do giới cầm quyền ôm đ้อม : những chuyên gia, do việc khoanh vùng mạnh mún phạm vi chuyên môn, không đủ điều kiện cũng như không có vai trò thực hiện toàn diện quyền trên. Với sự hình thành của giới trí thức, quyền tổng hợp và thẩm định này được uỷ phái lại một phần. Quyền quyết định toàn bộ và tối hậu vẫn do giới cầm quyền nắm. Quan hệ này vừa "nhẹ gánh" cho giới cầm quyền vừa làm phong phú thêm việc tái sản xuất mở rộng : những công việc giao phó cho các chuyên gia, thành quả này được tổng hợp và thẩm định nhiều lần. Quan hệ giữa hai trung tâm quyền lực này thực chất là một quan hệ không phải xung khắc mà chính là quan hệ hỗ tương : thành viên của giới trí thức bao gồm những chuyên gia mà quá trình đào tạo cũng như vai trò, chức năng và kề cả quyền lợi bản thân đều được gắn liền nhiều hay ít với những trung tâm quyền lực khác của xã hội : kinh tế, khoa học, kỹ thuật, công nghệ ứng dụng, văn hoá... Do đó **tính độc lập không nhất thiết kéo theo tính đối kháng** : mọi vận hành độc lập của mỗi cơ chế trong tổng thể của xã hội đều là **độc lập tương đối**.

Nói cách khác, giới trí thức không phải là một trí năng lơ lửng giữa không trung mà hình thành và vận hành trong lòng của hệ thống xã hội và gắn liền với cấu trúc xã hội. Chức năng của nó cuối cùng hoàn toàn là hữu dụng (*fonctionnel*), dù không thấy ngay được : nó đóng vai trò đội quân bổ sung, hỗ tương và thậm chí cung cấp cho các quyền lực khác (nếu biết dùng nó phù hợp với bản chất của nó và với những giá trị nhân bản phổ biến). Sự có mặt của nó thúc đẩy việc mở rộng thêm ra qui trình tái sản xuất xã hội mở rộng. Và mở rộng qui trình này là tăng cường khả năng phát sinh những ý kiến, những sáng tạo, những hình thái mới đồng thời với *khả năng hòa nhập* (*capacité d'intégration*) của xã hội. Từ đó mà dần dần hình thành một xã hội năng động, dễ dàng thích nghi với những cải tổ. Xã hội sẽ phát triển và thay đổi tương đối hài hoà hơn,

bớt đi những đột biến và những bùng nổ vì những "vùng cấm" cũng như những đối kháng vô lý đã được giải tỏa.

Ở Việt Nam, rõ ràng chưa có *giới trí thức*. Sự hình thành của nó chắc là còn lâu. Song muôn nó có mặt, phù hợp với sự phát triển của xã hội, có lẽ điều cần thiết hôm nay là người trí thức cùng nhau tìm hiểu về vai trò của mình, không tự huyễn hoặc về chức năng của mình. Đồng thời, giới cầm quyền cũng đừng mơ hồ viển vông về tính độc lập của "trung tâm quyền lực" mới này.

Nghĩ cho cùng, "tìm hiểu sự sống để kéo dài cuộc sống" là một mệnh đề có hai vế. Vế bản năng : kéo dài cuộc sống. Vế trí tuệ : tìm hiểu sự sống. Để bản năng lấn át trí tuệ thì hẳn là khó mà có được một cuộc sống *dàng hoàng hơn, tươi đẹp hơn*.

Trí thức là gì ?

(tiếp theo trang trước) ◀

thuật" ¹ không lo "chuyện đời" có phải là trí thức không? Ranh giới rất tế nhị. Nhưng xin khẳng định rằng người nói chuyện đời nhưng không dựa vào hiểu biết, khám phá của loài người không phải là người trí thức. Sự phân biệt "chuyên gia kỹ thuật" và "sĩ phu" phải chăng vì lo ngại có những chính quyền muốn khoanh trí thức trong phạm vi chuyên môn để mình độc quyền lo chuyện đời? Như vậy tại sao không khẳng định rằng người trí thức có quyền, vì đó thuộc về bản chất, vừa là chuyên gia vừa lo chuyện đời. Và, hơn nữa, vì giới trí thức có vai trò giúp xã hội tiến lên, cẩm giới trí thức có vai trò giúp xã hội tiến lên, cẩm giới trí thức lo chuyện đời là đi ngược lại nhu cầu phát triển xã hội. Dĩ nhiên có những trí thức chuyên gia không bàn chuyện đời; nhưng những công trình, khám phá của họ có thể giúp giới trí thức bàn chuyện đời. Và đó cũng là một cách lo chuyện đời.

Định nghĩa trí thức từ nhu cầu "tìm hiểu sự sống để sống" có thể giúp giới trí thức Việt Nam hòa giải với nhau hay không? Nếu quả thật trí thức Việt Nam đã đóng vai trò "đánh thuê" ², đã "ca ngợi" những điều minh hoài nghi vì một lý tưởng (cộng sản / chống cộng sản), đã vất bỏ bản chất của mình, giờ đây tại sao họ không thể nhìn lại quá khứ một cách nghiêm chỉnh và từ đó, lấy lại bản chất của mình, để bàn về tương lai? Chỉ một câu hỏi sau đây : "xã hội Việt Nam trong quá trình phát triển cần tự do, dân chủ tới mức độ nào?" cũng đủ để những người trí thức Việt Nam hòa giải với nhau, xây dựng giới trí thức, nếu gạt bỏ được những thành kiến và ý đồ chính trị phản trí thức. Thật ra, nếu mỗi người trí thức Việt Nam cố gắng thực hiện đúng bản chất của mình, trong suy nghĩ, trong xử sự giữa mình và các người trí thức khác, nghĩa là sẵn sàng tiếp thu, bàn cãi, đặt lại những điều mình biết, thì có lẽ hòa giải sẽ trở thành vô nghĩa. Và sự sống (trong đó có cuộc sống của nhân dân Việt Nam) sẽ có ý nghĩa.

Lê Văn Cường

¹ Ng. V., *Suy nghĩ gần xa : Trí thức*, Diễn Đàn số 6, tháng 3.1992.

² Tôn thất Nguyễn Khắc Thiêm, *Trí thức và dân tộc*, Diễn Đàn số 6, tháng 3.1992.



“Dien Bien Phu”

de P. Schoendoerffer

Đỗ Thông

Hasards de la programmation ou arrière-pensées politiques, le Viet Nam fait actuellement un retour en force sur les écrans, petits et grands : en l'espace de quelques semaines, l'on aura pu voir trois films dans les salles (“ L'Amant ” de J. J. Annaud, “ Dien Bien Phu ” de Schoendoerffer, et bientôt “ Indochine ” de R. Wargnier), pas moins de 4 documentaires à la télévision (“ Récits d'Indochine ” sur TF1, “ La première Guerre ”, en deux émissions, sur A2, “ La Mémoire et l'Oubli ” et “ Vietnam à l'extrême ”, sur FR3), sans oublier “ Poussières d'Empire ” de Lê Lâm sur la 5, et sans compter deux rediffusions américaines sur la chaîne cryptée (“ Outrages ” et “ Né un 4 juillet ”)...

La fêlure Schoendoerffer

Nostalgie coloniale ou réexamen historique, c'est surtout de l'ancienne Indochine française qu'il est question, des langueurs cochinchinoises de “ L'Amant ” aux fureurs tonkinoises de “ Dien Bien Phu ”. On nous pardonnera de ne pas nous passionner outre-mesure pour les émois chinois de Melle Donnadieu (en pince-t-elle pour sa bourse ou ses bourses ? Sublime, forcément sublime). Autrement intéressant nous paraît le cas de P. Schoendoerffer, qui depuis bientôt 40 ans, entre “ Adieu au Roi ” et “ Crabe-tambour ”, promène avec la “ 317è section ” sa fêlure vietnamienne. Car Schoendoerffer est un “ fêlé ” : sa jeunesse, sa mémoire, ses rêves de “ Fortune Carrée ”, il les a laissés en 1954, là-bas, sur un bout de terre indochinoise où il retourne aujourd'hui comme pour une ultime catharsis. Mais, selon ses propres mots, “ sans rancune, ni rage, ni agressivité ”. Quarante ans ayant passé et “ les morts ayant enterré les morts ”, c'est avec une sorte de sérénité – encore que le mot convienne mal aux fureurs de la guerre – que Schoendoerffer a mis en scène “ sa ” bataille de Dien Bien Phu, la “ der de der ”, celle qui réglera ses comptes avec sa mémoire. La reconstitution est d'un professionnalisme maniaque : les obus, les bombes, la pluie, la boue, les parachutages... On dirait, retournés en couleur, mais avec la même monotonie répétitive, les films d'archives rediffusés ces temps-ci sur les écrans papillotants de la TV^(*). A la limite, on a l'impression que Schoendorffer nous convie au spectacle d'une bataille sans ennemis : les Viet Minh, bien sûr, sont invisibles (sauf à la fin, quand ils surgissent par milliers pour l'assaut final), mais même du côté français, les chefs, les généraux, les politiciens sont invisibles... Dans la gadoue, la fumée, le sang, c'est la guerre des fantassins, des paras et des capitaines.

Vigny et Valmy

De toute évidence, il s'agit d'un choix délibéré : cette “ guerre des capitaines ”, c'est celle que Schoendoerffer a connue, loin des états-majors, loin de la métropole, une guerre décousue, sans vue d'ensemble, sans idée claire sur les motivations d'aucun des deux camps. Sans animosité, sans haine, mais sans espérance non plus, avec le sentiment confus d'être “ mal utilisé ”. L'ennui, c'est qu'à force de maintenir sa caméra “ à hauteur de fantassin ” le cinéaste finirait par nous faire croire que sa blessure indochinoise, ce n'était que cela : servitude et grandeur militaires. Pour un peu, Pierre Schoendorffer, ce serait l'Alfred de Vigny de l'Indochine.

En contrepoint des scènes de bataille, une partie du film se déroule à Hanoi, pour montrer au spectateur l'atmosphère de “ l'arrière ”. Mais outre qu'elle est complètement ratée (longue, très longue, et bavarde, très bavarde), elle n'explique en rien le contexte politico-historique hors duquel Dien Bien Phu ne serait qu'une bataille de plus perdue par les Français. Schoendorffer défend son choix : “ Ce n'est pas la vision objective d'un historien, mais celle d'un participant. (...) . Ce qui compte, c'est l'émotion ”. Voire. Les générations actuelles ne partagent pas obligatoirement les valeurs des “ anciens d'Indo ” (fraternité des armes et toute cette sorte de choses), et elles sont assez ignorantes de leur passé^(**) pour qu'on ne leur balance pas sans précaution telle phrase inadmissible présentant la guerre coloniale comme “ l'entreprise la plus désintéressée depuis les Croisades ” (citation de De Lattre de Tassigny). Poussé à la limite, le parti-pris de Schoendorffer (évacuer toute considération politique) se retourne même contre son film. Comment expliquer qu'une garnison abandonnée et condamnée ait résisté avec acharnement pendant près de deux mois ? Que jusqu'au bout, des hommes se soient disputés pour aller rejoindre les assiégés ? Et en face, comment expliquer un acharnement au moins égal, des sacrifices démesurés ? Un protagoniste français compare Dien Bien Phu à Verdun, mais sans la “ Voie Sacrée ”. Effectivement, la Voie sacrée, elle était de l'autre côté, avec les bicyclettes Peugeot et les boudins de riz. Ignorer le contexte historico-politique, c'est réduire le drame de Dien Bien Phu^(***) à une absurdité, ce qu'il n'est pas. Dien Bien Phu est un symbole et Schoendoerffer le sait bien, quand à la fin il nous montre les “ Bô Dôi ” submergeant le paysage comme pour prendre possession de leur terre. Dien Bien Phu, comme l'a dit quelqu'un, c'est “ le Valmy des peuples colonisés ”.

D.T.

(*) Il faut déplorer que certains des documents projetés (et provenant des deux camps) soient des images de propagande, de fausses archives. Pour les scènes de bataille, on s'en aperçoit aisément, quand les combattants montant à l'assaut nous sont montrés *de face* : c'est impossible dans la réalité, car le cinéaste devrait alors se trouver en avant des lignes amies, et tourner le dos aux lignes ennemis !

(**) C'est pourquoi nous avons joint un petit calendrier.

(***) Le plus grand désastre militaire français outre-mer depuis la perte... du Québec : 2.750 tués, 4.500 blessés, 14.000 prisonniers, dont la moitié ne reviendra pas.

Petit calendrier

Crée en 1887, l'Union indochinoise française se composait du Viet Nam (Cochinchine, Annam, Tonkin), du Laos et du Cambodge.

Début du 20^e siècle : naissance d'une opposition nationaliste vietnamienne.

Mai 1941 : création d'une Alliance pour l'Indépendance du Viet Nam, le Viet Minh.

Août 1945 : après la reddition japonaise, le Viet Minh proclame la République démocratique du Viet Nam.

Septembre 1945 : les troupes françaises reprennent Saïgon.

Septembre 1946 : un "modus vivendi" est signé à Fontainebleau.

Décembre 1946 : malgré l'accord de Fontainebleau, les troupes françaises reprennent Hanoï. C'est le début de la 1^{ère} guerre d'Indochine.

Novembre 1953 : pour contrer le Viet Minh au Laos, le corps expéditionnaire français s'empare de la vallée de Dien Bien Phu et y installa un camp retranché.

13 Mars 1954 : premières attaques massives Viet Minh sur Dien Bien Phu.

7 Mai 1954 : capitulation française à Dien Bien Phu.

21 Juillet 1954 : signature des accords de Genève.

*à l'attention de
nos lecteurs francophones*

Edition en français
DIEN DAN – FORUM N°2

Mars 1992
*politique – économie
culture – gastronomie*

Prix du numéro : 15 F
Abonnement annuel (5 numéros) : 75 F
(chèque à l'ordre de Dien Dan).
Adresse : B.P. 50, 92 340 Bourg la Reine

Science - fiction

Le voyageur de Langevin

Une des conséquences les plus frappantes de la théorie de la Relativité est le fameux paradoxe du "voyageur de Langevin" : qu'une émule de Munchhausen enfourche un rayon de lumière pour aller faire une petite balade dans l'Univers, alors par la magie des équations d'Einstein son espace-temps se dilatera, de sorte qu'à son retour il trouvera les Terriens vieillis de plusieurs siècles. Est-ce ce qui est arrivé à Serguei Krikalev, cosmonaute de son état ? A son départ du centre spatial de Baïkonour, il y a 10 mois, c'était un citoyen soviétique, représentant de la "patrie du socialisme", mais aussi d'une puissance "mégatonique" et d'un empire qui s'étendait presque de l'Atlantique à l'Oural. A son retour, le même centre de Baïkonour est devenu kazakh, la fusée ukrainienne et lui-même russe. L'Union Soviétique a fait place à une improbable (bientôt "ex" ?) CEI, le rouble au dollar (enfin, presque), la "**Pravda**" a fermé, faute de lecteurs, et le "parti d'avant-garde" a pris sa retraite...

Soyons scientifiques. Krikalev n'est pas le voyageur de Langevin : il ne volait pas à la vitesse de la lumière, même si à bord de sa station Mir, il tournait assez vite pour avoir vu défiler pas mal de grands soirs et de lendemains radieux. Non, ce qui s'est passé, c'est que dans son pays, le "parti d'avant-garde" disposait d'une super-machine à congeler l'Histoire, qui s'appelait le Ministère de la Pensée. Quand la machine s'est mise à hoqueter, l'Histoire s'est décongelée, comme dans un vulgaire four à micro-ondes, et pour rattrapper le temps perdu, elle s'est mise à tourner à toute vitesse.

Moralité de la fable ? Pour l'instant, il n'y en a pas, puisque quelques "partis d'avant-garde" disposent encore de leur super-machine. C'est le cas du PCC, qui vient de décider, le 9 Mars 1992, de congeler l'Histoire "pour cent ans". Quant au PCV, plus modeste, il a résolu, à son dernier congrès, d'arrêter les horloges seulement jusqu'à l'an 2000. Puisque nous sommes en pleine science-fiction, permettez que le soussigné enfourche son rayon de lumière, et dans quelques minutes il dira la suite de l'histoire à vos descendants...

Z.T.

Chuyển biến trong giới “Tổng hội”

**Một cuộc thăm dò
ý kiến giới trẻ
của báo
NHÂN BẢN**

Số Xuân Nhâm Thân 1992 báo *Nhân Bản* của *Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris* đã dành 16 trang (khổ lớn) để đăng một tài liệu đặc biệt, nhan đề **TUỔI TRẺ HẢI NGOẠI, XÍ NGHIỆP PHÁP VÀ VIỆT NAM**.

Phần đầu, “**Người trẻ hải ngoại nghĩ gì về Việt Nam**”, công bố kết quả một cuộc thăm dò ý kiến có ý nghĩa, mà dưới đây chúng tôi sẽ tập trung lược thuật. Phần hai, “**Xí nghiệp Pháp về Việt Nam**”, không có gì đặc sắc, nhưng công phu và ít nhất cũng cung cấp cho người đọc không có điều kiện tham khảo những tờ báo và tạp chí kinh tế chuyên môn một cái nhìn chung về sự kinh doanh và đầu tư của Pháp ở Việt Nam. Đáng chú ý là một vài thông tin về vai trò của chuyên viên (gốc) người Việt trong lãnh vực này, và chủ trương của các xí nghiệp Pháp về việc sử dụng (hay không) Việt kiều trong việc làm ăn với Việt Nam.

Đây không phải là cái gạch nối duy nhất giữa hai chủ đề thoát trống không liên quan với nhau. Còn có những “mẫu số chung” khác, như ban biên tập *Nhân Bản* đã rút ra trong bài *Thay lời kết* (tr. 16) :

« **Cả người trẻ Việt hải ngoại lẫn các xí nghiệp đều có vẻ chấp nhận chế độ cộng sản hiện hành tại Việt Nam.** »

« Trong trường hợp người thanh niên, chấp nhận chế độ không đồng nghĩa với ủng hộ vì đây là một cái giá phải trả để đến một thể chế dân chủ trong êm thắm. Những biến chuyển chính trị tại một số quốc gia Đông Âu ắt hẳn đã ảnh hưởng nhiều đến cái nhìn của các thanh niên. Hơn nữa, để không tạo mâu thuẫn với “trò chơi dân chủ”, chấp nhận sự hiện diện của đảng cộng sản trong sinh hoạt chính trị là một chuyện cần thiết với người thanh niên. »

« Trong trường hợp các xí nghiệp, sự hiện hữu của một chế độ cộng sản tại Việt Nam đối với họ không phải là một chướng ngại. Việt Nam là một nước giàu tài nguyên, có tiềm năng phát triển mạnh, chế độ cộng sản đầu cho có những khuyết điểm trầm trọng cũng vẫn đủ vững chãi, những yếu tố đó đã đem đến cho các xí nghiệp một sự tin tưởng tối thiểu để họ đầu tư ». »

Đối với người đọc còn nhớ *Nhân Bản* và *Tổng Hội*, trong cuối thập niên 70 và suốt thập niên 80, đã chủ trương dùng “**hình thức quân sự**” để “**đánh đuổi**” chính quyền cộng sản, đã kêu gọi “**tập trung mọi nỗ lực để yểm trợ các lực lượng kháng chiến**” (cụ thể là tổ chức phục quốc của Trần Văn Bá, nguyên chủ tịch *Tổng Hội*), thì mấy đoạn trên, và cả tập tài liệu, cũng như “**Lá thư Nhân Bản**” mở đầu số báo, quả đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quan điểm của một hội đoàn chống cộng. Nói nôm na, đây là một trái bom thăm lặng.

Điều đáng chú ý là sự biến chuyển này không phải của riêng ban chấp hành *Tổng Hội* và ban biên tập *Nhân Bản* : nó thể hiện qua cuộc thăm dò ý kiến mà dưới đây là những nét chính.

Trước hết, cũng cần nói rõ về giá trị khoa học hạn chế của cuộc thăm dò : khoảng 200 thanh niên Việt Nam, hạn hẹp về địa lý (vùng Paris) và nhất là về xã hội – chính trị (67 % có tham dự “những sinh hoạt của cộng đồng”, trong đó một nửa là “cộng tác viên của một hội đoàn”). Để bạn đọc rộng đường tham khảo, xin đưa thêm một vài con số có lượng thông tin xã hội học :

- 62 % từ 18 đến 30 tuổi, 11 % dưới 18 tuổi,
- 37 % là nữ,
- 49 % đang đi học, 38 % đi làm (32 % làm công, 6 % nghề tự do), 2 % không làm việc, 1 % thất nghiệp,
- 14 % mới sang Pháp (dưới 3 năm), 69 % định cư ở Pháp từ hơn 10 năm, trong đó 41 % sang Pháp sau 1975,
- 10 % chưa hề sống ở Việt Nam, 37 % dùng tiếng Pháp để trả lời phỏng vấn.

Dưới đây là một số kết quả của cuộc thăm dò ý kiến :

1) Đúng như lời tạm kết của *Nhân Bản* cho thấy, ý kiến chống cộng cực đoan là thiểu số : 30 % cho rằng phải “đề cao cảnh giác”, “không nên tin cậy nơi những hình thức gọi là “đổi mới” của đảng cộng sản Việt Nam”. Sự phân hoá thể hiện trong quan niệm về tương lai chính trị của Việt Nam : một nửa còn đòi “giải tán” Đảng cộng sản (49 %), nửa kia (48 %) thì không (trong đó, 41 % cho rằng DCS sẽ phải thay đổi).

2) Những nhân tố được coi là ưu tiên hàng đầu để phát triển kinh tế Việt Nam : giáo dục (30 %), giao thương (28 %), tu bổ hạ tầng cơ sở (27 %), du lịch (19 %), canh nông (17 %), dầu hoả (5 %), tiểu công nghệ (4 %).

3) Những nhân tố cản trở sự phát triển hiện nay : sự tồn tại của Đảng cộng sản (37 %), thiếu tiền (26 %), hạ tầng cơ sở kém (20 %), thiếu chuyên viên (16 %).

4) Trong hoàn cảnh hiện tại, muốn về Việt Nam : du lịch (42 %), công tác (11 %), sinh sống (6 %), [44 % không muốn về].

5) Trong tương lai, muốn về Việt Nam : du lịch (33 %), công tác (29 %), sinh sống (36 %), [3 % không muốn về].

Sơ bộ, có thể nêu ra vài nhận xét :

1) Mặc dù mẫu người được thăm dò không tiêu biểu cho giới thanh niên Việt Nam tại Pháp (vì lý do nêu trên, nhưng còn vì một lý do cơ bản hơn : đến nay chưa hề có một cuộc điều tra khoa học về giới này, nên không thể nào định ra mẫu tiêu biểu), những kết quả trên cũng cho ta một ý niệm về tâm trạng thanh niên, và xu hướng tiến hoá.

2) Về mặt xã hội học, kết quả trên xác nhận rằng, đối với một cộng đồng nhập cư ở các nước phát triển, “hồi hương” là một huyền thoại. Trong mọi trường hợp (4 và 5), số bạn trẻ có ý muốn về nước sinh sống là thiểu số, đây là không nói tới khoảng cách giữa ý muốn và hiện thực. Song, cộng chung số người, trong tương lai, muốn về công tác và số người muốn về luôn (65 %) có thể nhận định rằng đa số, bằng cách này hay cách khác, mong muốn đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước.

3) Tuy mẫu thăm dò không tiêu biểu cho toàn bộ thanh niên Việt Nam tại Pháp, có thể nghĩ rằng nó phản ánh khá trung thực tâm tư của hội viên và cảm tình viên của *Tổng Hội*. Ý nghĩa của cuộc thăm dò chính là ở chỗ đó. Nó xác nhận sự chuyển biến chung, từ hai ba năm nay, trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt ở Hoa Kỳ : từ bỏ dân chủ trương bạo động và có một cái nhìn thực tế và chính xác hơn về Việt Nam.

Kiến Văn

Người anh họ chưa hề gặp mặt

Bonjour Mon Cousin

Phan Tam Khê

Dắt điện thoại xuống tôi bỗng thấy bồi hồi. Lòng thẫn thờ vì vừa tìm ra được một "cousin" không biết thuộc hệ nào của gia tộc. Một người anh họ chưa hề gặp mặt. Giọng anh trầm buồn mang nhiều thiện cảm. Tôi cố tạo ra một khuôn mặt để được gần gũi hơn.

"Cousin" của tôi đã được nước Pháp đưa về mảnh quốc trong dien con lai vào những năm 1954-1960. Anh điện thoại để mời chúng tôi ăn Tết với nhóm người này.

Ngày hẹn đã đến, chuông gọi mở cửa vừa reo lên, tôi bật dậy như một chiếc lò xo. Nhìn nhau ngại ngùng : " Bonjour mon cousin " - " Bonjour ma cousine ". Anh vào nhà. Vốn liếng tiếng Việt của anh thật hạn chế và giọng điệu đã lạc lõng đi nhiều. Quanh quẩn vài câu về liên hệ máu mủ - mà chính tôi cũng chẳng biết giải thích liên hệ này ra làm sao - chúng tôi chẳng biết nói gì hơn. Câu chuyện thật rời rạc.

Trước khi đến Chelles để ăn Tết, chúng tôi ghé thăm nhà anh. Căn nhà được xây cất theo lối cổ điển Tây phương, gọn, đẹp, ngăn nắp, nhưng cách trang trí thì rặt toàn một màu sắc Việt Nam : Trên lưng cặp trâu đen đối diện nhau ở tủ chè là hai chú mực đồng ngắt ngưởng với chiếc sáo trên mõi. Cảnh tre lá ngọn bên sông như đưa đẩy thuyền ghe xuôi ngược, một cụ đồ hí hoáy viết thư xuân, ba cô gái của ba miền nước Việt bằng tranh ghép gỗ treo ở cuối phòng, và chính giữa nhà là ba ông Phước-Lộc-Thọ ngự trị nghiêm trang. Tất cả có một cái gì vừa thiết tha vừa lối nhịp. Phải chăng những vật trang trí kia đã không cho thời gian xóa nhòa trong ký ức anh kỷ niệm của những ngày thơ ấu và đã gợi cho vợ con anh một vài ý niệm khái quát về phong thổ quê hương ?

Đến Chelles, chúng tôi hết dỗi ngạc nhiên vì đây không phải là một cuộc họp bạn đơn giản như anh phác họa, mà lại là một cuộc lễ được tổ chức rất qui mô. Bạn bè từ bốn phương kéo về, lại có cả những người Việt sống ở Đức và ở một vài nước Đông Âu nữa. Ít ra thì cũng phải có đến 300 người. Nghe đâu, vì tình hình kinh tế khó khăn nên năm này còn ít đông hơn năm ngoái. Rồi lại có cả hệ thống truyền hình A2 đến lấy hình ảnh nữa. Tôi cảm động đến lặng người vì vừa mới khám phá ra được một cộng đồng khác, một cộng đồng có liên hệ máu mủ với dân Việt - dù chỉ 1/2, 1/3, 1/4 hay 1/6 đi nữa. Một giọt máu đào hơn ao nước lâ. Để ý làm chi cái nhóm máu đang lưu hành trong huyết quản, điều quan trọng ở đây là nhóm máu ấy còn giữ được hình ảnh một nước Việt nam trinh nguyên.

Qua câu chuyện, tôi được biết là sau khi về Pháp họ được tập trung về Touraine để đi học. Hè đến, các sân trường chỉ còn lại bọn họ, không cha không mẹ không bà con thân thuộc, họ quây quần bám lấy nhau để sống và chỉ sống nhờ vào những kỷ niệm¹. Vì thế không khí hè nay rộn ràng tình huynh đệ.

Tôi xúc động nhìn những khuôn mặt già cỗi, trẻ có, không hẳn một gốc gác nào : Rằng Âu thì chẵng ra Âu mà Á cũng chẵng ra Á. Sự pha trộn chủng tộc làm cho khuôn mặt của họ có những đặc thù ngây ngô, đẹp và cảm động.

Âm nhạc trỗi dậy cho cuộc vui bắt đầu. Từng cặp từng cặp họ vui đùa vừa nhảy nhót vừa trò chuyện nhỏ to. Hầu như tất cả đều

quen biết nhau. Các bà vợ dầm làm dâu thật ráo riết, gấp tiếp cho chồng và khách từng miếng ăn, kể lại những kỷ niệm của chồng cho chúng tôi nghe, như là những kỷ niệm của chính họ vậy. Rồi xổ số tombola, rồi bánh chưng xanh thịt mỡ dưa hành, rồi rượu đỏ rượu trắng. Tối nay, không gian này mang hình ảnh của các buổi giỗ tổ của các giòng họ lớn mà ta thường thấy ở Việt Nam : con cháu bốn phương rầm rộ kéo về.

Tôi lâm bồn nghe được vài câu chuyện thật mủi lòng. Bà già của một chị dầm nọ, trước lúc từ trần nói trối lại là bà muốn nghe các bài hát của quê hương. Tang lễ được cử hành với những bài hát thời tiền chiến tuy lời ca chẳng ăn nhầm gì với không khí tang chế, nhưng nghe đâu họ vừa hát vừa khóc. Chỉ tưởng tượng thôi, tôi đã thấy nghẹn nghẹn ở cổ rồi.

Một anh nha sĩ với giọng trầm buồn đã tâm sự : " Cuộc đời của chúng tôi đã ngưng lại ở tuổi 13, 14. Tuy lớn lên, học hành và lập nghiệp ở nơi này, nhưng lúc nào mình cũng có cảm tưởng như một người bị dày. Và chắc anh cũng biết " L'exilé partout est seul " chứ ? Nhiều khi tôi tự hỏi " Mình làm gì ở đây khi suốt đời chỉ biết lo làm, ăn, rồi ngủ ? " Có lúc gặp khó khăn với chủ, tôi nhầm mắt lại, thả hồn về quê cũ, mặc cho ông chủ múa may quay cuồng, chẳng có một câu nào lọt vào tai tôi cả. Lòng tôi bỗng trầm xuống và dịu lại, bao nhiêu bức tức tan nhanh như sương mai dưới ánh mặt trời, và nhờ thế tôi tránh được nhiều cãi vã bất lợi."

Một thái độ vừa cao siêu vừa ngạo mạn.

Tụm năm tụm ba đâu đâu cũng nghe họ kể lại dĩ vãng, những ngày tháng êm đềm xa xưa. Họ nhắc đến các miếng ăn và những trò chơi non trẻ, như thả kiến trên lá tre lúc trời đổ mưa. Có người nào đó lại cao hứng ngâm luôn mấy câu thơ của Nguyễn Bính làm tôi giật mình :

Có hai em bé học trò

Xem con kiến gió đi đò lá tre

(Bên sông, Nguyễn Bính 1937)

Rồi từ đó anh thao thao bất tuyệt về các loại kiến, về các trận mưa thui đất ở miền Trung, chị vợ kiên nhẫn mỉm cười như thầm bảo : " Biết rồi, khổ lắm, nói mãi ", vì hình như câu chuyện này cứ được lặp đi lặp lại mỗi lần anh nhắc đến Việt Nam.

Chẳng thấy một ai đề cập đến chính trị. Tôi hỏi họ về hội hè, về báo chí ; họ lơ đãng lắc đầu. Hình như với họ những điều này không mấy quan hệ.

Tôi bỗng thấy hiểu biết của mình thật là hạn hẹp. Cho đến bây giờ, với tôi cộng đồng người Việt ở hải ngoại chia làm hai khối : Bên ni và Bên nó. Bây giờ thì vừa khám phá ra là có những người chẵng ở bên nào hết mà họ cũng yêu nước như ai, họ yêu theo lối yêu của họ, một lối yêu thầm lặng không cần hô hào, cổ vũ. Một lối yêu trong suốt như " nước trong nguồn chảy ra ". Ôi ! đẹp làm sao ?

Tháng tư này, trong bọn họ, sẽ có một đoàn 40 người trở lại Việt Nam lần đầu tiên. Tôi cảm thấy lo lo cho chuyến đi này. Biết đâu, nước Việt với " 20 năm nội chiến từng ngày " sẽ không làm mất đi những hình ảnh trinh nguyên của tuổi 13 ?

Đêm nay Paris dày đặc sương mù. Tôi nhắm mắt lại cố hình dung ra một trời rực rỡ của tháng tư đang chiếu sáng trên phi trường Tân Sơn Nhứt, một con chim sắt khổng lồ vừa hạ cánh, các cầu thang được lăn đến và Đàm chim Việt thanh thản đặt chân xuống đất mẹ sau gần ngót 40 năm xa cách . Xa xa, thoáng nghe tiếng nhạc thiết tha : " Tổ quốcơi có bao giờ đẹp như hôm nay ".

Paris ngày 20.01.92

(1) Hội của những người này là Association FOEFI

những con người đi giữa hai làn đạn

Tôi dự đoán hai bài *Tự bạch* của Dương Thu Hương và *Trả lời* của Thụy Khuê sẽ gây một tiếng vang lớn trong cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại. Có lẽ chỉ ở hải ngoại thôi, vì báo chí ở trong nước, trong hoàn cảnh hiện nay sẽ chẳng có cơ hội được công khai phổ biến những tài liệu văn học như thế. Tôi cũng dự đoán rằng, trong những cuộc thảo luận sôi nổi quanh hai bài viết ấy, dư luận sẽ có nhiều cách nhìn để phê phán, tùy hoàn cảnh, tùy vị trí tuỳ tâm tư cũng như kinh nghiệm sống của mỗi người.

Sự trao đổi ý kiến một cách rộng rãi và đa dạng như thế, vừa giúp cho người viết có cơ hội bầy tỏ quan điểm của mình, vừa khiến cho người đọc có nhiều dữ kiện đánh giá và tự tìm cho mình một cung cách để kết luận vấn đề, đó là ưu điểm của một xã hội tự do dân chủ. Bởi những lý do đó, tôi cũng muốn góp phần vào công cuộc thảo luận để có cơ hội bày tỏ cách nhìn của mình, nhất là đối với một vấn đề có tính cách hệ trọng, không chỉ dính dấp đến hai cây bút nữ mà cả hai tôi đều quý trọng, mà còn mở ra một lãnh vực vô cùng rộng lớn khác, liên hệ đến những con người cùng chia sẻ với nhau nhận định rằng dù thắng, dù thua, tất cả **đều là những đứa con của cùng một quê hương, và đều là nạn nhân trong trò chơi cay nghiệt**

Cuộc đối thoại tiếp tục...

Bản **TỰ BẠCH** về **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** của Dương Thu Hương mà Diễn Đàn công bố trong số 6, như có thể đoán trước, đã gây tiếng vang lớn, đặc biệt ở Mỹ, là nơi mà những tác phẩm của nhà văn đã được tái/xuất bản, và bản thân việc phổ biến tiểu thuyết của bà vẫn chưa hết gây ra tranh luận.

Tiếp theo bài trả lời của Thụy Khuê (đăng cùng số trước), chúng tôi đăng trong số này phát biểu của nhà văn Nhật Tiến (Hoa Kỳ) — bài này tác giả có nhã ý gửi cho cả Diễn Đàn và tạp chí Hợp Lưu (Mỹ).

Nhân tiện, xin thêm vài thông tin ngắn liên quan tới tác phẩm của Dương Thu Hương :

— Nữ diễn viên Catherine Deneuve đã hợp tác với Nhà xuất bản Des Femmes, đọc một số chương **NHỮNG THIÊN ĐƯỜNG MÙ** (Les Paradis Aveugles, bản dịch của Phan Huy Đường). Bộ catxet này được phát hành trong bộ Livre-Cassette. Trả lời phỏng vấn của Michèle Manceaux, Catherine Deneuve (sống ở Hà Nội 4 tháng để quay cuốn phim *Indochine*) tâm sự rằng bà đã tìm lại trong tiểu thuyết của Dương Thu Hương những ấn tượng và cảm xúc mà bà đã sống trong thời gian ở Việt Nam.

— **NHỮNG THIÊN ĐƯỜNG MÙ** đang được dịch và xuất bản ở Ý, Đức và Hoa Kỳ.

của **định mệnh** (chữ của Dương Thu Hương).

Phải nói ngay rằng, ngồi trong tù để viết bản *Tự bạch* mà viết được đến như thế, quả Dương Thu Hương đã giành lấy sự tự do hoàn toàn để sử dụng ngòi bút của mình. Tôi không nhìn thấy một sự trói buộc ngoại cảnh nào khiến bà phải uốn cong ngòi bút của mình. Bà đã khẳng định rằng cuộc chiến tranh vừa qua là cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn (diều mà các giới lãnh đạo ở cả hai miền đều không chấp nhận), rằng cả hai thủ người này (ở đầu mứt của nó) đều không đem lại một tương lai khả quan nào cho đất nước, rằng quan điểm của những người chống cộng cực đoan giống quan điểm của lớp cộng sản bảo thủ (theo chiều ngược lại) như hai giọt nước, đều là những người khăng khăng ôm chặt lấy định kiến, mặc cảm cũ, không mấy may khoan dung, không mấy may đoái thương tới đồng bào, đồng loại, và rằng tất cả đều không muốn di đến cội nguồn của sự thật, tất cả đều không muốn nói đến hai chữ tha thứ...vân vân...

Nhưng nói thế không có nghĩa là Dương Thu Hương khi cầm bút viết bản *Tự bạch* lại không bị ràng buộc bởi bất cứ một trở lực nào. Theo cách nhìn của tôi, do hoàn cảnh đặc biệt của riêng cá nhân bà, một người tham dự cuộc chiến ở một phía ngay từ năm 18 tuổi (trong hoàn cảnh này, tâm tư và tình cảm của bà tất nhiên được hình thành trong một khuôn mẫu khác với khuôn mẫu của một thanh niên miền Nam khi nhập ngũ, kể cả những dữ kiện thông tin mà giới trẻ ở cả hai miền được cung cấp và bồi dưỡng), và nhất là vào thời điểm viết bản *Tự bạch*, bà không những chưa bao giờ đặt chân ra hải ngoại, lại còn nằm trong tù, nên về mặt hiểu biết những gì đang xảy ra ở bên ngoài, bà còn rất nhiều điều hạn chế, thậm chí có thể nói, bà còn đang bị những cơn hoả mù về những lượng thông tin hiếm hoi đến được với bà, sau những chuyện rối ren như vụ Bác sĩ Bùi Duy Tâm, vụ án hành cuốn *Tiểu thuyết vô đề*, vụ kiện cáo gần đây quanh cuốn sách của bà. Tất cả những điều đó dù muôn dù không cũng đã là những trở lực làm hạn chế cách nhìn của bà, và nó đã thể hiện rõ trong bản *Tự bạch*.

— Chính vì được đúc trong khuôn mẫu của một phía nên trong bản *Tự bạch*, bà chỉ nhắc nhở đến “mẫu quốc Hoa Kỳ”, đến vi trùng lậu Đại Hàn, đến những quái thai do chất độc da cam, hay những cuộc tàn sát những nữ chiến binh hoặc thanh niên xung phong miền Bắc vv... mà đã thiêu công bằng khi không nhắc đến nguồn viện trợ khổng lồ cho miền Bắc đến từ Trung Hoa, Liên Xô, Ba Lan, Tiệp Khắc... và nhất là đến những vụ thảm sát gây ra bởi quân đội miền Bắc đối với quần chúng miền Nam, như những vụ ám sát, chặt đầu, trôi sông, hay cụ thể rõ rệt nhất là những mồ chôn tập thể ở Huế trong biển cối Mậu Thân.

— Chính vì thiếu dữ kiện thông tin do hoàn cảnh của những người còn kẹt lại trong nước (chưa kể còn nằm trong tù), nên trong bản *Tự bạch*, bà đã có những nhận định sai lầm, như thế: cho rằng tác phẩm *Tiểu thuyết vô đ Đề* của bà bị đánh giá là “*Iời sám hối* của một tên Việt cộng, một con Việt cộng, một kẻ đã từng là đảng viên cộng sản”, hay như thế *Tiểu thuyết vô đ Đề* là một “cơ may để những người chống cộng cực đoan lợi dụng một cách triệt để nhằm chống lại kẻ thù của họ tức chính quyền Hà Nội”. Sự thật đã xảy ra không đúng như thế. Nếu độc giả ở hải ngoại đã số tiếp đón tác phẩm của Dương Thu Hương cũng như của nhiều nhà văn khác như Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Khắc Trường, Hoàng Lại

Giang... thì hầu hết đều có tâm trạng cởi mở, không thành kiến, chỉ đón nhận những tác phẩm có chân giá trị như một tài sản chung của dân tộc, không phân biệt xuất xứ địa dư cũng như chính trị. Trong khi đó, ngược lại, chính sự cho in lại những tác phẩm trong nước, trong đó có cả cuốn *Tiểu thuyết vô đe* đã là một đề tài để cho những người cực đoan ở hải ngoại lên án một cách nặng nề, rằng tất cả những ấn phẩm như vậy chỉ là một trò đốm mới giả hiệu, giúp cho chính quyền trong nước thoát hiểm trong cơn bể tắc, kiệt quệ hiện nay. Tôi có thể khẳng định chưa có một bài báo nào thuộc nhóm cực đoan lại khai thác một cách triệt để và bầy tỏ nỗi vui mừng khi tiếp đón cuốn *Tiểu thuyết vô đe* như "một lời sám hối của một tên Việt cộng". Thì ra những người chống cộng cực đoan và chính quyền trong nước đã lại gặp gỡ nhau ở một vị trí trớ trêu : cả hai đều không muốn cho cuốn *Tiểu thuyết vô đe* (và cả những cuốn khác cùng loại) được ấn hành ở hải ngoại, và cả hai đều ra sức ngăn cản sự ấn hành đó !

— Cũng chính vì thiếu sự thông tin, nên Dương Thu Hương không hề biết Thuy Khuê là một mẫu người quả cảm, cũng đã từ lâu đi giữa hai lằn đạn để thực hiện mơ ước của mình.

Trên diễn đàn của tờ *Thông Luận* (Paris), ngòi bút Thuy Khuê trong mục *Sổ tay*, đã ròng rã nhiều năm trời bầy tỏ sự can đảm trong nỗ lực "vượt qua những định kiến của quá vãng để mưu cầu lợi ích chung của dân tộc", và điều này đã khiến bà trở thành nạn nhân của những cuộc chụp mũ, bôi nhọ, mạ lỵ tưởng như đã vượt quá mức chịu đựng của một phụ nữ Việt Nam vốn có bản chất hiền hoà, khiêm ái.

Là người giữ trọng trách thực hiện những cuộc phỏng vấn trên đài RFI thường xuyên phát thanh về Việt Nam, Thuy Khuê cũng đã được dư luận đồng bào trong nước đón nhận một cách trân trọng khi bà đem lại cho thính giả những nguồn thông tin trung thực, quý báu và nhất là đã thể hiện một lập trường không khác gì lập trường của Dương Thu Hương : "Sẽ mãi mãi là bất hạnh, sẽ khổ đau truyền đời mãn kiếp nếu những đứa con của Hùng Vương không nhảy qua được vòng phẫn của quá vãng".

Nêu lên những sự kiện kể trên, thâm tâm tôi thực sự không thống trách gì Dương Thu Hương cả. Và ở hoàn cảnh có những mặt hạn chế như đã nói, bà không thể có một cái nhìn khách quan hơn trên cái nền tảng nhiều loạn thông tin chung quanh cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đe*. Và có lẽ cũng do bản chất cương cường hết sức mạnh mẽ (mà bà đã thể hiện trên hầu hết những bài phát biểu trước đây) bà đã không thắng được sự nóng nảy của mình để nhìn một cách trung thực hơn điều mà Thuy Khuê đã phải kêu lên rằng mình bị xuyên tạc. Chẳng hạn như đoạn văn ví Dương Thu Hương là một viên ngọc trong đám sình lầy đang ô nhiễm quê hương. Tôi không có lý do gì để kết luận rằng Thuy Khuê đã miệt thị cả dân tộc Việt Nam là một đám sình lầy. Còn như những hiện tượng tham nhũng, bất công, thối nát, những sự hiện diện của một thiểu số tư bản đỏ đang hưởng thụ phè ph詢 trên nỗi đau thương nghèo khó của chính những đồng bào, đồng chí của mình (những người cộng sản suốt đời không biết hưởng thụ là gì chỉ tồn tại trong sự khốn cùng) thì đó chẳng phải là một đám sình lầy làm ô nhiễm quê hương hay sao ?

Tuy nhiên, bỏ qua tất cả những tiểu tiết như vừa kể, tôi thấy rõ, một lần nữa, trong bản *Tự bạch*, nhà văn Dương Thu Hương đã lại khẳng định một cách dõng dạc, thẳng thắn và can trường về quan điểm minh bạch của mình. Đó là mọi vinh quang đều là hão huyền, chỉ hạnh phúc là có thực. Đó là sự khổ đau của

dân tộc đã khiến cho những con người có lòng phải lọc bỏ mọi định kiến, mọi hận thù để nhìn về tương lai hơn là kéo dài một cuộc chiến vốn đã đau thương và khốc liệt. Và đó là dân tộc chúng ta đã mất đi những vận hội, những may mắn, đã lỡ nhiều chuyến tàu, giờ đây chỉ có một cách, là mỗi người dân Việt ý thức đầy đủ sự bất hạnh của giống nòi và đóng góp cho tương lai bằng thiện chí, tinh thần trọng lẽ phải và sự công bằng.

Những tâm tình ấy, những ước mơ ấy của Dương Thu Hương cũng chẳng có gì khác biệt với những ước mơ của Thuy Khuê mà bà đã bầy tỏ trong nhiều năm tham dự sinh hoạt báo chí ở hải ngoại. Mà trong hoàn cảnh tâm lý vô cùng phức tạp như hiện nay, dù là sống giữa một xã hội được tiếng là hết sức tự do dân chủ như Pháp, như Mỹ, thì sự cất lên tiếng nói để đấu tranh cho những mơ ước đó được thể hiện, cũng thừa đủ để trở thành nạn nhân của những vụ ném đá, chụp mũ, thậm chí cả bạo hành và tiêu diệt sinh mạng. Như thế quả là cả hai ngòi bút mà tôi đều quý trọng, Dương Thu Hương và Thuy Khuê đều là những kẻ đồng hành, đi giữa hai lằn đạn.

Cả hai đã và đang còn phải trả giá cho sự chọn lựa can đảm của mình.

Tôi chỉ có một điều mong duy nhất, đó là rồi ra, những người chia sẻ được với quan điểm của hai người, sẽ ngày một thêm đông đảo, để cùng nhau thực hiện những điều thật sự tốt đẹp cho quê hương, dân tộc.

NHẬT TIẾN
California, 1.3.1992

quảng cáo



VIPHARCO

hợp pháp
phát nhanh
hối suất cao
miễn thuế
bảo đảm

**CHUYÊN
TIỀN
VỀ
VIỆT NAM**

(Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh
và các tỉnh lân cận).
Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*
hoặc *chèque de banque*

Làm việc từ thứ hai đến thứ sáu
Sáng : 8H30 – 12H30 Chiều : 13H15 – 17H

ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT
XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO

12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

(1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28
Fax : (1) 64.48.56.83

phỏng vấn

Phạm Duy nói về **CON ĐƯỜNG CÁI QUAN**

Con đường cái quan là một trường ca do Phạm Duy khởi công sáng tác từ 1954, đã được nhiều danh ca trình bày từ năm 1960 tại Sài Gòn, qua đài phát thanh hay tại quán văn nghệ Anh Vũ. Di tản sang Mỹ từ năm 1975, Phạm Duy tiếp tục sáng tác, chủ yếu là trường ca *Bầy chim bỏ xứ* (1990) ; và viết hồi ký gồm có ba tập : *Thời thơ ấu vào đời* (1990), *Thời cách mạng kháng chiến* (1989), *Thời phân chia quốc cộng* (1991). Năm 1991, anh cho trình diễn *Con đường cái quan* dưới dạng thức nhạc hoà tấu và ghi thành đĩa compac bằng những phương tiện kỹ thuật hiện đại : điện toán, điện tử. Tháng 11.1991, anh sang Pháp trình bày đĩa hát hoà tấu này tại Paris và trả lời báo Diễn Đàn. Tháng giêng vừa rồi, anh lại trở lại Pháp, trình diễn ở Marseille, Troyes. Người đàm thoại với Phạm Duy là Đặng Tiến.

Diễn Đàn (DD) : Anh Phạm Duy, kỳ này anh sang Pháp để trình bày *Con đường cái quan*.

Phạm Duy (PD) : Nhạc không lời.

DD : Nhạc không lời ? Liệu tác phẩm có thiệt thời giờ không ?

PD : Không. Nếu so sánh với cách đây 30 năm, khi *Con đường cái quan* được các danh ca Thái Thanh, Thái Hằng, Kim Tước rồi Duy Khánh, Trần Ngọc... trình bày thì có khi tôi còn bị trói buộc về lời. Bây giờ này ra ý kiến làm nhạc không lời ; thứ nhất, tôi là nhạc sĩ cũng nhu bắt cứ người làm nhạc nào, bao giờ cũng muốn đi đến giai đoạn nhạc không lời, tức là nhạc hoà tấu, để thiên hạ khỏi chê : anh này chỉ làm đến ca khúc là cùng ; nhiều bài báo ở Hà Nội đã nói vậy. Ừ thì tôi cũng đồng ý : tôi chỉ làm đến ca khúc thôi. Thế thì trình bày *Con đường cái quan* nhạc không lời, tôi thích thú, vì đã diễn tả được anh lữ khách khi lẻ loi một mình, khi hối hả ra đi, đi chậm chậm, khi ngừng lại bên bờ suối, khi vượt núi trèo non ; tôi nghĩ là nhạc làm tăng lên giá trị, ý nghĩa của tác phẩm. Đó là điều tôi tâm đắc. Hơn nữa, những người đã biết, đã nghe bài ấy, khi nghe lại, họ dễ cảm thông hơn. Riêng với các bạn thật trẻ, không am hiểu diễn tích, không tường tận phong cảnh đất nước, và nước nào cũng có tiếng hát, giọng điệu riêng, thì đây là một thử thách ; thành công hay không thì chưa biết. Nhưng nếu lớp trẻ nghe bài này mà thấy được hình ảnh Việt Nam thì tôi đã toại nguyện. Điều này tôi đã nhận thấy : như ở California, các em các cháu không còn nói được tiếng Việt nữa nhưng đã bảo là cảm động, *touching my heart, touchant mon cœur* ; còn qua mười một buổi trong vòng trình diễn vừa rồi, thì nhiều bạn trẻ tuổi hai mươi, hai lăm,

đến nghe. Khi ra đường họ đứng nhìn tôi. Tôi hỏi : sao ? nhạc có vào lòng các cậu không ? Họ vạch áo trả lời : cassette nằm cả đây.

DD : Cái đó đúng. Vì trong ca khúc, lời ca diễn tả ý tưởng mà đồng thời cũng hạn chế ý tưởng. Hơn nữa, nghệ thuật không phải là chuyện ý tưởng, nó có ghi lại nhiều xúc động khác.

PD : Đúng.

DD : Riêng trong đặc tính của âm nhạc, phần nhạc diễn tả nhiều hơn lời. Anh trình diễn nhạc không lời, lúc này, là một sáng kiến hay, giúp người nghe nhận thấy nét chính trong nhạc Phạm Duy. Bây giờ anh có thể nhắc lại hoàn cảnh sáng tác *Con đường cái quan* ?

PD : Được chứ. Khi tôi làm *Bầy chim bỏ xứ* rồi *Bầy chim hồi xứ*, thì là do tình hình chính trị của thế giới và trong nước Việt Nam khiến tôi hoàn tất tổ khúc đó. *Bầy chim hồi xứ*, tôi phải mất 15 năm giờ mà không xong ; và những biến cố trên thế giới vào cuối thế kỷ này đã giúp tôi hoàn tất. Trong *Bầy chim hồi xứ*, tôi ngụ ý những bầy chim trở về để khâu vá lại những rách nát. Mà khâu vá ra sao, thì tôi chịu. Tôi chỉ là người nghệ sĩ, tôi chỉ có thể linh cảm, hay là mơ mộng. *Bầy chim bỏ xứ* bắt đầu bằng một cơn ác mộng, rồi chấm dứt. Sau đó, giấc mộng của tôi, cũng như tất cả người Việt Nam, nếu đã sống dưới thời Pháp thuộc như tôi, thì chỉ mong độc lập, tự do, hạnh phúc, và về phương diện chính trị, phải thống nhất. Sau khi Hiệp định Genève chia đôi đất nước, thì bản thân tôi cũng như những người đồng tuổi phải đợi đến 1975 mới được thấy thống nhất. Sự thống nhất đó, quả là làm bằng bạo lực ; sau đó, hậu quả của nó là các trại cải tạo, đã gây thù hận. Người nghệ sĩ như tôi suy nghĩ giản dị : phải điều hợp xã hội, phải điều hợp con người. Giải pháp nào đưa ra rồi cũng vậy thôi. Thống nhất đất nước thì phải thống nhất lòng người. Thống nhất lòng người là không còn phân chia quốc cộng, tả hữu, quốc nội quốc ngoại nữa, mà là phải thương mến nhau, phải thống nhất lại cái lòng người hiện nay đã chia rẽ đến cực điểm. Tác phẩm này của tôi cũng chỉ thốt lên nỗi lòng một nghệ sĩ trước hoàn cảnh đất nước. Trước kia thì tôi phản đối sự chia cắt đất nước, năm 1954 bằng cách làm *Con đường cái quan*. Bây giờ, thống nhất rồi nhưng lòng người không thống nhất. Lịch sử éo le như vậy. Tôi không tạo nên được lịch sử, chỉ đóng lên tiếng nói. Đó là động cơ giúp tôi quyết định làm lại, đi lại con đường thống nhất đó.

Bây giờ làm sao để trình diễn một tác phẩm như vậy, một nhạc phẩm phần nào theo kỹ thuật nhạc giao hưởng, hay nhạc hoà tấu — nói đúng là nhạc giao hoà ? Trước hết, tôi nhờ có các con tôi để diễn dịch ý kiến của tôi. Bố con tôi làm việc trong 18 tháng ; và sự thành tựu bản nhạc *Con đường cái quan* không lời nhờ vào máy điện toán. Nếu không có những chương trình gọi là *Music Sequencer Software*, thì không làm được. Vì trong hoàn cảnh tị nạn, chúng tôi làm gì có tiền thuê một dàn nhạc ; viết ra rồi thuê dàn nhạc đánh cho mình nghe, rồi sửa đi sửa lại ? Dù chỉ đánh một lần thì tôi cũng không đủ tiền : phải có 260 000 đôla mới làm được. Thế là dành dùng phương thức chương trình điện toán, giúp chúng tôi lấy được tất cả những âm sắc về thính âm (acoustique), về nhạc dân

tộc (ethnique) tức là những tiếng dàn không thuộc nhạc hoà âm (symphonie), hay nhạc điện tử (électronique) nghĩa là những tiếng nhạc nhân tạo. Có thể có người không đồng ý, cho rằng giả tạo. Nhưng làm cách nào được ? Cái khó bó cái khôn. Nếu tôi là một công dân nhạc sĩ ở một nước thống nhất, văn hoá hưng thịnh, thì tôi sẽ có được một dàn nhạc giao hưởng thực sự. Trong khi chờ đợi, làm được gì thì cứ làm. Anh hỏi tiến trình và lý do của việc làm, thì nó là như vậy.

ĐĐ : Dù sao nội dung *Con đường cái quan* vẫn là nội dung lịch sử. Bây giờ trong nước thì cầm nhạc Phạm Duy, còn ở ngoài nước, số đông người Việt đã bỏ nước ra đi khi nước nhà thống nhất. Liệu thính giả của anh có theo kịp tham vọng của người nghệ sĩ, khát vọng của người dân, đòi hỏi thống nhất đất nước hay không ?

PD : Tôi chưa được về nước để trình diễn bài này, và đã hát cũng chưa về trong nước, và trong nước lại cầm, thì tôi không biết nói sao. Nhưng thật sự sau ngày 5.10.1991, buổi trình diễn đầu tiên ở Thị trấn giữa dãy [Midway City, bang California, chủ thích của Diễn Đàn] nơi tôi đang ở, thì tôi đã đi trình diễn nhiều nơi ; đến nay là hết tháng 11 rồi, và tôi còn chương trình di rất nhiều nơi trên lục địa Mỹ chau. Đi đến đâu tôi cũng được hoan nghênh nhiệt liệt ; thính giả còn thích hơn *Bầy chim bồ xứ*. Tôi nghĩ có lẽ rằng mình nói được tiếng lòng khao khát thống nhất của mọi người chăng. Tất nhiên trong những người mong muốn thống nhất đất nước, có người đòi “ quét sạch bóng quân thù ” ; thái độ hết sức cực đoan ấy thì tôi cũng có thể hiểu được ; có người đòi phải có giải pháp rõ ràng. Nhưng đó không phải là việc làm của tôi. Việc của tôi là nói lên khát vọng thôi. Tôi nghĩ rằng đưa *Con đường cái quan* ra lúc này có lẽ hợp thời, chứ để trễ quá thì nó lạc hậu, mà sớm quá thì chưa tới lúc chín mùi.

ĐĐ : Anh có thể giới thiệu thêm về *Con đường cái quan*, ba nhạc khúc của nhạc phẩm ?

PD : Đó là một công trình hơi lớn, có vẻ cổ điển. Loại nhạc này, khi không lời, thì nó vừa mô tả (descriptif) vừa ẩn tượng (impressionniste), diễn tả cảnh đất nước. Người nào còn nhớ đất nước thì có thể nghe âm sắc mà thấy lại phong cảnh. Miền Bắc là gì ? là nhạc rừng núi hiểm trở. Miền Trung là nhạc miếu đền cung điện ; nếu anh nghe thấy tiếng chuông Thiên Mụ, thấy không khí nhạc triều, tức nhạc cung đình, thì tôi thành công. Miền Nam thì là nhạc nắng, nhạc gió, nhạc sông nước phải không anh ? Thế là thành trường phái : hoặc miêu tả, hoành tráng (colossal) hay ẩn tượng như Debussy. Còn về sự duy nhất thời gian, không gian và động tác thì bài này được cấu trúc rõ nét : thứ nhất tuy là có ba nhạc đề, nhưng chỉ có một nước Việt Nam ; về thời gian, nhẽ ra phải đi bốn nghìn năm mới hết, thì tôi chỉ ghi lại ba ngày. Anh bắt đầu đi từ buổi sáng, tối thì về đến thủ đô ; sáng hôm sau anh lại lên đường. Nhạc nói lên yên tĩnh của ban đêm ; thính giả nghe được là tôi thành công. Còn về duy nhất hành động thì người lữ khách chỉ có một trái tim và đôi chân ; nhưng không phải lúc nào cũng hối hả, “ tôi đi từ ải Nam Quan ” ; có lúc đi chậm, có lúc ngừng lại để đánh giặc, nhưng vẫn trong một nét nhạc, vẫn một hoa văn (motif) đó. Đi theo Huyền Trần Công

(xem tiếp trang 32)

Trần Văn Khê

thư gửi Phạm Duy

Khi tập 1 *Hồi ký* của Phạm Duy ra mắt, Đăng Tiến đã có bài giới thiệu trên báo Đoàn Kết. Nhân dịp tập 3 phát hành, Diễn Đàn xin đăng dưới đây lá thư của Trần Văn Khê gửi Phạm Duy. Chúng tôi cảm ơn hai anh đã cho phép đăng thư này. Cũng nhân dịp này, Diễn Đàn đăng bài phỏng vấn Phạm Duy của Đăng Tiến.

Vitry-sur-Seine, ngày mùng 5 tháng 9 năm 1991

Duyơi !

Sau khi nhận được quyển *Hồi ký* thứ ba (Thời phân chia Quốc Cộng !!!) của Duy gửi tặng, tôi đã đọc say sưa.

Trong giai đoạn đó, tôi ở nước ngoài, đi học, soạn luận án, và chen vào các hội nghị quốc tế để giới thiệu âm nhạc và con người Việt Nam. Biết về đất nước và con người Việt Nam trong thời ấy, thì chỉ ngang qua báo chí, chỉ thấy bộ mặt bề ngoài, chứ làm sao biết được trong tim gan, có thể nói trong não trong hồn của người dân Việt thời ấy như Duy ? Về âm nhạc, thì có tin tức ngang qua thư từ của bạn bè, như Nguyễn Hữu Ba, Nguyễn Ngu Í và Lưu Hữu Phước, nhờ vài tờ báo và tạp chí, biết qua một cách hết sức phiến diện phong trào sáng tác nhạc mới ở hai miền Nam Bắc.

Hồi ký của Duy đối với tôi, là một quyển lịch sử “ âm nhạc cải cách ” vô cùng sống động và những nhận xét của Duy vừa tinh tế, vừa xác thực, không phải chỉ dựa theo cái nhìn của một người sứ gia, hay nhạc học giả, đứng bên ngoài nhìn vào, mà của một người đã lăn lộn bên trong với nghề sáng tác và biểu diễn âm nhạc. Đã thấy hết, bề mặt lặn bẽ sâu, lại biết tổng kết, đưa ra những chi tiết quan trọng nhứt cho người, đầu cho “ ngoại đạo ”, cũng thấy được đại cương của phong trào tân nhạc. Chỉ mấy câu trong trang 248, đã phác họa rất đúng các giai đoạn phát triển “ âm nhạc cải cách ” từ lúc ra đời năm 1938 đến thời kỳ “ loạn phát ” (1966-1975), những đoạn viết về Lê Thương hay Trịnh Công Sơn trong quyển này rất tuyệt vời ! Làm sao có thể trong đôi câu tóm tắt những điều cần phải biết về nhạc Trịnh Công Sơn ? Nội dung đã súc tích mà lời văn lại ngọt ngào duyên dáng.

“ Nhạc thần thoại quê hương, nhạc tình yêu và thân phận con người của Trịnh Công Sơn có một tư tưởng chỉ đạo khá rõ, dù toàn bộ âm nhạc của anh đẹp như một bức họa trừu

tương hơn là tả thực. Cả nhạc lẩn lời, cả xác chữ lẩn hồn thơ (hay quá!) nghe băng lăng mơ hồ, khó phân định cho đúng nghĩa, nhưng nếu nghe kỹ, cũng tìm ra ý chính : Trịnh Công Sơn muốn nói lên nỗi đau con người trong cuộc sống hiện đại, có tình yêu, có chiến tranh, có hận thù, có cái chết dễ dàng như chết trong mơ. Anh ca tụng tình yêu và — cũng như bất cứ nghệ sĩ nào ở trên đồi này — anh chống bạo lực và chống chiến tranh”.

Không thể ghi lại hết những ưu điểm về mặt nhạc học, hay dân tộc nhạc học, âm nhạc trong xã hội, âm nhạc và chánh trị, âm nhạc và ái tình. Riêng đối với những sáng tác của Duy, thì không có sách nào giảng rõ hơn những biến chuyển trong tâm hồn của tác giả trước những hoàn cảnh khác nhau, những động cơ nào thúc đẩy Phạm Duy sáng tác tình ca, tâm ca, tâm phẫn ca, vỉa hè ca, tục ca, đạo ca... Đọc hồi ký này, người chưa hiểu Duy, sẽ hiểu, ai đã hiểu, hiểu rõ hơn, người đã thương, lại càng thương hơn.

Không phải người nào thích nhạc học mới say sưa với hồi ký này. Những nhà chánh trị học, sử học, xã hội học cũng tìm được trong đó nhiều điều bổ ích. Các bộ mặt trong chính giới được Duy phác họa, sơ sài nhưng rất đúng. Những nhận xét của Duy về cựu hoàng Bảo Đại, hay ông Ngô Đình Diệm và gia đình trị, về địa vị của Thiên chúa giáo trong xã hội Việt Nam, về các phong trào hay cơ quan có dính dáng ít nhiều đến âm nhạc, như dài phát thanh, phòng trà, các nhà xuất bản băng nhạc, hằng đĩa hát... rất rõ ràng, không thiên vị, không tung bốc, mà cũng không đả kích. Nhờ đọc quyển Hồi ký của Duy, tôi thấy rõ hơn những sinh hoạt âm nhạc trong những năm 1951-1975.

Phạm Duy đã không quên những người giúp mình thực hiện được ước muôn của mình là “ khóc cười theo mệnh nước nổi trời ”, sáng tạo ra nhiều tình khúc tuyệt vời mà Duy sắp vào loại “ cảm tính ”, khác với loại “ lăng mạn ” buổi ban đầu trong tân nhạc, và khác với “ náo tính ”, “ nhục tính ”, và “ ảo tính ”, mà Duy đã nhắc đến. Phạm Duy không quên ơn Thái Hằng, người vợ hiền “ đại lượng sẵn sàng tha thứ cho mình ” (tr. 112), không quên những người tình, những người bạn, như Nguyễn Đức Quỳnh, Phạm Thiên Thư, những người đã cho mình những bài thơ đẹp để mình phổ nhạc, mấy lần, nhắc đến Thái Thanh có “ giọng hát vượt thời gian ” đã làm cho Duy thêm hứng mà sáng tác, kể cả công của các cháu, con của Duy, Duy Quang, Thái Hiền, Duy Cường... Có nghĩa, có tình, có trước có sau !

Lời ca Phạm Duy đặt ra toàn là thơ đủ các thể, thơ trong hình thức, mà nhút thơ trong nội dung. Văn xuôi của Duy cũng đầy thi vị. Và nếu tôi chép ra một cách khác, ai đọc mà không cho nó là một bài thơ ? Như câu : « Chúng ta đã có tối mười ngàn đêm đau thương, mười ngàn đêm đoạn trường, mười ngàn đêm oan khiên rồi thì đã đến lúc chúng ta phải quỳ xuống cầu nguyện cho tình yêu giáng sinh, cho một lần hoa nở, cho một lần ngực nở, cho một lần cửa mở và cho tình yêu của chúng mình cũng được giáng sinh », tôi có thể chép ra như sau :

Chúng ta đã có
Mười ngàn đêm đau thương

Mười ngàn đêm đoạn trường

Mười ngàn đêm oan khiên

Rồi thì

Đã đến lúc chúng ta phải quỳ xuống

Cầu nguyện cho tình yêu giáng sinh

Cho một lần hoa nở

Cho một lần ngực nở

Cho một lần cửa mở

Và cho

Tình yêu chúng mình

Cũng được giáng sinh

Có đúng là một bài thơ không ?

Những lần phải bỏ chạy vì thời cuộc cũng được Duy cho những trạng từ phù hợp với hoàn cảnh :

“ Nhớ ngày hè năm 1951 dôi vợ chồng và đứa con đầu lòng lêch thêch bỏ chợ Neo để vào thành tìm tự do... Rồi lê mế giã từ miền Bắc vào Nam để sinh sống... Và bây giờ long dong vĩnh viễn Sài Gòn với một nửa con cái ! ”

Còn rất nhiều chữ, nhiều đoạn rất độc đáo trong cách hành văn, kể ra không xiết.

Không thể ghi lại tất cả những gì đã làm cho tôi xúc động khi đọc hồi ký này của Duy. Trong đoạn cuối khi Duy viết : “ *Thống nhất đất nước chưa đủ, phải thống nhất lòng người* ” thì tôi đồng ý biết bao !

Riêng tôi, đọc hồi ký này, tôi được giải nhiều thắc mắc. Chưa hẳn là đồng ý với Duy trong căn bản, nhưng thấy đỡ vương vương trong lòng tôi về những bài hát loại “ *một hai ba, chúng ta đi lính* ”, loại tục ca, hay mối tình của Duy với Hélène và Alice. Tôi lại được biết trong điều kiện nào Duy rời Việt Nam tháng tư năm 1975, khác với những điều người ta thường nói ngoa. Tôi đã yêu tài của Duy rất nhiều, và vì quá yêu, nên đôi khi cũng đã quá giận nhưng theo bài ví dặm Nghệ An, “ *giận thì giận, mà thương thì cứ thương* ”, phải không Duy ?

Có một điều tôi muốn nhắc cho Duy biết để sau này khi tái bản có thể sửa lại vài chữ cho đúng với thực tế.

Anh Phạm Gia Huỳnh, không phải như anh Huỳnh Tấn Đốc (*Tấn* chớ không phải *Văn*), không có “ *nhiều bạn gái Pháp* ” (tr. 79). Anh Huỳnh có một người bạn gái mà sau này anh cưới làm vợ hắn hối.

Anh Đốc thì, đúng theo lời Duy nói, có nhiều bạn gái. Josiane, Gisèle và các cô khác nhưng các cô đều là “ *bồ* ” trong một vài giai đoạn của anh thôi.

Về bài *Sombre Dimanche* thì có nhiều câu cần phải ghi lại :

Par ce sombre Dimanche, les bras chargés de fleurs
Je suis rentré très tôt dans ma petite chambre
Où pourtant je savais que tu ne viendrais pas
J'ai murmuré les chants d'amour et de douleur
Je suis resté tout seul et j'ai pleuré tout bas
En écoutant souffler le vent froid de Décembre

Sombre Dimanche !

Je mourrai un beau jour où j'aurai trop souffert

(xem tiếp trang 9)

SANG SÔNG

truyện ngắn
NGUYỄN HUY THIỆP

Bến đò.

Sang đò có một nhà sư, một nhà thơ, một nhà giáo, một tên ăn cướp, hai tên buôn đồ cổ, hai mẹ con, một cặp tình nhân và chị lái đò.

Chị lái đò bắc tấm ván cầu để hai tên buôn đồ cổ đẩy chiếc xe máy lên đò. Tên cao gầy bảo tên mặc áo ca-rô :

– Cẩn thận !

Đấy là tên này bảo bạn nó cẩn thận ôm cái bọc vải trên tay ; trong ấy có cái bình cổ.

– Giúp với !

Tên cao gầy nói với người đứng sau. Người ấy là nhà thơ. Họ loay hoay đẩy chiếc xe máy lên tấm ván cầu. Nhà thơ vụng về níu chiếc xe máy lật nghiêng. Anh khuya đầu gối xuống nước.

Đôi trai gái đứng trên bờ bật cười. Cô gái nói với người yêu :

– Giúp họ một tay !

Chàng trai cởi áo khoác đưa cho cô gái. Anh đến chỗ xe đổ. Chiếc xe được nâng lên, đẩy vào khoang đò, nơi có hai mẹ con ngoài thành phố về thăm quê. Người mẹ ba mươi hai tuổi, xinh đẹp, dài các. Đầu con trai chín tuổi trông rất khau khỉnh.

Chiếc xe máy quay ngang trong lòng đò, chạm vào người thiếu phụ. Thiếu phụ cau mặt. Tên cao gầy nhanh nhẩu :

– Xin lỗi chị.

Tên cao gầy cúi xuống phủi vết bẩn ở đầu gối thiếu phụ. Thiếu phụ hất tay hắn, quay mặt đi. Đằng sau họ, nhà sư đang kể cho ông giáo nghe về đức Bồ Đề Lạt Ma :

– Khi ngài ngồi điện bích ở Tung Sơn, Huệ Khả đến chặt tay mình để xin phép ấn, nói rằng : “ *Bạch thầy, tâm con không an* ”. Ngài bảo : “ *Người đưa tâm của người ra đi* ”. Huệ Khả đáp : “ *Bạch thầy, con tìm tâm mãi mà không thấy* ”. Ngài bảo : “ *Đó ! Đó là ta đã an tâm cho người rồi đó* ”. Thế là Huệ Khả giặc ngô...

Tên mặc áo ca-rô ôm bọc vải vào lòng ngồi cạnh nhà sư. Đây là chỗ an toàn

Tiếng gọi lần này gay gắt hơn. Con đò hướng mũi vào bờ.

Từ trên doi đất đi xuống là một người cao lớn, khoác túi, trông dáng phong trần. Nhảy một bước, anh ta đã ở trên đò. Nước sông bắn cả vào nhà sư. Nhà sư giật mình, thốt lên :

– A di đà Phật !

Ông giáo lẩm bẩm :

– Người với ngọt, trông như tướng cướp.

Kẻ ấy là tướng cướp thật. Hắn cười nhã nhặn như để xin lỗi mọi người rồi thản nhiên cầm lấy tay chèo. Hắn quấn chiếc túi vải lên đầu tay chèo rồi kẹp tay chèo vào nách để châm thuốc lá vừa nháy mắt nói với chị lái đò :

– Trời chẳng nắng, trời chẳng mưa. Thoắt cái mà đã xế trưa mất rồi !

Chị lái đò bàng quơ :

– Giông bão gì đâu mà qua xuống núi ?

Tên cướp vui vẻ :

– Có cô cưới người ta mồi. Ông lão sáu mươi lấy cô mười bảy.

Mọi người trên đò lặng ngắt. Chẳng ai ưa lối trò chuyện này. Chỉ có cặp tình nhân không chú ý gì. Chàng trai luồn bốn ngón tay qua lằn chun quần cô gái. Cô gái định làm một cử chỉ cưỡng lại nhưng sợ mọi người chú ý nên lại ngồi im.

Tiếng chèo khua rất khẽ.

Tên mặc áo ca-rô ngủ gà ngủ gật.

Ông giáo tiếp tục câu chuyện :

– Bạch thầy ! Bản chất đời sống con người có sự ác. Con người chạy theo dục tình, tiền bạc, danh vọng hão huyền.

Nhà sư đưa mắt nhìn vào lòng bàn tay.

– Bạch thầy ! Đâu đâu con cũng thấy có súc vật *.

Nhà thơ ngâm khe khẽ :

– Chỉ có ta, cô đơn giữa bầy...

Thiếu phụ bóc một quả cam đưa cho chú bé. Chú bé lắc đầu.

Truyện ngắn kèm đây là sáng tác đầu tiên của Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện trên báo Việt Nam kể từ khi nhà văn bị các cơ quan an ninh thẩm tra trong “ vụ ” Bernard Gesbert (tháng 5.1991) và tịch thu tất cả các bản thảo chưa xuất bản. Được biết là đến tháng 12.91 vừa qua — khi truyện “ Sang sông ” kèm đây được sáng tác — bộ nội vụ vẫn chưa trả lại các bản thảo cho tác giả.

* Trên bản in của báo Văn Nghệ, hình như thiếu một câu

Tên cao gầy rút ra bao thuốc lá mời
nhà thơ. Nhà thơ nhận ra một nốt ruồi
ngay tinh mũi hắn. Anh lắc đầu :

– Cái nốt ruồi kinh quá !

Tên cao gầy trổ mắt :

– Sao thế ?

– Anh có thể thoát cái giết người như
bón.

Nhà thơ đưa tay cứa ngang cổ mình :

– Như thế này này...

Tên cao gầy bật cười :

– Sao biết ?

Nhà thơ lắp bắp, anh không tin chắc
điều mình nói nữa :

– Tôi là nhà tiên tri thấu thị.

Chú bé níu lấy tay anh :

– Thế còn cháu thế nào hả chú ?

Nhà thơ chăm chú nhìn sâu vào mắt
chú bé, nhận ra một nỗi buồn khắc khoải
tê dại nhu thế của tổ tông truyền lại cho
nó, lẫn ở đấy có những vẫn đở nhỏ li ti.
Anh ngần ngại hỏi :

– Cháu có dám mơ mộng không ?

Chú bé gật đầu quả quyết :

– Có !

Nhà thơ mỉm cười :

– Vậy cháu bất hạnh !

Thiếu phụ thở dài.

Ông giáo lẩm bẩm :

– Đâu đâu cũng rặt những phường điêu
trá.

Cô gái ngồi ở đầu mũi đò cựa quậy.
Người yêu của cô luôn bốn ngón tay sâu
thêm chút nữa vào trong quần lót của cô.
Củ chỉ của anh không lọt qua mắt thiếu
phụ. Bằng kinh nghiệm riêng đàn bà,
thiếu phụ biết cặp tình nhân đang giở trò
khỉ.

Ông giáo ngâm ngợi :

« Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng rám mùi dâu
Nghĩ thân phù thế mà đau
Bợt trong bể khổ bèo đầu bến mê
Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ
Đường thế đò gót rõ kỳ khu
Sóng cồn cùa bể nhấp nhô
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt
ghềnh...»

Nhà thơ reo khẽ :

– Hay quá ! Thơ của ai thế cụ ?

Ông giáo trả lời :

– Đấy là Nguyễn Gia Thiều.

Nhà thơ thở dài :

– Tiếc thật...

Cô gái ngồi đầu mũi đò bật lên tiếng
rên khe khẽ.

Thiếu phụ nhìn sâu vào mắt cô gái
rửa thăm :

– Đồ đĩ !

Cô gái nhận ra lời rửa bèn quay mặt
đi nhưng vẫn bị ánh mắt thiếu phụ dõi theo. Không chịu nổi, cô gái trảng tráo
nhìn thẳng vào mắt thiếu phụ thừa nhận :

– Ừ thì đĩ !

Chú bé bật cười vì nhìn thấy rớt dãi ở
bên mép của tên buôn đồ cổ mặc áo ca-
rô. Mắt hấn điu lại, đầu cú thúc lia lịa
vào mặt nhà sư.

Chiếc bọc vải trên tay của tên mặc áo
ca-rô tì hấn lên đùi ông giáo. Ông giáo
bực mình, giăng lấy chiếc bọc vải làm
sợi dây buộc ra để lộ chiếc bình. Tên mặc
áo ca-rô tỉnh ngủ, giật mình :

– Cháu xin lỗi cụ !

Ông giáo nâng chiếc bình lên tay
ngắm nghĩa thán phục :

– Chiếc bình đẹp quá !

Ông giáo quay sang bên cạnh :

– Bạch thầy ! Chiếc bình này thời nào ?

Nhà sư ngược lên, trong ánh nhìn loé
một tia sáng thậm chí giống hệt dục
vọng :

– Bình gốm thời Bắc thuộc, đời Lý Bí
hay Khúc Thừa Dụ.

Ngần ngừ giây lát, nhà sư đưa bàn
tay sờ lên miệng bình :

– Chùa Tương có cái bình thế này, bán đi
đủ tiền xây lại tam quan.

– Một “cây” đấy !

Tên cao gầy hanh diện đỡ lấy chiếc
bình trên tay ông giáo. Tên cướp dừng
chèo, không điều gì trong đò lọt qua mắt
hắn.

Cô gái ngồi gần cuối đò xoay người,
tránh một củ chỉ quá tròn bắt cần của
người yêu cô. Chàng trai bức mình rút
tay khỏi lòng cô gái. Ngay lúc ấy, một ý

Minh họa của THÀNH CHƯƠNG



nghĩ hiện lên khiến anh tự dung cáu bẩn.
Anh ngồi nhích xa cô gái :

– Đàn bà... quý sứ... Tất cả đều chẳng ra
gì... Bẩn thỉu...

Cô gái duỗi thẳng chân. Vẻ thất vọng
của cô làm cho thiếu phụ chú ý. Thiếu
phụ cười nụ, không giấu được vẻ hả hê
trong mắt.

Nhà thơ xem xét chiếc bình, thán
phục :

– Hai nghìn năm lịch sử... Kinh thật !
Ngày xưa có cô công chúa đựng nước gội
đầu ở bình này đấy !

Tên cao gầy mỉm cười :

– Tôi tưởng bình đựng rượu ?

Nhà thơ gật đầu :

– Đúng rồi ! Thế kỷ XIII, khi quân
Nguyên Mông sang, có tráng sĩ đã dùng
bình này đựng rượu... Thế kỷ XV người
ta chôn nó xuống đất.

– Thật chịu thay ! — Tên cao gầy thú vị

— Chiếc bình này chắc nhiều sự tích
phải không ?

Nhà thơ gật đầu quả quyết :

– Tất nhiên rồi — Anh nheo mắt lại —
Có năm mươi sự tích.

Ông giáo đánh rơi chiếc cặp trên tay.
Tên mặc áo ca-rô nhặt hộ tờ giấy, thấy ở
đấy có chữ ghi chép. Hắn liếc mắt đọc :

– « Nhân loại có bốn phận làm việc
không ngừng để sáng tạo những người
cao thượng. Đó là nhiệm vụ của con
người, và chẳng có việc gì khác nữa »
(Nietzsche). « Tôi thường nói với nghệ sĩ
— và tôi còn nói mãi — rằng cùng đích
những xung đột trong vũ trụ và loài
người chính là nghệ thuật trình diễn kịch,
bởi vì những xung đột đó không có một
công dụng nào nữa » (Goethe).

Tên mặc áo ca-rô đưa trả ông giáo tờ
giấy. Hắn lẽ độ :

- Chú cù tươi quá !

Ông giáo cầm tờ giấy, chua chát nói :

- Chú à ? Văn tốt chữ tươi thì nghĩa lý gì ?

Chú bé dựa hẳn vào lòng nhà thơ. Chú bé đút tay vào trong miệng bình. Thiếu phụ hốt hoảng :

- Nay con ! Khéo không rút tay được ra thì khốn !

Có lẽ lời nhắc nhủ của thiếu phụ chính là lời rủa của tạo hoá.

Tên cao gầy giật mình. Hắn bảo chú bé :

- Rút tay ra !

Chú bé loay hoay. Hình như miệng của chiếc bình bé lại.

Chú bé mếu máo :

- Mẹ cứu con !

Mọi người trong đò rối rít cả lên. Chú bé không sao rút tay ra được miệng bình.

Thiếu phụ sợ hãi :

- Làm sao bây giờ ?

Tên mặc áo ca-rô ngồi xuống đỡ lấy chiếc bình, hắn vừa xoay chiếc bình vừa cắn nhẫn :

- Đồ quý ! Nghịch hết chỗ nói !

Chú bé oà khóc. Tên cao gầy bắt đầu nổi giận. Tên cướp không chèo nứa. Hắn đến gần xem xét. Hắn khuyên chú bé :

- Kéo mạnh tay ra !

Tên cao gầy nhăn mặt, giọng khàn lại :

- Cẩn thận không vỡ chiếc bình !

Chỉ còn một thôi chèo nứa là đò cắp bến. Dòng sông lặng ngắt như tờ. Đã thấy khói lam chiều ở phía làng xa.

Cặp tình nhân cũng rời chỗ ngồi đến gần chú bé. Người ta làm đủ cách để gỡ chiếc bình ra. Chú bé nước mắt lưng tròng.

Nhà thơ dùa cợt, rõ ràng chẳng hợp tình cảnh chút nào.

- Chỉ còn cách chặt tay chú bé để cứu chiếc bình, sau đó lại đập vỡ bình cứu tay chú bé.

Thiếu phụ khóc lóc, rên rỉ :

- Trời ơi... Khổ quá !

Tên cao gầy đỡ lấy chiếc bình. Hắn kéo mạnh. Đây là cỗ găng cuối cùng. Cỗ tay chú bé đỗ hỏn, xước cả da.

- Chịu !

Tên cao gầy khẳng định. Hắn đứng dậy, thò tay vào trong ngực áo. Tên mặc áo ca-rô hiểu ý bạn hắn.

Chiếc đò cắp bến. Ở trên bờ không một bóng người. Gió lạnh thổi.

Tên cao gầy và tên mặc áo ca-rô lăm lăm hai mũi dao nhọn.

Tên cao gầy nói với thiếu phụ, dứt khoát, lạnh lùng :

- Chiếc bình này một "cây". Bà chỉ tính sao thì tính !

Thiếu phụ sợ hãi, ôm chặt chú bé :

- Trời ơi... Tôi không mang tiền...

Sực nhớ ra, thiếu phụ vội vã tháo ở ngón tay chiếc nhẫn.

Tên cao gầy hất đầu cho tên mặc áo ca-rô. Tên này cầm ngay chiếc nhẫn đút vào túi áo.

Tên cao gầy dí dao vào cổ chú bé. Một giọt máu út ra nơi đầu mũi dao. Giọt máu chảy từ từ trên vệt lang ben trắng bạch.

- Sao làm thế ?

Ông giáo lập cập đánh rơi cả kính. Mũi dao ấn sâu hơn nữa. Một tia máu nhỏ phun vào bàn tay ông giáo.

Cô gái đứng bên chàng trai ôm mặt rú lên, ngã cạnh thành đò. Chàng trai đẩy nhả thơ ra, anh tháo chiếc nhẫn ở tay chìa ra cho tên mặc áo ca-rô. Anh nói, giọng như ra lệnh :

- Các người bỏ thằng bé ra !

Thiếu phụ thôi khóc. Chị hơi ngạc nhiên trước cử chỉ của chàng trai trẻ.

Tên cao gầy đảo mắt. Lưỡi dao lút dần vào cổ chú bé. Tên mặc áo ca-rô cầm lấy chiếc nhẫn trên tay chàng trai.

Tên cướp sấn vào, hắn giẫm vào chân chú bé. Chú bé rú lên. Tên cướp nghiêng người, xô cả vào người ông giáo. Chiếc túi vải khoác trên vai hắn rơi xuống, đổ ra lủng củng các thứ đồ nghề rõ ràng chẳng phải lương thiện chút nào : chiếc côn nhị khúc, chùm chìa khoá đến năm chục chiếc khác nhau, luối lê, chiếc còng số 8, cuốn lịch xem ngày tốt xấu ố vàng rách nát...

Tên cướp nhét vội đồ nghề cho vào túi vải. Hắn cầm chiếc côn trên tay đậm đập. Hắn nói :

- Việc đã lỡ rồi, coi như vận xấu, đi buôn lỗ vốn !

Tên cao gầy trùng mắt lên nhìn. Tên cướp nửa đứa nửa thật :

- Thôi đi ! Trẻ con là tương lai đấy ! Làm gì cũng phải nhân đức hàng đầu.

Tên cao gầy lưỡng lự, để lỏng mũi dao. Ngay lúc ấy, chiếc côn trên tay tên cướp bổ mạnh vào miệng chiếc bình.

Chiếc bình gõm vỡ.

Nhà thơ thở phào. Anh tán thưởng :

- Có thể chứ !

Chú bé quy vào lòng mẹ.hai mẹ con ôm nhau khóc.

Tên cao gầy và tên mặc áo ca-rô sững

sờ, chúng quay sang phía tên cướp, lầm lầm luõi dao.

Tên cướp lùi dần rồi nhảy lên bờ. Hắn xoay chiếc côn nhị khúc trên tay.

- Vô ích — Hắn thản nhiên nói.

Mà vô ích thật. Rõ ràng là thế.

Chàng thanh niên đỡ cô gái dậy. Cô gái mỉm cười. Cô biết, cô sẽ yêu anh mãi mãi.

Nhà thơ lẩm bẩm :

- Tình yêu làm cho con người cao thượng.

Hai tên buôn đò cố cất dao rồi đẩy xe máy lên bờ. Chúng lùa bàu chửi rủa đến khi ngồi lên xe máy.

Ông giáo bàng hoàng. Sự việc xảy ra khiến ông kinh ngạc :

- Trời ! Anh ấy dám đập vỡ bình !

Chị lái đò giấu nụ cười thăm. Chị biết, vô phúc cho ai một mình gặp hắn trong đêm.

Nhà thơ nhặt mấy mảnh gốm đưa cho thiếu phụ. Anh giải thích :

- Để làm kỷ niệm.

Anh cúi xuống đỡ người chú bé. Mọi người lần lượt lên bờ.

Bóng chiều tan dần. Trên đò còn lại nhà sư vẫn ngồi bất động.

Chị lái đò dè dặt :

- Bạch thầy ! Mời thầy lên bờ.

Nhà sư lắc đầu :

- Thôi, cho tôi quay về.

Ngần ngừ giây lát, ông lưỡng lự nói :

- Tôi sẽ đi sau.

Chị lái đò tần ngần nhìn những vì sao cuối trời :

- Bạch thầy, về bên kia sông con không đi nữa.

Nhà sư vui vẻ, cười khẽ :

- Không sao ! Muốn đi là được. Ngày xưa đức Bồ Đề Lạt Ma còn sang sông trên một cọng cỏ cơ mà...

Chếc đò quay về bến cũ. Bóng chị lái đò và nhà sư nổi bật ở trên dòng sông phẳng lặng. Trăng lên. Tiếng chuông ngân nga êm đềm.

Nhà sư thầm thì đọc câu thần chú :

- Gate gate ! Para gate ! Para para sam gate !

Hà Nội 19.12.1991

Nguyễn Huy Thiệp

(Văn Nghệ, 22.02.92)

Cách gửi tiền mua báo dài hạn

Nhiều bạn đọc đã hỏi chúng tôi cách nào thuận tiện nhất để gửi tiền mua báo. Chúng tôi đề nghị những phương thức sau đây :

Nếu bạn ở Pháp :

1. Hoặc gửi séc ngân hàng, séc bưu điện hay *mandat-lettre* đề tên **Diễn Đàn** về địa chỉ báo.
2. Hoặc gửi thẳng séc *bưu điện* đề tên **Diễn Đàn, CCP 4 416 14 W Paris** đến trung tâm séc bưu điện của bạn.

Trong cả hai trường hợp, xin ghi rõ tên và địa chỉ chính xác của người nhận báo bằng chữ in, kể từ số mấy. Theo cách thứ hai, bạn có thể ghi những thông tin này trên mặt sau lưng séc, ở phần nhỏ của séc, hoặc cho chúng tôi biết trong thư về địa chỉ báo.

Nếu bạn ở châu Âu :

1. Nếu bạn có séc bưu điện, bạn có thể chuyển thẳng tiền từ chương mục của bạn sang chương mục của báo (xem trên). Cách này rẻ nhất, người gửi và nhận không mất lệ phí ngân hàng. Đừng quên thông báo cho chúng tôi biết địa chỉ nhận báo, ngày và số tiền bạn đã chuyển cho Diễn Đàn.
2. Hoặc gửi *măng - da* đề tên **Diễn Đàn** về địa chỉ báo.
3. Hoặc gửi *Eurocheque* đề tên **Diễn Đàn** và ghi số tiền bằng quan Pháp, bằng tiếng Pháp hoặc tiếng của nước bạn ở. Phần viết bằng số phải đề số tiền kèm theo hai chữ F (ví dụ : 280 FF). Chi phí chúng tôi phải chịu khi nhận một *Eurocheque* là 21 FF. Những loại séc ngân hàng khác, chi phí rất đắt.
4. Nếu bạn ở Đức, bạn cũng có thể chuyển tiền hoặc gửi séc 80 DM đề tên **TRAN** (đừng đề Diễn Đàn) và gửi về địa chỉ : TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 Sulzbach-Rosenberg.

Nếu bạn ở các nơi khác (Châu Mỹ, Úc, Á, Phi) :

Xin bạn gửi bằng *Money Order* (*măng - da*) đề tên **Diễn Đàn**, với số tiền ghi bằng quan Pháp. Ví dụ : trois cent trente francs français, hoặc three hundred thirty French Francs. Chỗ viết số phải đề rõ số tiền kèm theo hai chữ F (ví dụ : 330 FF). Xin đừng chuyển bằng đô la Mỹ hoặc Canada...

Nếu ngân hàng của bạn có quan hệ với một ngân hàng Pháp hoặc là chi nhánh của một ngân hàng Pháp, bạn cũng có thể gửi séc đề tên **Diễn Đàn** về địa chỉ báo. Song, ngay cả như vậy, chi phí tờ báo phải chịu lên rất cao (trên 100 quan Pháp, và tùy theo ngân hàng, có khi còn cao hơn nữa. Có lần Ngân hàng Pháp đã trả lại séc cho chúng tôi vì số tiền 330 FF không đủ phí tổn chuyển khoản!).

Trong mọi trường hợp, xin nhắc lại, bạn đừng quên báo cho chúng tôi biết (bằng thư hoặc Fax) địa chỉ nhận báo, ngày và số tiền gửi để tiện việc quản lý. **Tên và địa chỉ xin viết bằng chữ in** (và chuyển sang mẫu tự latin).

Ban Quản Lý Diễn Đàn.

Rao Vặt

Tìm phụ nữ đứng tuổi, có kinh nghiệm, để trông hai cháu (3 tháng và 3 tuổi) và phụ việc nhà. Ngoại ô nam, gần RER - Lương hậu - Bảo hiểm xã hội.

Dây nói : 4660 9734 (từ 20 đến 22 giờ), 4356 4306 (từ 10 đến 18 giờ).

Phạm Duy nói về Con đường cái quan...

(tiếp theo trang 27)

chúa thì đến Huế. Cái ngộ nghĩnh là vào miền Nam tôi lại cho anh đi ngựa, theo nhịp ngựa mà người miền Nam ưa thích. Mỗi nhân vật đều có nét nhạc riêng ; về phong cảnh từng miền thì tôi cũng không đi xa hơn *Bầy chim bỏ xứ* mấy. *Bầy chim bỏ xứ* là ca dao là sấm truyền, tục ngữ, thì tất cả *Con đường cái quan* này là những diệu dân ca được nâng lên thành nhạc giao hưởng. Cũng là nét nhạc đó, có khi trình diễn theo lối nguyên sơ, với những cây đàn có nhãm, khác với nhạc cổ điển Tây phương không nhãm được vào những hơi oán hay hơi nam. Khi tôi dùng nhạc dân tộc, tôi không dùng đàn tranh, tôi dùng đàn cõtô của Nhật có nhãm. Khi đi vào nhạc giao hưởng thì những cái yếu tố đó phải chịu quy luật hoà âm. Mà hoà âm đây lại không phải của Tây phương. Hoà âm Tây phương là nhạc *tonale*, thanh nhạc, còn Á đông là thể nhạc, *modale* — cái đó hơi đi sâu vào chi tiết. Về phương diện nhạc thuật chỉ có vậy.

DĐ : Xin cảm ơn anh Phạm Duy đã trả lời về *Con đường cái quan*. Vậy giờ ta nói sang chuyện khác.

Đặng Tiến ghi, sao lại

16.3.1992

Đĩa compact tổ khúc *Bầy chim bỏ xứ* (kèm theo sách có bản nhạc và nhiều lời phê bình) và trường ca *Con đường cái quan*, cũng như ba tập *Hồi ký* của Phạm Duy : nhà phát hành Phạm Duy Cường, 14692 Hunter Lane, MIDWAY CITY, CA 92655, USA.



Phiếu mua dài hạn báo **Diễn Đàn**

Tên

họ.....

Địa chỉ

.....

..... ghi mua 1 năm báo Diễn Đàn kể từ số

Kèm theo đây ngân phiếuFF đề tên DIEN DAN gồm:

..... FF là tiền mua báo (Pháp : 250 FF ; Châu Âu ngoài

Pháp : 280 FF ; DOM-TOM thuộc Pháp và các nước khác :
330 FF)

..... FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (nếu bạn gửi *money order*, xin xem bài kế bên) về Diễn Đàn, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Chú ý : bạn đọc ở Đức có thể ký séc 80 DM, đề tên TRAN (Bank : Stadt und Kreissparkasse, Sulzbach-Rosenberg, Konto № 21 09 700 BLZ 752 517 80), và gửi về địa chỉ : TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 Sulzbach-Rosenberg.